

Tuần: 1- Tiết: 1 - 2 Ngày Soạn : 9/8	Đọc văn <h2 style="text-align: center;">TỔNG QUAN VĂN HỌC VIỆT NAM</h2>
---	--

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

- Nắm được các bộ phận lớn và sự vận động phát triển của văn học
- Nắm được nét lớn về nội dung và nghệ thuật

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên:

- Phương tiện thực hiện: SGK
- Phương pháp: phát vấn, diễn giảng

2. Học sinh:

- Bài soạn
- SGK

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

1. Ổn định lớp: KTSS

2. Giới thiệu bài mới

3. Bài mới:



Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>*Yêu cầu học sinh đọc phần I – SGK ? VHVN gồm mấy bộ phận lớn? Hy nu điểm khác biệt của cc bộ phận ny?</p> <p>- Yêu cầu hs đọc SGK trang 6 ? Theo em vh viết VN có của cc bộ mấy thời kỳ phát triển, kể ra?</p> <p>? Vh trung đại được viết bằng những chữ viết nào?</p> <p>? Văn học chữ Hán có đặc điểm gì ?</p> <p>? Kể tên tác giả, tác phẩm tiêu biểu mà em biết ?</p> <p>? Văn học chữ Nôm phát triển mạnh ở thời gian nào, có đặc điểm gì? So với vh chữ Hán -> vh chữ Nôm chịu ảnh hưởng vhdg toàn diện và sâu sắc hơn. Sự phát triển vh Nôm</p>	<p>*Đọc theo yêu cầu -> 2 bộ phận – VHDG + VH viết</p> <p>* Chú ý</p> <p>* Đọc</p> <p>-> Có 3 thời kỳ, từ TK X đến hết TK XIX, từ đầu TK XX đến CM tháng Tám 1945, từ sau CM tháng Tám 1945 đến hết thế kỷ XX</p> <p>- Chữ viết: Hán, Nôm</p> <p>- Chịu ảnh hưởng văn học TQ,...</p> <p>--> Có thể trả lời theo sự hiểu biết, rút từ SGK.</p> <p>à TK XV -> đỉnh cao TK XVIII – đầu TK XIX, tiếp thu chủ động, sáng tạo</p>	<p><u>I. Các bộ phận hợp thành của VHVN:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn học dân gian. - Văn học viết: Hán, Nôm, Quốc ngữ. <p><u>II. Quá trình phát triển của văn học Việt Việt Nam:</u></p> <p><u>1. Văn học Trung Đại:</u> (TK X -> TK XIX): chủ yếu viết bằng chữ Hán và chữ Nôm</p> <p>a) Văn học Hán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành : TK X -> đầu TK XX, chịu ảnh hưởng của nền vh TQ, có giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc. - Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu: + Văn xuôi: Lê Thánh Tông “Thánh Tông di thảo”, Nguyễn Dữ “TKML” + Thơ: Nguyễn Trãi “Ức trai thi tập”, Nguyễn Du “Bắc hành tạp lục” <p>b) Văn học chữ Nôm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát triển mạnh TK XV và đạt đỉnh cao cuối TK XVIII, đầu TK XIX ; tiếp thu chủ động, sáng tạo văn học Trung Quốc ; gắn liền với lòng yêu nước, tinh thần nhân đạo, hiện thực

<p>là ý chí xây dựng nền văn hiến độc lập, tự chủ của dân tộc VN ? Kể tên tác giả, tác phẩm tiêu biểu mà em biết ? * GV diễn giảng sự khác biệt của văn học trung đại và văn học viết (tác giả, đs văn học, thể loại, thi pháp) * Chuyển ý sang mục 2 Văn học hiện đại có đặc điểm gì ?</p> <p>? Văn học thời kỳ này chia làm mấy giai đoạn? ? Ở từng giai đoạn có gì khác nhau? ? Hãy kể tên một số tác giả tác phẩm tiêu biểu ở từng giai đoạn? * GV ghi nhận – bổ sung những điểm khác của từng giai đoạn</p> <p>? Về nghệ thuật, VH viết có những thành tựu gì? HOẠT ĐỘNG 3 * Chuyển sang phần III ? VHVN đã thể hiện chân thực con người VN những mối quan hệ nào? * Lưu ý: - Với con người VN, thiên nhiên là người bạn thân thiết- Tình yêu thiên nhiên là nội dung quan trọng của văn học VN - Trong quan hệ quốc gia: chủ nghĩa yêu nước gắn liền với ý thức giữ gìn và bảo tồn môi trường văn hoá, tuấn phong mỹ tục của truyền thống - Con người VN luôn mơ ước xây dựng một môi trường xã hội tốt đẹp. HOẠT ĐỘNG 4:</p>	<p>Tinh thần dân tộc phát triển, yêu nước, nhân đạo, ... * Nghe giảng</p> <p>à Có thể trả lời theo sự hiểu biết, rút từ SGK.</p> <p>à Văn học viết từ thế kỉ xx đến hết thế kỉ XIX chủ yếu viết bằng quốc ngữ</p> <p>-> Dựa SGK trả lời đặc điểm của từng giai đoạn</p> <p>- kể một số tác giả tiêu biểu theo sự hiểu biết</p> <p>* Nghe – ghi nhận</p> <p>à về thể loại</p> <p>à Con người VN trong quan hệ với thế giới tự nhiên, Con người VN trong quan hệ quốc gia dân tộc, Con người VN trong quan hệ xã hội, Con người VN và ý thức về bản thân * Lắng nghe ghi nhận</p>	<p>- Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu: Phạm Thái “Sơ kính tân trang”, Nguyễn Du “Truyện Kiều”, Thơ Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan...</p> <p><u>2. Văn học hiện đại (TK XIX – TK XX)</u></p> <p>- Văn học chủ yếu viết bằng chữ quốc ngữ, bước vào quỹ đạo của văn học hiện đại, tiếp xúc với nền văn học Châu Âu</p> <p>- Đặc điểm văn học hiện đại ở từng giai đoạn có khác nhau : + Từ đầu TK XX -> 1945: ầ VH hiện thực ghi lại không khí ngột ngạt của xã hội thực dân nửa PK . ử VH lãng mạn đề cao cái tôi cá nhân. t Tác giả tiêu biểu : Nam Cao, Nguyễn Tuân, Thạch Lam, ... + Từ 1945 đến hết thế kỷ XX ý VH từ 1945 đến 1975 đi sâu vào phản ánh sự nghiệp đấu tranh CM và xây dựng cuộc sống mới ó VH từ sau 1975 phản ánh công cuộc XDCNXH sự nghiệp công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước; thể hiện tâm tư tình cảm con người trong thời đại mới. ó Tác giả tiêu biểu: Tố Hữu, HCM, Nguyễn Minh Châu, ...</p> <p>- Có nhiều thành tựu về nghệ thuật đặc biệt về thể loại. III. Con người VN qua văn học: - Con người VN trong quan hệ với thế giới tự nhiên - Con người VN trong quan hệ quốc gia dân tộc - Con người VN trong quan hệ xã hội - Con người VN và ý thức về bản thân</p>
--	--	--

<p>GV hướng dẫn HS tổng kết ? Thông qua quá trình tìm hiểu em có kết luận gì về VHVN? * Nhận xét – bổ sung Gọi HS đọc to phần ghi nhớ.</p>	<p>VH N?m</p> <p>àTóm lại nội dung bài học</p> <p>àĐọc ghi nhớ</p>	<p>IV.TỔNG KẾT:</p> <p>-VHVN có 2 bộ phận lớn:văn học dân gian và văn học viết.VH viết VN gồm văn học trung đại và văn học hiện đại,phát triển qua 3 thời kì,thể hiện sâu sắc đời sống tư tưởng tình cảm của con người Việt Nam.</p> <p>-Học văn học dân tộc là để tự bồi dưỡng nhân cách, đạo đức,tình cảm,quan niệm thẩm mỹ và trau dồi tiếng mẹ đẻ.</p>
--	--	---

4.Củng cố:

SƠ ĐỒ CÁC BỘ PHẬN VHVN

5.Dặn dò:

-Chuẩn bị bài”Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ”

<p>Tuần: 1- Tiết: 3 Ngày soạn: 9/8</p>	<p><u>TIẾNG VIỆT</u></p> <p>HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ</p>
--	--

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh nắm được kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp, nâng cao kỹ năng phân tích, lĩnh hội trong giao tiếp và tạo lập văn bản trong giao tiếp.

II.CHUẨN BỊ

1.Giáo viên: SGK, SGV, giáo án: phương pháp thảo luận, trả lời câu hỏi.

2.Học sinh: Đọc trước ở nhà tập bài học

III.TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

1.Ổn định lớp – KTSS

2.KTBC: Các bộ phận cấu thành văn học Việt Nam? Cho biết quá trình phát triển của văn

học viết Việt Nam?

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt của động trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG 1:</p> <p>* Gọi hs đọc văn bản SGK trang 14, trả lời theo các yêu cầu</p> <p>? Hoạt động gt được văn bản ghi lại diễn ra giữa các nhân vật gt nào? Hai bên có cương vị và quan hệ với nhau như thế nào?</p> <p>* Nhận xét – bổ sung</p> <p>? Trong hoạt động gt trên, các nhân vật gt lần lượt đổi vai cho nhau như thế nào? Người nói tiến hành những hành động cụ thể nào còn người nghe thực hiện những hành động nào?</p> <p>ộ Nhận xét – bổ sung</p> <p>? Hoạt động gt trên diễn ra trong hoàn cảnh nào?</p> <p>ả Nhận xét – bổ sung</p> <p>? Hoạt động gt trên hướng vào nội dung gì?</p> <p>ộ Nhận xét – bổ sung</p> <p>? Mục đích của cuộc gt là gì? Cuộc giao tiếp đó đạt được mục đích đó không?</p> <p>* Nhận xét – bổ sung</p> <p>Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm, theo đơn vị tổ 5 phút : Trả lời các câu hỏi ở ngữ liệu 2 SGK trang 15</p> <p>* Nhận xét – bổ sung</p>	<p>* Đọc văn bản SGK trang 14</p> <p>-> Đọc, suy nghĩ trả lời theo yêu cầu</p> <p>- Nhân vật giao tiếp: Vua và các bô lão</p> <p>- Cương vị: vua- tôi</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>-> Đọc, trả lời</p> <p>Các bô lão nghe vua hỏi “Nên liệu tính sao đây”. Hai bên các bô lão nghe lần lượt đổi vai gt. Các bô lão tranh nhau nói – Vua nghe</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>-> Đọc, trả lời diễn ra ở Điện Diên Hồng. Lúc này quân Nguyên – Mông kéo 50 vạn quân ồ ạt sang xâm lược nước ta.</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>-> Đọc, trả lời tiếp hướng vào nội dung: hoà hay đánh.</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>-> Đọc, trả lời</p> <p>- lấy ý kiến thăm dò của mọi người</p> <p>- Kết quả: đi đến kết luận “đánh”</p> <p>-> đạt được mục đích giao tiếp</p> <p>Ghi nhận</p> <p>Thảo luận</p> <p>Trình bày kết quả</p> <p>* Ghi nhận</p>	<p>I. Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>1. Tìm hiểu :</p> <p>a)</p> <p>- Nhân vật giao tiếp: Vua và các bô lão</p> <p>- Cương vị: vua- tôi</p> <p>b)</p> <p>- Người tham gia giao tiếp ở đây nghe xem người nói nói gì để lĩnh hội nội dung mà người nói phát ra</p> <p>- Các bô lão nghe vua hỏi “Nên liệu tính sao đây”. Hai bên các bô lão nghe lần lượt đổi vai gt. Các bô lão tranh nhau nói – Vua nghe.</p> <p>c)</p> <p>Hoạt động giao tiếp diễn ra ở Điện Diên Hồng. Lúc này quân Nguyên – Mông kéo 50 vạn quân ồ ạt sang xâm lược nước ta.</p> <p>d)</p> <p>Hoạt động giao tiếp hướng vào nội dung: hoà hay đánh.</p> <p>e)</p> <p>- Mục đích giao tiếp: lấy ý kiến thăm dò của mọi người</p> <p>- Kết quả: đi đến kết luận “đánh”</p> <p>-> đạt được mục đích giao tiếp</p> <p>* Văn bản 2 “ Tổng quan VHVN”</p> <p>a) NV giao tiếp: người viết SGK, GV, HS, độ tuổi từ 65 trở xuống đến 15 tuổi. Từ GS, TS đến lớp 10 THPT</p> <p>b) Hoàn cảnh giao tiếp có tổ chức gd, chương trình quy định chung hệ thống PT</p> <p>c) Nội dung giao tiếp: lĩnh vực vh; đề tài “TQ VHVN”; bao gồm những vđ: các bộ phận hợp thành của VHVN, quá trình phát triển của VHVN, con người VN qua văn học</p> <p>d) Mục đích :</p>

<p>? Thông qua quá trình tìm hiểu về các ngữ liệu, em hiểu thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ? mỗi hoạt động giao tiếp gồm mấy quá trình? các nhân tố chi phối quá trình giao tiếp?</p>	<p>àTrả lời hướng vào nội dung phần ghi nhớ</p>	<p>- Người viết, muốn cung cấp kiến thức cần thiết cho hs lớp 10 - Người đọc: lĩnh hội những kiến thức về VHVN. e) Phương tiện gt: sử dụng ngôn ngữ của vb khoa học. Đó là khoa học giáo khoa – Văn bản có bố cục rõ ràng, những đề mục có hệ thống, lý lẽ và dẫn chứng tiêu biểu. GHI NHỚ :- (SGK)</p>
---	---	--

4. Củng cố :

Các nhân tố giao tiếp của hoạt động giao tiếp

5. Dẫn dò :

-Học bài

-Chuẩn bị bài:” Khái quát VHDG VN” trả lời các câu hỏi hướng dẫn học bài trong SGK
 Tìm mỗi thể loại hai tác phẩm mà hs đ học hoặc đ đọc.

<p>Tuần: 2- Tiết: 4 NS: 10/8</p>	<p><u>Độc văn</u></p> <p>KHÁI QUÁT VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM</p>
--------------------------------------	--

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh:

- Nắm được các đặc trưng cơ bản của văn học dân gian và khái niệm về các thể loại của văn học dân gian
- Hiểu rõ vị trí vai trò và những giá trị cơ bản của văn học dân gian trong mối quan hệ với văn học viết và đời sống văn hó dân tộc

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: SGK, SGV; Phương pháp: phát vấn, diễn giảng
2. Học sinh: Chuẩn bị đọc, soạn ở nhà.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

1. Ôn định lớp: KTSS

2. KTBC: ? Trình bày ngắn gọn các thành phần văn học? Điểm khác nhau giữa vh trung đại và vh hiện đại?

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>:hướng dẫn hs tìm hiểu khái niệm văn học dân gian ?E m hãy nêu khái niệm của văn học dân gian? Hướng dẫn HS tìm hiểu đặc trưng cơ bản của</p>	<p>-> Là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng...</p>	<p>I. Khái niệm VHDG: Là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng được tập thể sáng tạo nhằm phục vụ cho những sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng II. Đặc trưng cơ bản của VHDG:</p>

<p>VHDG:</p> <p>? Tại sao VHDG là những tác phẩm nghệ thuật ngôn từ truyền miệng? Truyền miệng bằng phương thức như thế nào?</p> <p>* VHDG xuất hiện khi chưa có chữ viết -> ngôn ngữ nói là “dị bản”: nhiều bản kể khác nhau – có nội dung tương tự</p> <p>Yêu cầu hs cho vd GV nhận xét, minh họa.</p> <p>? Tại sao nói VHDG là sáng tác tập thể?</p> <p>* Nhận xét – bổ sung</p> <p>-> Tác phẩm VHDG trở thành sản phẩm chung của tập thể</p> <p>? VHDG gắn bó mật thiết với những sinh hoạt nào? Chuyển ý hướng đến thể loại của VHDG</p> <p>* Yêu cầu HS dựa vào SGK/17,18 để trả lời các khái niệm về thể loại</p> <p>? Thế nào là thần thoại? Kể tên những câu chuyện thần thoại mà em được biết?</p> <p>? Sử thi dân gian là gì? Kể tên những câu chuyện sử thi mà em được biết?</p> <p>ể Nhận xét – chốt ý</p> <p>à Tác phẩm tự sự dân gian có qui mô lớn, sử dụng ngôn ngữ có vần, nhịp, xây dựng những hình tượng nghệ thuật hoành tráng ...</p> <p>HS kể minh họa...</p> <p>? Thế nào là truyền thuyết?</p> <p>* Truyền thuyết : “Thánh Gióng”, “Lang Liêu”, ...</p> <p>-</p> <p>> Kể về những sự kiện lịch sử theo xu hướng lý tưởng hóa</p> <p>HS kể minh họa...</p> <p>? Truyện cổ tích là gì?</p> <p>* TCT: “Tấm Cám”, “TS LT”, “Em bé thông minh”, ...-> Ước mơ công bằng</p>	<p>-> Truyền từ người này sang người khác bằng lời nói(kể, hát ru, hò...)</p> <p>à tìm những câu ca dao, câu chuyện có tính dị bản</p> <p>-> Nhiều người sửa chữa bổ sung -> sáng tác tập thể</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>-> vui chơi, ca hát tập thể, lễ hội...</p> <p>-> Tác phẩm tự sự dân gian kể về các vị thần...</p> <p>HS kể minh họa...</p>	<p>1. Tính truyền miệng: Tác phẩm VHDG gắn với quá trình diễn xướng dân gian</p> <p>2. Tính tập thể: Quá trình sáng tác VHDG được cá nhân khởi xướng – tập thể tham gia bổ sung cho hoàn chỉnh, vì vậy sáng tác VHDG mang tính tập thể</p> <p>ể Tác phẩm VHDG gắn bó mật thiết với những sinh hoạt khác nhau trong đời sống cộng đồng: vui chơi, ca hát tập thể, lễ hội...</p> <p>III. Các thể loại của VHDG:</p> <p>1. Thần thoại :</p> <p>2. Sử thi:</p> <p>3. Truyền thuyết:</p> <p>4. Cổ tích:</p> <p>5. Truyện ngụ ngôn:</p> <p>6. Truyện cười:</p> <p>7. Tục ngữ:</p> <p>8. Câu đố:</p> <p>9. Ca dao:</p> <p>10. Vè:</p> <p>11. Truyện thơ:</p> <p>12. Chèo:</p>
---	---	---

<p>xã hội. Quan niệm ở hiền gặp lành.</p>	<p>người HS kể minh họa...</p>	
<p>? Kể tên vài câu chuyện ngụ ngôn – khái niệm về truyện ngụ ngôn.?</p>	<p>-> “Thầy bói xem voi”, “Cáo mượn oai hùm”, “Thỏ và rùa”,...</p>	
<p>? Thế nào gọi là truyện cười?</p>	<p>-> Khái niệm truyện ngụ ngôn...</p>	
<p>* Kể 1 số tên truyện cười: “Đến chết vẫn hà tiện”,...</p>	<p>HS kể minh họa...</p>	
<p>? Tục ngữ là gì, cho vài vd</p>	<p>-> Tác phẩm gây cười nhằm giải trí hoặc phê phán xh. HS kể minh họa...</p>	
<p>* Dẫn 1 vài vd tiêu biểu, cho hs ghi nhận.</p>	<p>-> Những câu nói ngắn gọn đúc kết kinh nghiệm của nhân dân.VD HS minh họa...</p>	
<p>? Thế nào là câu đố?</p>	<p>* Giới thiệu một số câu đố</p>	
<p>* Giới thiệu một số câu đố</p>	<p>-> Bài văn vẫn hoặc câu nói vẫn, mô tả vật đố bằng những hình ảnh, hiện tượng khác lạ để người nghe tìm lời giải HS minh họa...</p>	
<p>? Ca dao là gì ? cho vd</p>	<p>-> Bài văn vẫn hoặc câu nói vẫn, mô tả vật đố bằng những hình ảnh, hiện tượng khác lạ để người nghe tìm lời giải HS minh họa...</p>	
<p>? Về là gì – cho vd</p>	<p>-> Thơ trữ tình dân gian... HS minh họa...</p>	
<p>Về có 2 loại: về có 2 loại về thể sự – về lịch sử</p>	<p>HS minh họa...</p>	
<p>? Truyện thơ là gì?</p>	<p>-> Trả lời – về giữ trâu, về đi ở, về rau...</p>	
<p>? Thế nào là chèo?</p>	<p>-> Tác phẩm tự sự bằng thơ giàu chất trữ tình. HS kể minh họa...</p>	
<p>* Ngoài chèo còn thể loại sân khấu dân gian khác như tuồng</p>	<p>-> Tác phẩm sân khấu dân gian, kết hợp các yếu tố trữ tình và trào lộng để vừa ca ngợi những tấm gương đạo đức, vừa phê phán, đả kích cái xấu</p>	<p>IV. Những giá trị cơ bản của VHĐG VN:</p>
<p>Chuyển ý hướng đến tiêu đề IV</p>	<p>-> Tuồng, sân khấu, cải lương,...</p>	<p>- VHĐG là kho tri thức vô cùng phong phú về đời sống các dân tộc</p>
<p>? Tại sao nói VHĐG là kho tri thức?</p>	<p>HS kể minh họa...</p>	
<p>* Tri thức trong VHĐG là: Mọi lĩnh vực của đời sống tự nhiên, xh và con người...</p>	<p>-> Tuồng, sân khấu, cải lương,...</p>	<p>- VHĐG có giá trị dg sâu sắc về đạo lý làm người.</p>
<p>? VHĐG có giá trị giáo dục sâu sắc đạo lý làm người ntn?</p>	<p>HS kể minh họa...</p>	
<p>Tinh thần nhân đạo và lạc</p>		

<p>quan, Tình yêu thương đồng loại, tinh thần đấu tranh không mệt mỏi để bảo vệ và giải phóng con người khỏi áp bức bất công, niềm tin bất diệt vào chính nghĩa</p> <p>* Gợi ý – truyện “Tấm Cám”, “Thạch Sanh – Lý Thông”,...</p> <p>? VHDG có giá trị nghệ thuật như thế nào?</p> <p>Kết: Có thể nói VHDG là viên ngọc sáng của nền VHVN giúp cho các nhà thơ, văn về sau này phát triển nền VH viết VN phong phú hơn, đa dạng hơn.</p> <p>HOẠT ĐỘNG 5 Gợi HS đọc phần ghi nhớ</p>	<p>à Dựa SGK - Trả lời</p> <p>-> Giáo dục con người tinh thần nhân đạo, lạc quan bảo vệ chính nghĩa</p> <p>-> Mỗi thể loại có cái hay riêng đem lại sự rung động thẩm mỹ cho người đọc</p> <p>à đọc ghi nhớ</p>	<p>-VHDG có giá trị thẩm mỹ to lớn góp phần quan trọng tạo nên bản sắc riêng cho nền VHDT.</p> <p>V. Tổng kết: Ghi nhớ SGK</p>
---	---	---

4. Củng cố:

Những đặc trưng cơ bản của VHDG , thể loại.
 Những giá trị của VHDG.

5. Dặn dò:

- Học bài
- Chuẩn bị bài “Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ” (tiếp theo)

Tuần: 2, Tiết: 5 Ngay soạn: 19/8	Tiếng việt
<h2>HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ (tt)</h2>	

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

Biết xác định các nhân tố giao tiếp trong hoạt động giao tiếp

Có thái độ và hành vi phù hợp trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: SGK, SGV, Phương pháp: HS thảo luận – trình bày ý kiến

2. Học sinh: Xem bài trước ở nhà

III/ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp: KTSS

2. KTBC:

? Phân tích các nhân tố giao tiếp trong bài ca dao sau:

“Bây giờ mặt mới hỏi đào...nhưng chưa ai vào”

3. Bài mới :

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
Hướng dẫn HS thực hành BT1 * Gọi HS đọc BT 1 Tổ chức thảo luận: nhóm bàn (5phút) BT1 *Gợi ý cho HS phân tích nhân tố giao tiếp trong câu ca dao *Gọi đại diện 1 nhóm trình bày kết quả, nhóm khác bổ sung. Nhận xét - chốt ý	* Đọc -> Thảo luận -> Trình bày kết quả Nhóm khác bổ sung ý kiến -> Ghi nhận	II. Luyện tập 1. Phân tích nhân tố giao tiếp thể hiện trong câu ca dao: a) Nhân vật giao tiếp: Chàng trai – cô gái trẻ tuổi khát khao yêu đương. b) Hoàn cảnh giao tiếp: Đêm trăng sáng – thơ mộng -> thích hợp cho những câu chuyện tình của đôi lứa yêu nhau. c) Nhân vật “anh nói” “tre non đủ lá” để tính chuyện “đan sàng” -> Mục đích giao tiếp: Ngụ ý họ đến tuổi trưởng thành nên tính chuyện kết duyên, đây là lời tỏ tình với cô gái. d) Cách nói của nhân vật anh phù hợp với hoàn cảnh mà mục đích giao tiếp -> cách nói tế nhị, có duyên, đậm đà tình cảm -> dễ đi vào lòng người 2. Đọc đoạn đối thoại và trả lời câu hỏi:
Hướng dẫn HS thực hành BT2 *Yêu cầu đọc BT2 ? Trong cuộc giao tiếp trên, các nhân vật đã thực hiện bằng ngôn ngữ, những hành động cụ thể nào, nhằm mục đích gì ? ? Cả 3 câu trong lời nói của ông già đều có hình thức của câu hỏi nhưng có phải các câu đều dùng để hỏi không? Hay để thực hiện những mục đích giao tiếp khác? Nêu mục đích giao	* Đọc SGK (BT2) -> Trả lời lần lượt theo yêu cầu -> Trao đổi đời thường diễn ra trong đời sống hằng ngày -> Không phải các câu đều dùng để hỏi. Chỉ có câu (3) là câu dùng để hỏi	a) Trong cuộc giao tiếp, A Cổ và ông đã thực hiện hoạt động gt cụ thể là: - Chào (cháu chào ông ạ!) - Chào đáp lại (A Cổ hả ?) - Khen (Lớn tướng rồi nhỉ?) - Hỏi (Bố cháu...ông không?) - Trả lời (Thưa ông, có ạ!) -> Cuộc giao tiếp đời thường diễn ra trong đời sống hằng ngày b) Cả 3 câu của ông già chỉ có một câu hỏi “Bố cháu...ông không?”, các câu khác dùng để chào và khen.

<p>tiếp của mỗi câu? ? Lời nói của các nhân vật bộc lộ tình cảm, thái độ và quan hệ trong giao tiếp như thế nào? Hướng dẫn HS thực hành BT3 Gọi hs đọc bài thơ “BTN”. ? Khi đọc bài thơ em thấy Hồ Xuân Hương giới thiệu với người đọc vấn đề gì? ? Người đọc căn cứ vào đâu để hiểu bài thơ? * Hai lần lấy chồng thì cả 2 lần đều “cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm” -> lấy lẽ -> rút cục dang dở, trắc trở, không hạnh phúc. * Yêu cầu hs về nhà làm. Gợi ý các yêu cầu cho bài tập Hướng dẫn HS thực hành BT5 Yêu cầu hs đọc bức thư của Bác Hồ ? Thư viết cho ai, người viết có quan hệ như thế nào với người nhận? ? Hoàn cảnh cụ thể của người viết và người nhận thư khi đó như thế nào? ? Thư viết về vấn đề gì? ? Thư viết để làm gì?</p>	<p>-> Cháu kính trọng ông, ông trù mến đối với cháu * Đọc văn bản -> Vẻ đẹp ngoại hình + phẩm chất và thân phận chìm nổi của người phụ nữ trong xã phong kiến. -> Dựa vào phương tiện ngôn ngữ như trắng tròn, bảy nổi ba chìm * Ghi nhận – về nhà thực hiện * Học sinh đọc -> Bác Hồ viết thư cho hs toàn quốc -> Đất nước vừa giành được độc lập -> Niềm vui sướng vì học sinh thế hệ tương lai hưởng độc lập - Nhiệm vụ – trách nhiệm hs - Lời chúc -> Chúc mừng nhân ngày khai trường -> xác định nhiệm vụ nặng nề của hs</p>	<p>c) Lời nói của 2 nhân vật giao tiếp bộc lộ tình cảm giữa ông và cháu. Cháu kính mến ông, còn ông trù mến đối với cháu. 3) Đọc bài thơ “BTN” – HXH và trả lời câu hỏi: a) - Nữ sĩ miêu tả, giới thiệu bánh trôi nước với người đọc. - Thông qua hình tượng này tác giả muốn bộc bạch với mọi người về số phận lận đận của người phụ nữ nói chung – bản thân tác giả nói riêng -> khẳng định phẩm chất tốt đẹp dù hoàn cảnh nào b) Người đọc căn cứ vào phương tiện ngôn ngữ như “Trắng” “Tròn” (vẻ đẹp ngoại hình), thành ngữ “3 chìm 7 nổi” (số phận chìm nổi) “Tấm lòng son” (phẩm chất cao đẹp bên trong). Qua đó ta thấy được cuộc đời của nữ sĩ gặp nhiều trắc trở, tuy vậy bà vẫn giữ gìn phẩm chất cho dù ở hoàn cảnh nào 4) Viết đoạn văn ngắn: Chủ đề: Thông báo cho các bạn học sinh toàn trường biết về hoạt động làm sạch môi trường nhân ngày môi trường thế giới. - Dạng văn bản: thông báo ngắn, song phải đảm bảo có mở đầu, có kết thúc. - Nhân vật giao tiếp: HS toàn trường. - Nội dung gt: làm sạch môi trường - Hoàn cảnh gt: hoàn cảnh nhà trường và ngày môi trường thế giới. 5) Trích thư của Bác Hồ: a) Nhân vật giao tiếp: Bác Hồ với tư cách là chủ tịch nước viết thư gửi học sinh toàn quốc. b) Hoàn cảnh giao tiếp: đất nước vừa giành được độc lập, hs lần đầu tiên đón nhận nền giáo dục hoàn toàn VN – Vì vậy người viết giao nhiệm vụ, khẳng định quyền lợi cho hs. c) Nội dung giao tiếp: thư tới thể hiện niềm vui sướng vì hs thế hệ tương lai được hưởng cuộc sống độc lập, nhiệm vụ – trách nhiệm hs đối với đất nước. Lời chúc của Bác Hồ đối với hs. d) Mục đích giao tiếp: - Chúc mừng hs nhân ngày khai trường.</p>
--	---	--

<p>? Thư viết như thế nào?</p>	<p>-> Lời lẽ chân tình, gần gũi, nghiêm túc</p>	<p>- Xác định nhiệm vụ nặng nề nhưng vẻ vang của hs. e) Thư viết ngắn gọn, lời lẽ chân tình, gần gũi vừa nghiêm túc xác định trách nhiệm cho hs.</p>
--------------------------------	--	--

4. Củng cố:

Các nhân tố của hoạt động giao tiếp

5. Dặn dò:

-Làm bài tập 4

-Chuẩn bị bài::”Văn bản”Trả lời những câu hỏi SGK trang23-25

VĂN BẢN

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

- Nắm được khái niệm văn bản, các đặc điểm cơ bản và các loại văn bản
- Nâng cao năng lực phân tích và thực hành tạo lập văn bản

II. CHUẨN BỊ:

- 1. Giáo viên: SGK, SGV, Phương pháp: phỏng vấn, quy nạp.
- 2. Học sinh: Xem bài trước ở nhà

1. Ổn định lớp: Văn bản là gì? Có những đặc điểm nào? Có mấy loại văn bản?
2. KTBC: Chọn văn bản ngắn phân tích các nhân tố của hoạt động giao tiếp của văn bản?

Tuần: 19/8 NS: 19/8	Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>* Yêu cầu HS đọc lần lượt các văn bản SGK trang 23-24</p> <p>I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Củng cố kiến thức và kỹ năng làm văn viết bài văn biểu cảm và văn nghị luận * Thảo luận nhóm bàn (5 phút) trả lời các yêu cầu thuộc SGK/24 * Thấy trình độ làm văn của bản thân để có kinh nghiệm làm những bài văn sau đạt kết quả tốt. <p>II. CHUẨN BỊ</p> <ul style="list-style-type: none"> <u>1. Giáo viên:</u> thống nhất trong khối về đề, đáp án biểu điểm ; chuẩn bài, thống kê <u>2. Học sinh:</u> kiến thức đã học <p>III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC</p> <ol style="list-style-type: none"> Gv: phát đề .Đề: Anh, chị hy nu cảm nhận của mình ng day hiện bước đồng giao tiếp giữa chủ tịch nước với toàn dân VN -> lời kêu gọi kháng chiến và quyết tâm chiến thắng – 15 câu hỏi HDHB. Hs: nhận đề bài – làm bài thời gian 60 phút Thu bài Dặn dò: chuẩn bị bài “Chiến thắng Mtao Mxây”, soạn theo câu hỏi HDHB. <p>? Qua phân tích hình thức nội dung của 3 văn bản hãy rút ra kết luận văn bản là gì? GV: Tô Thị Thủy Đào *GV nhận xét, bổ sung ?cho biết mỗi văn bản có những đặc điểm cơ bản</p>	<p>BÀI LÀM VĂN SỐ 1</p> <p>1. Tìm hiểu bài</p> <p>a) Hoàn cảnh giao tiếp -VB : Là ra trong hoạt động giao tiếp chung -> kinh nghiệm của nhiều người với mọi người – 1 câu</p> <p>-VB : Hoạt động giao tiếp giữa cô gái với mọi người -> Lời than – 4 câu</p> <p>-VB : Hoạt động giao tiếp giữa chủ tịch nước với toàn dân VN -> lời kêu gọi kháng chiến và quyết tâm chiến thắng – 15 câu hỏi HDHB.</p> <p>b) Chủ đề và cách triển khai: -VB₁ : Mối quan hệ giữa người và người trong cuộc sống -> vđ được giải quyết rõ ràng -VB₂ : Lời than của cô gái – mong được sự thông cảm -> rõ ràng. -VB₃ : Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến -> rõ ràng. -> VB_{1,2,3} đều đặt ra những vấn đề cụ thể và triển khai nhất quán rõ ràng.</p> <p>c) Bố cục: VB₃ : 3 phần: MB, TB,</p> <p>d) Mục đích: VB₁ : Lời khuyên. VB₂ : Lời than – tìm sự đồng cảm. VB₃ : Kêu gọi, quyết tâm chống thực dân Pháp.</p> <p>e) Hình thức văn bản -Bố cục rõ ràng -Lập luận chặt chẽ</p> <p>2. Khái niệm: Văn bản là sản phẩm được tạo ra trong hoạt động giao tiếp</p> <p>-> Trả lời theo nội dung phần ghi nhớ SGK</p>	<p>Yêu cầu cần đạt</p> <p>1. Tìm hiểu bài</p> <p>a) Hoàn cảnh giao tiếp -VB : Là ra trong hoạt động giao tiếp chung -> kinh nghiệm của nhiều người với mọi người – 1 câu</p> <p>-VB : Hoạt động giao tiếp giữa cô gái với mọi người -> Lời than – 4 câu</p> <p>-VB : Hoạt động giao tiếp giữa chủ tịch nước với toàn dân VN -> lời kêu gọi kháng chiến và quyết tâm chiến thắng – 15 câu hỏi HDHB.</p> <p>b) Chủ đề và cách triển khai: -VB₁ : Mối quan hệ giữa người và người trong cuộc sống -> vđ được giải quyết rõ ràng -VB₂ : Lời than của cô gái – mong được sự thông cảm -> rõ ràng. -VB₃ : Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến -> rõ ràng. -> VB_{1,2,3} đều đặt ra những vấn đề cụ thể và triển khai nhất quán rõ ràng.</p> <p>c) Bố cục: VB₃ : 3 phần: MB, TB,</p> <p>d) Mục đích: VB₁ : Lời khuyên. VB₂ : Lời than – tìm sự đồng cảm. VB₃ : Kêu gọi, quyết tâm chống thực dân Pháp.</p> <p>e) Hình thức văn bản -Bố cục rõ ràng -Lập luận chặt chẽ</p> <p>2. Khái niệm: Văn bản là sản phẩm được tạo ra trong hoạt động giao tiếp</p>	

Tuần: 3 Tiết: 8 – 9 NS: 19 /8	<p><u>Độc văn</u></p> <p>CHIẾN THẮNG MTAO MXY (Trích Đăm San – Sử Thi Tây Nguyên)</p>
-------------------------------------	---

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

- Nhận thức được : lẽ sống và niềm vui của người anh hùng sử thi chỉ có được trong cuộc chiến đấu vì danh dự , hạnh phúc và sự thịnh vượng cho cộng đồng.
- Nắm được đặc điểm nghệ thuật của sử thi anh hùng về cách xây dựng nhân vật, nghệ thuật miêu tả và sử dụng ngôn từ

II. CHUẨN BỊ ;

1. Giáo viên: SGK, SGV
2. Học sinh: Soạn bài theo câu hỏi hướng dẫn

III/ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:

1. **Ổn định lớp** : KTSS
2. **KTBC**: Những đặc trưng của VHDG? Những giá trị của VHDG?
3. **Bài mới**:

Hoạt động củathầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
Hướng dẫn đọc phần tiểu dẫn Gọi hs đọc phần tiểu dẫn SGK ? Có mấy loại sử thi * Nhấn mạnh sự khác biệt giữa sử thi thần thoại và sử thi anh hùng ? Hãy tóm tắt nội dung sử thi “Đăm San” ?Đoạn trích thuộc vị trí nào trong tác phẩm? Hướng dẫn đọc hiểu văn bản *Phân vai cho HS đọc văn bản ? Đăm San khiêu chiến như thế nào ? Và thái độ của Mtao Mxây ra sao ? Thảo luận nhóm bàn (7 phút) câu hỏi sgk : ? Cuộc chiến giữa hai tù trưởng diễn ra mấy hiệp –	* Đọc theo yêu cầu -> Có 2 loại : Sử thi thần thoại và sử thi anh hùng * Nghe -> Hs tóm tắt -> Nắm giữa tác phẩm * Đọc theo sự phân vai -> Mtao Mxây ngạo nghệ -> Dẫn chứng à Thảo luận nhóm	<p>I. TIỂU DẪN:</p> <p>1. Sử thi: có 2 loại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử thi thần thoại - Sử thi anh hùng <p>2. Sử thi “Đăm Săn “ :</p> <p>a. Tóm tắt t/p: SGK/30</p> <p>b. Vị trí đoạn trích: Đoạn trích nằm giữa tác phẩm.</p> <p>II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:</p> <p>1. Cuộc chiến giữa hai tù trưởng:</p> <p>a) Đăm San khiêu chiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đăm Săn thách thức với thái độ quyết liệt: đến tận nhà và gọi “Ơ diêng [...] đọ dao với ta đây !” , “Người không xuống ư [...] cho mà xem” - Mtao Mxây ngạo nghệ “Ta không xuống [...] ta ở trên này cơ mà” ,nhưng tỏ ra run sợ. <p>b) Vào cuộc chiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệp 1: + Mtao Mxây múa khiên trước “Kêu lạch xạch như quả mướp khô” ->

<p>diễn biến của từng trận đấu – kết quả ?</p> <p>*Gọi đại diện nhóm lần lượt trả lời các câu hỏi</p> <p>*Gọi các nhóm bổ sung</p> <p>*Nhận xét – chốt ý</p> <p>? Cuộc chiến đấu và chiến thắng của Đăm sắn có ý nghĩa gì?</p> <p>* Bình: về tài năng và chiến thắng của Đăm sắn</p> <p>*Chuyển :Sử thi không nói đến nhiều về chết chóc mà chỉ chọn chi tiết ăn mừng chiến thắng</p> <p>? Phân tích những hành động của nô lệ đối với việc thắng thua của hai tù trưởng, từ đó chỉ ra thái độ và tình cảm của họ?</p> <p>* Chốt ý</p> <p>* Giảng: không có cảm hờn chỉ có lòng yêu mến, tuân phục của cộng đồng đối với người anh hùng->sự thống nhất cao độ giữa quyền lực, khát vọng cá nhân anh hùng với quyền lợi khát vọng của cộng đồng</p> <p>? Người anh hùng Đăm Sắn được tác giả sử thi miêu tả như thế nào?</p> <p>* Đọc đoạn :“Chàng nằm trên vông ...xà dọc”</p> <p>* Giảng bình: Hình ảnh vẻ đẹp phi thường, sức mạnh , tiếng tăm của ĐS -> ca ngợi 1 tù trưởng hùng mạnh cũng có nghĩa ca ngợi sự hùng mạnh của cả cộng đồng</p> <p>? Thái độ của tác giả Sử thi</p>	<p>àTrình bày kết quả</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>-> Đăm San chiến thắng bảo vệ được hạnh phúc gia đình vừa mở rộng thêm bờ cõi làm nổi uy danh của cộng đồng.</p> <p>* Nghe</p> <p>-> Đồng tình ủng hộ Đăm San</p> <p>->Yêu mến ,tuân phục</p> <p>-> Trả lời lần lượt</p> <p>- Hòa đồng với mọi người</p> <p>- Quang cảnh nhà đông vui nhộn nhịp</p> <p>- Ngoại hình,danh tiếng lừng lẫy</p> <p>->ca ngợi</p>	<p>kém cỏi</p> <p>+ Đăm Sắn “không nhúc nhích” -> thái độ bình thân -> bản lĩnh</p> <p>- Hiệp 2:</p> <p>+ Đăm Sắn múa trước “Chàng múa trên cao [...] gió như lốc” -> tài giỏi</p> <p>+ Mtao Mxây: “Bước thấp [...] phía tây” -> hốt hoảng, chạy trốn.</p> <p>- Hiệp 3:</p> <p>Đăm Sắn múa khiên và đuổi theo Mtao Mxây đâm vào đùi hấn nhưng Không thủng -> Đăm Sắn thấm mệt</p> <p>- Hiệp 4:</p> <p>Được sự giúp đỡ của trời Đăm Sắn “Chộp ngay [...] vành tai kẻ địch” -> giết chết kẻ thù</p> <p>=> Đăm Sắn giành thắng lợi vừa bảo vệ được hạnh phúc gia đình vừa mở rộng thêm bờ cõi làm nổi uy danh của cộng đồng.</p> <p>2. Ăn mừng chiến thắng, tự hào về người anh hùng:</p> <p>a) Thái độ của mọi người đối với chiến thắng của Đăm Sắn:</p> <p>- Nô lệ của Đăm Sắn: hân hoan vui mừng “Tôi tớ chật ních cả nhà ngoài”.</p> <p>- Nô lệ của Mtao Mxây: tự nguyện theo ĐS – người tù trưởng hùng mạnh mới.</p> <p>b) Thái độ của các tù trưởng khác:</p> <p>Ủng hộ, đồng tình “Các khách tù trưởng [...] đến”</p> <p>=> Lòng yêu mến, tuân phục của cộng đồng đối với người anh hùng->sự thống nhất cao độ giữa quyền lực, khát vọng cá nhân anh hùng với quyền lợi khát vọng của cộng đồng</p> <p>c) Cảnh ăn mừng sau chiến thắng:</p> <p>- Đăm Sắn hoà đồng với tôi tớ trong làng ăn mừng chiến thắng “Hỡi anh em [...] đến đây với ta”à nhà Đăm Sắn: “Đông nghịt khách”.</p> <p>- Đăm Sắn là một tù trưởng “Đầu đội khăn nhiều vai mang nải hoa” -> tiếng tăm lừng lẫy “danh vang [...] ĐS”</p> <p>=> Đăm Sắn là niềm tự hào của bộ tộc ,kết tinh vẻ đẹp ,tài năng, sức mạnh,ý chí của cộng đồng.</p> <p>III. TỔNG KẾT:</p>
---	---	---

<p>I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh: Hiểu được sự sống, kế thừa và thực hành tạo lập văn bản văn xuôi. II. CHUẨN BỊ: ?Nhấn Giáo viên và SGK, SGV, Phương pháp giảng dạy và phát minh của nhà văn. ?Học sinh: Xem bài trước ở nhà</p> <p>III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC: 1. Ổn định lớp : KTSS 2. KTBC : Văn bản là gì? 3. Bài mới :</p>	<p>Giúp học sinh: tích và thực hành tạo lập văn bản văn xuôi. ?Nhấn Giáo viên và SGK, SGV, Phương pháp giảng dạy và phát minh của nhà văn. ?Học sinh: Xem bài trước ở nhà</p>	<p>- Trọng danh dự , gắn bó với hạnh phúc gia đình và thiết tha với cuộc sống bình yên, phần vinh của thị tộc – đó là những chiến đấu và chiến thắng kẻ thù. - Ngôn ngữ trang trọng ,giàu hình ảnh, giàu nhịp điệu với phép so sánh và phóng đại. ?Có những đặc điểm nào? ?Có mấy loại văn bản? ?Có hiệu quả cao là những đặc điểm nghệ thuật tiêu biểu của</p>
<p>Hoạt động của thầy</p> <p>:Hướng dẫn HS LT *Gọi HS đọc bài LT 1 ? Đoạn văn hướng đến chủ</p>	<p>Hoạt động của trò</p> <p>*Đọc bài LT1 à Chủ đề của đoạn văn : câu</p>	<p>Yêu cầu cần đạt</p> <p>4. Viết một đơn xin phép nghỉ học *Mẫu đơn</p>
<p>4. Tổng kết: Đặc điểm còn lại của nghệ thuật của sự liên hệ của các câu còn lại với câu chủ đề: vai trò của các câu. 5. Dặn dò: ?Phân tích sự phát triển của chủ đề trong đoạn văn? à Đặt nhan đề cho đoạn văn ?Thử đặt tên (nhan đề) cho đoạn văn? Hướng HS đến BT2 * Gọi HS đọc bài LT2 Tppr chức thảo luận nhóm bàn, thời gian 3 phút: -Sắp xếp các câu (1), (2), (3), (4),(5) thành văn bản hoàn chỉnh mạch lạc? -Và đặt nhan đề cho văn bản? * Chốt</p>	<p>của sự liên hệ của các câu còn lại với câu chủ đề: vai trò của các câu. ?Phân tích sự phát triển của chủ đề trong đoạn văn? à Đặt nhan đề cho đoạn văn ?Thử đặt tên (nhan đề) cho đoạn văn? *Đọc bài LT2 à Thảo luận à Trình bày và bổ sung</p>	<p>-Quốc hiệu -Địa chỉ -Gửi đến ai, ở đâu -Xung họ tên, đơn vị học tập -Nêu lí do nghỉ, thời gian nghỉ -Lời cảm ơn, lời hứa -Địa điểm và thời gian ghi đơn -Kí tên, ghi rõ họ và * tên ĐƠN xin phép nghỉ học: HS thực hiện</p>
<p>Hướng HS đến BT3 4. Tổng kết: * Gọi HS đọc bài LT3 ?Có mấy loại văn bản? 5. Dặn dò: - Xem lại bài LT - Soạn bài “Truyện An Dương Vương và Mị Châu Trọng Thủy”</p>	<p>*Đọc bài LT3 à tạo văn bản từ câu chủ đề đã sẵn có</p>	

Tuần: 4 Tiết: 11,12 NS: 5/9	Đọc văn: <h2 style="margin: 0;">TRUYỆN AN DƯƠNG VƯƠNG VÀ MỊ CHÂU TRỌNG THUY</h2> <h3 style="margin: 0;">(Truyền thuyết)</h3>
-----------------------------------	--

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

-Nắm đặc trưng cơ bản của truyền thuyết qua tìm hiểu một câu chuyện cụ thể kể về thành Cổ Loa, mối tình MC – TT và nguyên nhân mất nước Âu Lạc.

-Nhận thức bài học giữ nước ngụ trong câu chuyện tình yêu

II.CHUẨN BỊ

1.Giáo viên: SGK, SGV, GA; Phương pháp: phát vấn, thảo luận.

2.Học sinh: SGK, bài đã soạn trước.

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp : KTSS

2.KTBC:

Trình bày nội dung đọc hiểu cảnh “ chiến thắng Mtao Mxây” của nhân vật Đăm Săn?

3.Bài mới:

Hoạt động thầy	Hoạt động trò	Yêu cầu cần đạt
Hướng dẫn đọc phần tiểu dẫn ? Truyền thuyết là gì? ? Văn bản Truyện ADV và MC TT được trích từ đâu? ? Văn bản kể về 2 sự việc nổi bật , đó là gì? * Nhận xét – chốt ý Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản ? Quá trình xây thành chế nỏ diễn biến như thế nào? ? Hành động và tâm trạng của ADV cho thấy An Dương Vương là một ông vua như thế nào? * Chuyển ý: đến sự việc nước mất nhà tan ? Nguyên nhân nào dẫn đến cảnh nước mất nhà tan	* Đọc theo yêu cầu -> Là câu chuyện phản ánh lịch sử -> Trả lời * Tóm tắt * Ghi nhận * Thực hiện -> Thành đắp đến đâu lại lở đến đâu-Rùa vàng giúp-xây thành, chế nỏ -> Trách nhiệm cao	I. Tiểu dẫn 1. Truyền thuyết: Câu chuyện phản ánh lịch sử nhuộm màu thần kỳ mà vẫn đậm cảm xúc đời thường 2. Xuất xứ: Tác phẩm trích từ “Truyện Rùa Vàng” trong “LNCQ” 3. Tóm tắt vb: Một là kể về quá trình ADV xây thành, chế nỏ thần thành công nhờ sự giúp đỡ của Rùa vàng. Hai là kể về nguyên nhân khiến cơ đồ nhà nước Âu Lạc rơi vào tay giặc liên quan đến mối tình MC – TT. II. Đọc hiểu văn bản: 1. ADV và quá trình xây thành chế nỏ: - Thành đắp đến đâu lại lở đến đâu - Lập bàn thờ, giữ mình trong sạch để cầu đả bách thần. - Nhờ Rùa vàng giúp đỡ xây thành “nửa tháng thì xong” - Bản khoán “nếu có giặc [...] mà chống” -> chuẩn bị vũ khí => Ý thức trách nhiệm cao, giàu lòng yêu nước 2. Nước mất nhà tan và thái độ của nhân dân: - Nguyên nhân: + Kết thông gia với Triệu Đà -> lộ bí mật quốc gia

<p>? Thái độ của ADV khi quân Triệu Đà kéo đến ? Kết quả</p> <p>* Tổ chức thảo luận nhóm bàn (3')</p> <p>? Nhận xét: -Hành động chém đầu MC của ADV - Hành động đó có ý nghĩa gì - Thái độ của nhân dân đ/v ADV</p> <p>* Nhận xét – chốt ý * Chuyển ý xem xét đến mối tình MCTT</p> <p>? Mị Châu là cô gái như thế nào? Cái chết và sự hoá thân của MC nói lên điều gì? ? Em có cảm nhận gì về nhân vật Trọng Thủy?</p> <p>* Tình yêu không xây dựng trên nền tảng ty -> tan vỡ</p> <p>? Tìm những chi tiết hư cấu – qua đó cho biết ý nghĩa</p> <p>* Gv chốt ý Hướng dẫn HS tổng kết ? Qua phần đọc hiểu văn bản em rút ra được gì về nội dung và nghệ thuật của văn bản?</p>	<p>-> Vô tình gả con gái cho Trọng Thủy</p> <p>-> không hề lo sợ -> Nước mất nhà tan</p> <p>*</p> <p>thảo luận -> Phát biểu ý kiến</p> <p>* Ghi nhận -> Ngây thơ, nhẹ dạ tin Trọng Thủy -> Có chủ ý sắp xếp -> lừa dối Mị Châu.</p> <p>-> 3 chi tiết</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>à trả lời hướng vào ghi nhớ sgk</p>	<p>+ Khi giặc tới vẫn điềm nhiên đánh cờ “Đà không sợ nỏ thần sao?” -> mất cảnh giác</p> <p>- Kết quả: nước mất nhà tan. + Đất nước rơi vào tay T.Đà + Chém đầu MC -> đặt nghĩa nước lên tình nhà - Thái độ của nhân dân: tôn kính + ADV có công dựng nước + Để nhà vua bắt tử “cầm sừng tê [...] đi xuống biển”</p> <p>3. Mối tình MC – TT: Tan vỡ * Mị Châu: - Nhẹ dạ cả tin cho TT xem nỏ thần. - Chết -> đền tội “Xác biến thành ngọc thạch, máu biến thành hạt châu” -> sự bao dung của nhân dân</p> <p>* Trọng Thủy: - Lừa MC đánh tráo nỏ thần - Tự vẫn -> hối lỗi -> Vừa là thủ phạm vừa là nạn nhân của âm mưu xâm lược.</p> <p>4.Chi tiết hư cấu: - Rùa vàng: ông cha đời trước ngầm giúp đỡ con cháu đời sau - ADV rẽ nước xuống biển: anh hùng dân tộc sẽ sống mãi trong lòng nhân dân - Ngọc trai – giếng nước: minh oan cho Mị Châu.</p> <p>III. Tổng kết: Ghi nhớ sgk</p>
---	---	---

Củng cố: Bài học lịch sử về tinh thần cảnh giác với kẻ thù.

Dặn dò: Học bài+ đọc văn bản “ADV và MCTT” nắm các sự việc chi tiết tiêu biểu

-Xem trước bài “Lập dàn ý văn bản tự sự”

<p>Tuần: 5 Tiết: 13 NS: 19/9</p>	<p><u>Làm văn</u></p> <p>LẬP DÀN Ý BÀI VĂN TỰ SỰ</p>
--	---

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

Biết cách lập dàn ý bài văn tự sự (Kể lại một câu chuyện) tương tự một truyện ngắn

II.CHUẨN BỊ

Giáo viên: SGK, SGV, GA; Phương pháp: quy nạp

Học sinh: SGK, bài đã xem

III.TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp : KTSS

2.KTBC: không

3.Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>* Gọi hs đọc phần 1/SGK/44 ? Nguyên Ngọc kể về điều gì? * Chuyển ý: Bên cạnh hình thành ý tưởng, nhà văn còn dự kiến cốt truyện ? Tác giả đã dự kiến ra sao trước khi viết tác phẩm?</p> <p>? Em rút ra được bài học gì qua lời kể của Nguyễn Ngọc? * Giảng: dự kiến phần mở đầu – kết thúc – dự kiến các nhân vật theo những mối quan hệ nào đó, nêu những sự việc đặc sắc tạo nên cốt truyện Hướng dẫn HS lập dàn ý * Thảo luận : nhóm bàn, 4 phút: câu 1 * Gọi hs trình bày, nhận xét * Chốt ý</p> <p>* Hướng dẫn ghi nhớ ? Qua phần tìm hiểu bài, cho biết lập dàn ý bài văn tự sự là gì? Dàn bài tổng quát? Muốn lập dàn ý cần chú ý điều gì?</p>	<p>* Đọc -> Nói về rừng xà nu và viết truyện ngắn “Rừng xà nu”</p> <p>-> Chọn nhân vật, tình huống, sự kiện</p> <p>-> Trước khi viết một bài văn tự sự phải ht ý tưởng, dự kiến cốt truyện * Thảo luận</p> <p>à Trình bày, nhận xét</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>à Khái niệm, dàn ý tổng quát, điều cần lưu ý</p>	<p>I. Hình thành ý tưởng, dự kiến cốt truyện: 1. Hình thành ý tưởng: Nhà văn Nguyễn Ngọc kể về quá trình suy nghĩ, chuẩn bị sáng tác truyện ngắn Rừng xà nu 2. Dự kiến cốt truyện: - Chọn nhân vật + Anh Đẻ – mang tên Tnú + Chị Dít, chị Mai + Cụ Mết,... - Tình huống, sự kiện: + Cái chết của mẹ con Mai -> Tnú diệt cả 10 tên giặc (lựa chọn) + Rừng xà nu gắn liền với mỗi số phận con người (tự đến) => Muốn thực hiện một bài văn tự sự cần hình thành ý tưởng và dự kiến cốt truyện.</p> <p>II. Lập dàn ý: 1.Tìm hiểu Câu (1)/45 * Mở bài: - Chị Dậu chạy về hướng nhà mình trong đêm tối - Về đến nhà thấy người lạ nói chuyện với chồng. * Thân bài: - Người khách lạ là cán bộ cách mạng tìm đến thăm hỏi anh Dậu – Từng bước giảng giải cho vợ chồng chị Dậu nghe vì sao dân mình khổ – muốn hết khổ phải làm gì,... - Chị Dậu hiểu, vận động mọi người chung quanh. - Chị Dậu dẫn đoàn biểu tình lên huyện phá kho thóc Nhật chia cho người nghèo. * Kết bài: - Chị Dậu cùng bà con đón cuộc tổng khởi nghĩa - Đón cái Tý trở về nhà. 2. Lập dàn ý trong bài văn tự sự: *Khái niệm: LDY là nêu rõ những nội dung chính của câu chuyện mà mình sẽ viết sẽ kể *Dàn ý chung: -Mở bài giới thiệu câu chuyện</p>

<p>hướng dẫn luyện tập * Gọi Hs đọc BT 1 ? Yêu cầu lập dàn ý cho câu chuyện- Theo em trước khi lập dàn ý em phải xác định được điều gì? ? Nội dung chính của câu chuyện, dự kiến cốt truyện theo em sẽ xác lập như thế nào? * chốt ý * Yêu cầu Hs về nhà lập dàn bài</p>	<p>* Đọc à Nội dung chính của câu chuyện, dự kiến cốt truyện à Dựa vào yêu cầu của BT hình thành... * Ghi nhận</p>	<p>-Thân bài: kể những sự việc chi tiết chính theo diễn biến câu chuyện -Kết bài: Kết thúc câu chuyện(nêu cảm nghĩ của nhân vật hoặc một chi tiết đặc sắc ý nghĩa) * Muốn lập dàn ý cần: dự kiến đề tài, xác định nhân vật, chọn và sắp xếp một số các sự việc chi tiết tiêu biểu một cách hợp lí III. Luyện tập: Câu 1: gợi ý làm bài -Đề tài: Một HS vốn có đức tính tốt nhưng do hoàn cảnh mà mắc sai lầm sau đó kịp thời tỉnh ngộ -Cốt truyện: +Một HS vốn hiền lành, trung thực +Bị kẻ xấu lôi kéo mà phạm sai lầm +Luôn trong tâm trạng đau khổ, ân hận +Tự đấu tranh hoặc gặp một người tốt giúp đỡ + Vươn lên trong cuộc sống và trong học tập -Dàn ý câu chuyện(về nhà)</p>
---	--	--

4.Củng cố: Muốn thực hiện một bài văn tự sự cần hình thành ý tưởng và dự kiến cốt truyện.

5.Dặn dò: Soạn “Uylitxơ trở về” theo hướng dẫn sgk

<p>Tuần: 5 Tiết: 14,15 NS: 19/9</p>	<p><u>Đọc văn</u></p> <p>UY- LÍT- XƠ TRỞ VỀ</p>
---	--

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

Cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn và trí tuệ của người Hy Lạp thể hiện qua cảnh đoàn tụ vợ chồng sau 20 năm xa cách.

Biết phân tích diễn biến tâm lý nhân vật qua các đối thoại trong cảnh gặp mặt -> khát vọng hạnh phúc và vẻ đẹp trí tuệ của họ

Nhận thức được sức mạnh tình cảm vợ chồng, tình cảm gia đình cao đẹp là động lực giúp con người vượt qua mọi khó khăn.

II.CHUẨN BỊ

Giáo viên: SGK, SGV, GA; Phương pháp: phát vấn, thảo luận

Học sinh: SGK, bài soạn

III.TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp : KTSS

2.KTBC: Nhận xét quá trình xây thành chế nô và nguyên nhân nhà nước Au Lạc đắm bể sâu?

3.Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
--------------------	-------------------	-----------------

<p>:Hướng dẫn HS đọc phần tiểu dẫn SGK ? Vài nét về tác giả tác phẩm?</p> <p>? Cho biết vị trí đoạn trích</p> <p>*Gọi hs đọc văn bản * Văn bản thể hiện đặc sắc tâm trạng Pê-nê-lốp ? Tâm trạng Pê-nê-lốp được diễn tả như thế nào trong đoạn trích? (Khi nữ hầu lên báo tin, khi nàng xuống nhà gặp người có diện mạo giống hết chồng mình, khi con trai tác động?...) Những nét tâm trạng ấy cho em biết gì về con người của nàng Pê-nê-lốp? * Giảng: Lời lẽ, thái độ và suy nghĩ của Pê-nê-lốp luôn chủ động trước mọi tình huống à sự sâu sắc trong cách nhìn nhận vấn đề, phù hợp với nhân cách cao quý của nàng . Chuyển đến nhân vật Uy-lít-xơ ? Khi gặp lại vợ thái độ của U ra sao</p> <p>? U đã trách vợ mình như thế nào, lời trách đó có ý nghĩa gì? ? Em có cảm nhận gì về nhân vật Uy-lít-xơ? * Trong đoạn trích, đoạn được xem là đặc sắc là đoạn “P thử thách U và sum họp” * Yêu cầu Hs đọc đoạn nửa cuối đoạn trích ? Pê-nê-lốp đã thử thách Uy-lít-xơ bằng cách nào? Uy-lít-xơ đã xử trí ra sao? ?Kết quả? ?Em có cảm nhận gì về nhân vật qua phần thử thách? * Bình: -sự khôn khéo thông</p>	<p>-> Hô-mê-rơ nhà thơ mù của sử thi Hy Lạp. Tác giả của 2 sử thi nổi tiếng “Iliat và Ôđixê” -> Trả lời</p> <p>-> Khúc ca 23 trong sử thi Ôđixê</p> <p>* Đọc -> P không tin; phân vân, xúc động cao độ,...</p> <p>* Nghe -> Thận trọng, khôn khéo</p> <p>-> Bình tĩnh chờ đợi sự chấp nhận của vợ</p> <p>-> Trả lời</p> <p>* Đọc -> Chiếc giường bí mật</p> <p>-> Đê cao, khẳng định sức mạnh tâm hồn và trí tuệ con</p>	<p>I. Tiểu dẫn: 1. Tác giả, tác phẩm: - Tác giả: Hô-mê-rơ – cha đẻ của 2 sử thi nổi tiếng Hy Lạp “Iliat và Ôđixê”. - Tác phẩm: Gồm 12110 câu chia thành 4 khúc ca -> Quá trình chinh phục thiên nhiên, đấu tranh bảo vệ hạnh phúc gia đình của người Hy Lạp cổ đại (U trở về quê hương sau khi hạ thành Tơroa). 2. Vị trí đoạn trích : Khúc ca thứ 23 sử thi “Ôđixê”. II. Đọc hiểu văn bản: 1. Tâm trạng Pê-nê-lốp: - Nữ hầu báo tin U trở về -> P không tin bác bỏ chứng cứ - Khi nàng xuống nhà tâm trạng “phân vân”, lúng túng trong cách ứng xử. - Jêlêmac trách mẹ -> P bình tĩnh giải thích và xúc động cao độ. => Thận trọng, tỉnh táo, kìm nén cảm xúc.</p> <p>2.Tâm trạng Uylitxơ: Khi gặp lại vợ: - Không nôn nóng -> bình tĩnh tự tin -> kiên nhẫn chờ đợi. - Trách vợ “Trái tim sắt đá” “già ơ [...] lâu nay” -> vừa trách vừa thanh minh sự chung thủy của mình. => Tế nhị, khôn khéo.</p> <p>2. Thử thách và sum họp: - P thử thách U bằng bí mật chiếc giường: bảo nữ hầu khiêng chiếc giường do chính tay Uy-lít-xơ làm nên ra khỏi phòng - U giật mình, chột dạ - miêu tả</p>
--	---	---

<p>minh của 2 nhân vật - Cảnh gặp mặt của 2 vợ chồng diễn ra không bình thường mà trở thành cảnh nhận mặt và thử thách lẫn nhau Tình cảm gia đình là vô cùng thiêng liêng đối với các nhân hướng dẫn tổng kết ? Qua văn bản em nhận thấy cách kể chuyện – ngôn ngữ ra sao? Thông qua đoạn trích người Hy Lạp muốn khẳng định điều gì?</p>	<p>người Hy Lạp. * Ghi nhận à hướng vào nội dung ghi nhớ sgk</p>	<p>chiếc giường tử mỉ (...)- Khẳng định không ai có thể khiêng chiếc giường đẹp để ấy ra khỏi phòng - Bí mật chiếc giường được giải mã ->P “bùn rùn cả tay chân” à gia đình sum họp trong niềm hạnh phúc tột cùng => Sự gặp gỡ của hai tâm hồn trí tuệ III. Tổng kết : Ghi nhớ SGK</p>
---	--	--

4.Củng cố:Những nét chính về nội dung và nghệ thuật của văn bản

5.Dặn dò:Chuẩn bị trả bài số 1

<p>Tuần: 6- Tiết: 16 Ngày soạn: 25/9</p>	<p><u>Làm văn</u></p>
<p>TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 1</p>	

I/MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

-Thấy rõ những ưu và nhược điểm trong bài làm văn 1

-Rút ra những kinh nghiệm để nâng cao khả năng bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ chân thực trước một hiện tượng đời sống

II/CHUẨN BỊ

1.Giáo viên:Bi chấm đáp án, biểu điểm.

2.Học sinh: Đề bài

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

1. **Ổn định lớp** – KTSS

2. **KTBC:** không

3. **Bài mới**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>:Hướng dẫn HS sửa bi viết -Yêu cầu hs đọc cu 1 ?Phn tích cc nhn tố giao tiếp ở bi ca dao?(Ai nãi? Ai nghe? Giao tiếp trong hnn cảnh no?Nãi điều gì? Nãi nhằm mục đích gì?) *Nhận xét – chốt ý-nu biểu điểm -Gọi hs đọc câu 2 (7đ) Yêu cầu HS phân tích đề *Giới thiệu yu cầu cần đạt về kỹ năng * Hướng dẫn HS tìm ý lập dn bi:</p>	<p>-> Đọc, suy nghĩ trả lời theo yêu cầu * Ghi nhận -> Đọc, trả lời à Giới thiệu cảm xc chung về mẹ -> trả lời</p>	<p>I. SỬA BÀI VIẾT 1/ Câu 1: phân tích nhân tố giao tiếp trong câu ca dao: - Nhân vật gt: 1.0đ - Hoàn cảnh gt: 0,5đ - Nội dung gt: 0,75đ - Mục đích gt: 0,75đ 2/ Câu 2: Phát biểu cảm nghĩ của anh (chị) về mẹ a. Yêu cầu về kỹ năng:biết lm bi văn pht biểu cảm nghĩ, bố cục r rng, lập luận chặt chẽ, không mắc lỗi diễn đạt. b. Yu cầu về kiến thức: Cĩ thể trình</p>

<p>? Phần mở bài phải giới thiệu được điều gì</p> <p>? Phần thân bài em sẽ nêu những nội dung nào</p> <p>? Kết bài như thế nào</p> <p>Nhận xét – chốt ý-biểu điểm</p> <p>* Chỉ ra những ưu điểm, hạn chế hs.</p> <p>*Yêu cầu HS ghi những lỗi trong bài làm của bản thân và thực hiện sửa</p> <p>* Yêu cầu HS tự ghi nhận kinh nghiệm thông qua bài làm của cá nhân –GV kiểm tra</p>	<p>-> trả lời</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>à Tự rút kinh nghiệm</p>	<p>by theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:</p> <p>Dàn bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở bài : Mẹ là người mà bản thân vợ cũng yêu kính(0,5đ) - Thân bài: + Bản mẹ luôn cảm thấy ấm áp, bình yên (0.75đ) + Xa mẹ lòng nhớ người thương nhớ(0.75đ) + Mẹ là tình yêu của con(0.75đ) + Mẹ là niềm tự hào của con(0.75đ) (dẫn một kỉ niệm sâu sắc về mẹ) (1.0đ) - Kết bài: Cảm nhận chung về mẹ và lời hứa để xứng đáng là con ngoan(0.5đ) <p>II. NHẬN XÉT</p> <p>1.Nhận xét chung:</p> <p>*Số liệu: 11/39 số HS trên TB</p> <p>* Ưu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hiểu được yêu cầu đề bài - Một số bài thực hiện khá đầy đủ, đảm bảo nội dung -Đọc bị 8 điểm <p>* Hạn chế:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Không phân tích được các nhân tố giao tiếp trong bài ca dao -Biểu biểu cảm nghĩ không đảm bảo ý, sa đọa kể -Sai nhiều lỗi diễn đạt, trình bày: <p>Chính tả: (sai nhiều lỗi không đáng sai), chữ viết: khó xem), từ ngữ, ngữ pháp, bố cục bị vắn</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đọc bị dưới 2 điểm <p>2.Trả bi- sửa bi cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Ghi điểm số: -Sửa lỗi của cá nhân <p>III. RÚT KINH NGHIỆM</p>
--	--	---

4.Củng cố :

- Cĩ 5 nhân tố trong hoạt động giao tiếp(dựa vào văn bản để phân tích)
- Cảm nghĩ về một hiện tượng hay về một con người, khi biểu cảm cần chú ý:
- +Cảm nghĩ được như phải chân thật
- +Cảm nghĩ được biểu cảm phải gắn với đối tượng cần phân tích, cần dẫn chứng

5. Dặn dı :

Chuẩn bị bài:” Ra ma buộc tội ”trả lời các câu hỏi hướng dẫn học bài trong SGK

Tuần: 6 Tiết: 17,18 NS: 29/9	ĐỌC VĂN: <h2 style="text-align: center;">RAMA BUỘC TỘI</h2> <p style="text-align: center;">(Trích Ramayama – Sử thi Ấn Độ)</p>
------------------------------------	--

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

-Hiểu được quan niệm của Ấn Độ cổ đại về người anh hùng, vua mẫu mực và người phụ nữ lý tưởng.

-Thấy được nghệ thuật thể hiện nhân vật của sử thi Ramayama.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: SGK, SGV, GA; Phương pháp: phát vấn , thảo luận và quynạp

2. Học sinh: Xem bài trước ở nhà

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp – KTSS

2. KTBC: Tóm tắt tác phẩm “Ôđixê”, ý nghĩa? Phân tích diễn biến tâm trạng P và U

3. Bài mới

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
Hướng dẫn HS tìm hiểu tiểu dẫn *Gọi hs đọc tiểu dẫn * Chốt những ý chính về tác giả tác phẩm ? Cho biết vị trí của văn bản?	*Đọc * Nghe – ghi nhận	I. Tiểu dẫn: 1. Tác giả, tác phẩm: - Vamiki:tác giả 2 sử thi nổi tiếng Ấn Độ “Ramayama”, “Mahabharata”. - Tác phẩm “Ramayama” + Hình thành khoảng TK III TCN, gồm 24000 câu thơ đôi + Tóm tắt: SGK/55 2. Vị trí văn bản: Khúc ca thứ 6, chương 79 diễn biến tâm trạng của R và X khi họ gặp lại nhau.
Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản *Gọi hs đọc văn bản ? Văn bản nổi bật lên những sự việc tiêu biểu nào? *Phần đọc hiểu hướng vào 2 sự việc tiêu biểu đó ? Em thấy lời buộc tội của R như thế nào?(Ngôn ngữ cho rằng lí do nào chàng cứu Xita và ruồng bỏ X ?)	à khúc ca thứ 6 chương 79 *Đọc -> có 2 sự việc tiêu biểu - Rama buộc tội - Xi ta phân trần à Ngôn ngữ trang trọng, giọng điệu lạnh lùng... Cứu X vì danh dự, ruồng rẫy X vì ghen...	
*Giảng nhấn mạnh 2 phẩm chất	*Nghe	II. Đọc hiểu văn bản: 1. Rama buộc tội: - Ngôn ngữ buộc tội: gọi vợ bằng “phu nhân cao quý” -> giọng điệu mỉa mai, xa lạ, lạnh lùng - Rama cứu X vì: + Tài năng “kẻ nào [...] không đem tài nghệ [...] trả thù là kẻ tầm thường” + Bảo vệ nhân phẩm danh dự của dòng họ “Ta làm điều đó [...] tiếng tăm của ta”

-Trọng danh dự danh dự
- Tình yêu sâu nặng -> vừa
thần nhưng rất người

*Gọi HS đọc đoạn văn miêu tả
thái độ của Rama khi Xita
bước lên giàn hoả.
?Thái độ của R khi X bước lên
giàn hoả? Vì sao chàng có thái
độ đó?

*Gv nhận xét – chốt ý

*Bình:

- Tình huống truyện: giàu kịch
tính, đầy thử thách(đặt nhân
vật vào tình huống phải lựa
chọn).

-Động cơ thái độ của R tính
cộng đồng của st.

* Thảo luận nhóm bàn 2phút
? Cảm nhận của em về nhân
vật Rama

* Xử lí kết quả thảo luậnà Sơ
kết

* Chuyển ý: hướng học sinh
đến với nhân vật Xita

*Gv đọc đoạn văn miêu tả thái
độ và tâm trạng của Xita

? Trước lời buộc tội của R, X
thể hiện thái độ và tâm trạng
như thế nào?

? Bị Ra ma hoá danh dự, Xi
ta đã có lời bào chữa như thế
nào? Trong đau đớn, buồn tủi
X phê phán R ra sao?

*Thảo luận nhóm bàn 3phút:
?Cuối cùng Xita đã làm gì để
hoá giải mối nghi ngờ của
chồng? Nhận xét về hành động
của nhân vật?

*Gv chốt ý

? Cảm nhận của em về nhân
vật Xi ta?

ậ Sơ kết về

ề Hướng dẫn tổng kết

? Hãy tổng kết những nét chính
gì về nội dung và nghệ thuật
của văn bản ?

àThái độ ngoài như vô cảm
nhưng trong lòng đau đớn
chết lặng(...)

* Chú ý để cảm nhận sâu
sắc hơn vấn đề.

* Thảo luận

* Phát biểu – nhận xét

* Ghi nhận sơ kết

à ngạc nhiên..., đau đớn...

àLấy danh dự ra để thế,
phân trần khẳng định tình
yêu chung thủy...

à Hối trách R...

* Thảo luận

à Trình bày kết quả thảo
luận- Nhận xét.

à Nhân cách cao quý

* Ghi nhận

* Đọc to phần ghi nhớ

- Rama ruồng bỏ Xita do:
+ Danh dự dòng họ “người
sinh trưởng [...] kẻ khác”
+ Ghen tuông, nghi ngờ đức
hạnh của Xita “ta không cần [...] đi
đâu tùy ý”.

- Thái độ của R khi X bước
lên giàn hoả “mắt giáng xuống đất”
-> trông khủng khiếp như “thần
chết” -> kiên quyết hy sinh tình yêu
để bảo vệ danh dự nhưng trong lòng
vô cùng đau đớn , ngập tràn tình yêu
thương vợ.

=> Tài năng trọng danh dự -> phẩm
chất cao quý của người anh hùng –
đức vua mẫu mực

2. Xita :

- Trước lời buộc tội của R, Xita:
+ Ngạc nhiên, sửng sốt “mở
tròn đôi mắt đăm lệ”.

+ Đau đớn nghệt thở “như
một cây [...] quật nát”, xấu hổ đến
mức “Muốn tự chôn vùi [...] của
mình”

+ Lời bào chữa “hãy tin [...]”
thiếp”, thiếp bị quỷ vương bắt là
do:

d Số mệnh

ệ Thuộc dòng họ cao quý

ọ Khẳng định tình yêu với R
“Trái tim [...] thuộc về chồng”

+ Phê phán R “Cớ sao [...] mụ
thấp hèn”

- Hành động: nhảy vào lửa:

+Lời nguyện cầu...

+ Dũng cảm bước lên giàn hoả

+Ai nấy đều xúc động

-> chứng minh lòng chung thủy

=> Dám hy sinh tình yêu, mạng sống
để khẳng định tư cách, phẩm hạnh

III. Tổng kết:Ghi nhớ SGK/60

4.Củng cố:-Tính cách R

-Lòng chung thủy của X

5.Dặn dò:Học bi: Rama buộc tội+ Chuẩn bị: “Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự

sự”

Tuần: 7 Tiết: 19 NS: 3-10	Làm văn: CHỌN SỰ VIỆC, CHI TIẾT TIÊU BIỂU TRONG BÀI VĂN TỰ SỰ
---------------------------------	--

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh biết chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu để viết bài văn tự sự

II. CHUẨN BỊ

- 1. Giáo viên: SGK, SGV, GA; Phương pháp: phát vấn , thảo luận quynạp
- 2. Học sinh: Xem bài trước ở nhà

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

- 1. **Ổn định lớp** – KTSS
- 2. **KTBC**: không
- 3. **Bài mới**:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu các khái niệm</p> <ul style="list-style-type: none"> * Yêu cầu kể những sự việc tiêu biểu trong truyện ADV và MCTT” * Khi ta trình bày một chuỗi sự việc, sự việc này đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến kết thúc thể hiện một ý nghĩa thì gọi là tự sự ? Hãy cho biết tự sự là gì? * Dán bảng phụ lên bảng: Ghi chuỗi sự việc tiêu biểu trong truyện ADV và MCTT * Gọi HS đọc các sự việc tiêu biểu được ghi từ bảng phụ ? Sự việc là gì? ? Để làm rõ sự việc nguyên nhân mất nước Au Lạc, cần phải có các ý tiêu biểu nào? * Các ý các em trình bày để làm rõ sự việc được gọi là chi tiết tiêu biểu ? Điều này cho em kết luận gì? <p>HOẠT ĐỘNG 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu về cách chọn sự việc và chi tiết tiêu biểu.</p> <ul style="list-style-type: none"> * Gọi hs đọc câu 1/SGK/62 Thảo luận nhóm bàn 3 phút: ? Tác giả đang kể về chuyện 	<ul style="list-style-type: none"> * Thực hiện theo yêu cầu -> Tự sự là kể chuyện trình bày các chuỗi sự kiện,... * Theo dõi, đọc à Sự việc là cái xảy ra được nhận thức có ranh giới rõ ràng phân biệt với cái xảy ra khác -> Trả lời theo yêu cầu -> 2 chi tiết trên là tiêu biểu 	<p>I. Khái niệm:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Tự sự : Là kể chuyện – trình bày một chuỗi sự việc, sự việc này đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến kết thúc thể hiện một ý nghĩa 2. Sự việc: (sự kiện, tình tiết) <ul style="list-style-type: none"> - Sự việc là cái xảy ra được nhận thức có ranh giới rõ ràng phân biệt với cái xảy ra khác - Mỗi sự việc có thể có nhiều chi tiết => Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu là khâu quan trọng trong quá trình viết hoặc kể lại một câu chuyện <p>II. Cách chọn sự việc và chi tiết tiêu biểu:</p> <p>1/ Tìm hiểu:</p> <p>1. Đọc truyện “ADV và MC – TT”:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) ADV xây thành, chế nô b) 2 chi tiết nêu trên là tiêu biểu. <p>Nếu thiếu những chi tiết này câu</p>

<p>gì ? Trong truyện có sự việc TT và MC chia tay nhau,...</p> <p>* Kết luận – Lưu ý: Nếu TT không tìm theo vết lông ngỗng câu chuyện sẽ dừng lại -> còn đâu là bi tình sử MC – TT, còn đâu thái độ của nhân dân đối với 2 nhân vật này</p> <p>* Gọi hs đọc câu 2/SGK/62 ? Em hãy chọn một sự việc rồi kể lại theo tưởng tượng với một số chi tiết tiêu biểu- Gợi ý chọn: Anh cùng ông giáo và viếng mộ cha</p> <p>* Chốt ý</p> <p>? Từ việc tìm hiểu cách lựa chọn sự việc chi tiết tiêu biểu trong văn tự sự trên giúp em biết gì về cách chọn sự việc và chi tiết tiêu biểu?</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3:Hướng dẫn HS ghi nhớ</p> <p>* Yêu cầu đọc to phần ghi nhớ SGK</p> <p>* Nhấn lại ghi nhớ</p> <p>HOẠT ĐỘNG 4:Hướng dẫn HS luyện tập</p> <p>* Gọi HS đọc BT1/63 ? Khi kể lại chuyện này, có người định bỏ sự việc hòn đá xấu xí được xác định là rơi từ vũ trụ xuống – Làm như thế có được không – vì sao?</p> <p>* Chốt ý ? Rút ra gì về cách lựa chọn sự việc và chi tiết tiêu biểu</p>	<p>* Đọc * Thảo luận</p> <p>* Một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác nhận xét</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>* Đọc</p> <p>à Cá nhân tưởng tượng trả lời</p> <p>-> Sự việc, chi tiết tiêu biểu phải làm nên ý nghĩa cốt truyện</p> <p>* Thực hiện theo yêu cầu</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>*Đọc</p> <p>à Suy nghĩ trình bày ý kiến</p>	<p>chuyện sẽ không liền mạch, kém phần ý nghĩa.</p> <p>2. Tưởng tượng: Anh cùng ông giáo và viếng mộ cha</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thắp hương, cúi đầu trước mộ cha - Anh thì thầm những gì không rõ, hình như anh muốn nói với cha anh nhiều lắm - Anh muốn cất tiếng gọi cha ơi, cha ơi con đã về đây thì cha đã... - Nghẹn ngào không nói nên lời. - Nước mắt rưng rưng - Bên cạnh ông giáo già cũng ngấn lệ. <p>2. Cách chọn sự việc và chi tiết tiêu biểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đọc kĩ văn bản -Chọn những sự việc chi tiết tiêu biểu có tác dụng dẫn dắt câu chuyện, tô đậm tính cách nhân vật và tập trung thể hiện chủ đề của câu chuyện <p>III. Ghi nhớ:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Để viết bài văn tự sự cần lựa chọn các sự việc và chi tiết tiêu biểu -Sự việc chi tiết tiêu biểu có tác dụng dẫn dắt câu chuyện, tô đậm tính cách nhân vật và tập trung thể hiện chủ đề của câu chuyện <p>IV. Luyện tập:</p> <p>1/63</p> <p>a) Không bỏ được vì đó là chi tiết quan trọng làm tăng thêm ý nghĩa cho câu chuyện (sự vĩ đại của hòn đá sống âm thầm và không sợ hãi lắm).</p> <p>b) Lựa chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu – làm nên ý nghĩa cốt truyện.</p> <p>2/64 về nhà</p>
--	--	--

4.Củng cố:Cách chọn sự việc và chi tiết tiêu biểu

5.Dặn dò:Học bi: “Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự”+Chuẩn bị bài viết số 2 (On từ “ Văn bản”à “Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong bài văn tự sự”)

Tuần: 7 Tiết: 20,21 NS: 3/10	Tập làm văn
	BÀI LÀM VĂN SỐ 2

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT :

- Ôn lại kiến thức đã học từ tuần 4 – tuần 7
- Rèn luyện kỹ năng viết bài văn phát biểu cảm nghĩ

II.CHUẨN BỊ

1.Giáo viên: thống nhất đáp án biểu điểm trong khối, chấm bài, thống kê.

2.Học sinh: kiến thức đã học, kiểm tra tập trung

III.TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

5. Gv: phát đề bài do Ban chuyên môn chọn
6. Hs: nhận đề bài – làm bài thời gian 90 phút
7. Thu bài

8. Dặn dò: chuẩn bị bài “Tấm Cám”

Tuần: 8 Tiết: 22,23 NS: 9/10	<p><u>Đọc văn</u></p> <p>TẤM CÁM (Truyện cổ tích)</p>
------------------------------------	---

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

- Hiểu được ý nghĩa của những mâu thuẫn xung đột và sự biến hoá của Tấm trong truyện Tấm Cám
- Giá trị nghệ thuật của truyện Tấm Cám

I. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: SGK, SGV, Giáo án; phương pháp: phát vấn, thảo luận

2. Học sinh: Soạn bài

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp: KTSS

2. KTBC: Trình bày nội dung đọc hiểu về lời buộc tội của R, tâm trạng và hành động của X?

3. Bài mới:

Hoạt động thầy

Hoạt động trò

Yêu cầu cần đạt

* Gọi hs đọc phần tiểu dẫn SGK/65

* Chốt ý chính cần nắm

? Cho biết truyện cổ tích “Tấm Cám” thuộc thể kiểu nào? Cho ví dụ minh họa đây thuộc kiểu truyện phổ biến trên thế giới

Hướng dẫn học sinh đọc hiểu các sự việc và chi tiết tiêu biểu của văn bản

* Gọi 2 hs đọc văn bản *Truyện Tấm Cám được xây dựng từ sự mâu thuẫn đến xung đột giữa Tấm và mẹ con Cám vì quyền lợi gia đình và quyền lợi xã hội.

? Trong gia đình, nguyên nhân nào dẫn đến sự mâu thuẫn giữa Tấm và mẹ con Cám?

*Chốt ý

* Giảng: Tấm là con riêng nên bị dè ghe hành hạ -> bất hạnh...(liên hệ ca dao)

? Diễn biến của sự mâu thuẫn được thể hiện như thế nào? Tìm những chi tiết cho thấy mâu thuẫn?

*Chốt ý

* Mâu thuẫn giữa Tấm và mẹ con Cám là mâu thuẫn vốn tồn tại trong gia đình phụ quyền thời cổ (dè ghe >< con chồng). Ở đây, Tấm ở thế bị động(bị mẹ con Cám đối xử thậm tệ, bóc lột tàn nhẫn chỉ biết ngồi khóc), đều được bụt giúp đỡ (4 lần) và cuối cùng Tấm bước lên ngôi hoàng hậu “Quan niệm ” Ở hiền gặp lành” và ước mơ công bằng xã hội.

? Nhận xét về cuộc đời Tấm? Em có suy nghĩ gì về kết quả cuối cùng?

*Chốt ý

* Chuyển ý, giới thiệu phần 2

? Nguyên nhân cụ thể dẫn đến xung đột giữa Tấm và mẹ con Cám vì quyền lợi xã hội là gì?

* Khi Tấm trở thành hoàng hậu thì trong lòng mẹ con Cám chẳng khác nào như bị đổ dầu sôi vào lửa- vốn đã ghét Tấm lại càng ghét hơn, nên tìm mọi cách để giết hại và cuộc xung đột trở thành một mất một còn, rất dữ dội và quyết liệt

? Diễn biến của sự xung đột được thể hiện như thế nào? Tìm những chi tiết gây nên sự xung đột?

*Chốt ý

Bình:

- Nếu chiếc giày là vật giao duyên thì hình ảnh miếng trầu là vật nối duyên để vua và Tấm gặp lại nhau.

? Quá trình biến hoá nói lên ý nghĩa gì? Cảm nhận của em về sự trừng phạt Cám của Tấm?

* Quá trình biến hoá của Tấm rất đổi kì diệu, giàu giá trị thẩm mỹ, nhất là khi Tấm biến thành quả thị. Hình thức biến hoá là điểm chi tiết phổ biến trong truyện cổ tích thần kì VN

* Giáo viên chốt ý

*Giảng: Ý nghĩa xã hội của sự mâu thuẫn

Hướng dẫn tổng kết

? Truyện Tấm Cám thể hiện điều gì? Theo em, nhân vật Tấm được xây dựng có đặc điểm như thế nào về tính cách?

* Kết luận- Giáo dục học sinh về tinh thần đấu tranh đối với cái ác

* Đọc theo yêu cầu

HS cho ví dụ từng loại

-> “Tấm Cám” -> CCT thần kỳ.

HS cho ví dụ Cô gái lọ lem...

* Đọc theo yêu cầu

-> Cuộc đời: mồ côi, sống với mẹ kế

* Ghi nhận

* Nghe

-> Tìm, trả lời

- Đi bắt cá

- Nuôi cá bống

- Đi hội

- Vua tổ chức thử giày

* Ghi nhận

* Nghe

à Trình bày nhận xét

* Ghi nhận

à Tấm trở thành hoàng hậu

à Nêu các lần Cám hãm hại Tấm gắn với quá trình biến hoá của Tấm

- Tấm hoá thành chim vàng anh
- Tấm hoá thành hai cây xoan đào
- Khung cửi tuyên chiến với Cám “cót ca [...] mất ra”.
- Từ tro mọc lên cây thị

* Ghi nhận

Quá trình biến hoá của Tấm đã cho thấy sức sống mãnh liệt của con người- Tinh thần đấu tranh quyết liệt của Tấm

-> Hướng vào ghi nhớ sgk- ghi nhận

I. Tiểu dẫn:

1. Truyện cổ tích:

- 3 loại: + Cổ tích loài vật
- + Cổ tích thần kỳ
- + Cổ tích sinh hoạt

- Đặc trưng TCT thần kỳ -> có sự tham gia của yếu tố thần kỳ nhằm phản ánh ước mơ của người xưa về hạnh phúc gia đình, công bằng xã hội,...

2. Truyện “Tấm Cám”: cổ tích thần kỳ

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Sự mâu thuẫn giữa Tấm và mẹ con Cám vì quyền lợi gia đình:

a) Nguyên nhân :

- Mẹ Tấm mất sớm, sống với mẹ kế cay nghiệt.
- Tấm và Cám là 2 chị em cùng cha khác mẹ
- > Là con riêng nên Tấm phải làm lụng vất vả suốt ngày đêm “Hằng ngày, Tấm [...] hết việc”

b) Diễn biến : liên tục

- Đi bắt cá:
- +Tấm chăm chỉ bắt nhiều cá.
- +Cám lười biếng, lừa chị trút hết giỏ cá tép, giành yếm đỏ
- +Tấm khóc, bịt mách nuôi cá bống
- Nuôi cá bống:
- +Tấm yêu thương
- +Mẹ con Cám lừa -> bắt cá bống ăn thịt
- +Tấm khóc, bịt mách đem xương bống bỏ vào lọ chôn bốn chân giường
- Đi hội:
- +Mẹ con Cám không cho Tấm đi xem hội -> trợn thóc và gạo bắt nhặt
- +Tấm khóc, bịt mách đàn chim sẻ xuống giúp nhặt thóc, bảo Tấm đào bốn chân giường lên để có đồ đẹp đi hội
- + Trên đường đi, Tấm đánh rơi giày
- Vua tổ chức thử giày :
- +Mẹ con Cám thử không vừa
- +Tấm thử vừa như in
- + Tấm trở thành hoàng hậu
- Tấm là nhân vật bất hạnh - Mẹ con Cám bóc lột Tấm vật chất lẫn tinh thần nhưng Tấm đều được lực lượng siêu nhiên giúp đỡ ở hiền gặp lành

2. Sự xung đột giữa Tấm và mẹ con Cám vì quyền lợi xã hội:

a) Nguyên nhân :

Tấm trở thành hoàng hậuàMẹ con Cám càng ghen ghét

b) Diễn biến:

- Mẹ con Cám nhiều lần giết Tấm để chiếm đoạt hạnh phúc
 - Mỗi lần Tấm bị giết hại là mỗi lần Tấm biến hoá:
 - + Mẹ con Cám lừa Tấm trèo hái cao giỗ bố, đặng gốc cao, Tấm chết
 - + Tấm hoá thành chim vàng anh quấn quít bên vua, mẹ con Cám giết chết vàng anh ăn thịt, đổ lông ngoài vườn
 - + Tấm hoá thành hai cây xoan đào, che mát vua, vua yêu thích. Cám đốn xoan đào làm khung cửi
 - + Khung cửi tuyên chiến với Cám “cót ca [...] mất ra”. Cám đốt khung cửi đổ tro xa hoàng cung
 - + Từ tro mọc lên cây thị -> quả thị là nơi Tấm gửi gắm linh hồn.
 - + Bà lão hàng nước mang thị về :
 - ề Tấm bước ra từ quả thị giúp bà lão việc nhà
 - ệ Khi bà lão biết được xé quả thị ,Tấm trở lại làm người ->
 - ờ Vua nhận ra Tấm bởi “ trầu têm cánh phượng”
 - +Trở về hoàng cung:
 - ề Tấm càng xinh đẹp và sống hạnh phúc bên vua
 - ạ Cám hỏi Tấm cách làm đẹp
- Tấm bảo Cám xuống hồ và dùng nước sôi gội làm Cám chết tươi, dì ghẻ hay tin lẳng đùn ra chết.
=>Quá trình biến hoá của Tấm đã cho thấy sức sống mãnh liệt của con người là Tấm ở thế chủ động đấu tranh không khoan nhượng đối với kẻ thù để giành lại sự sống và hạnh phúc là Thiên thắng ác

III. Tổng kết:Ghi nhớ SGK/72

4.Củng cố: Những sự việc tiêu biểu của truyện Tấm Cám

5.Dặn dò:-Học nắm những sự việc và chi tiết tiêu biểu truyện “Tấm Cám”

-Chuẩn bị: Miêu tả và biểu cảm trong bài văn tự sự

Tuần: 8 Tiết: 24 Ngày Soạn: 9/10	Làm văn: <h2 style="margin: 0;">MIÊU TẢ VÀ BIỂU CẢM</h2> <h3 style="margin: 0;">TRONG BÀI VĂN TỰ SỰ</h3>
--	---

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh:

- Hiểu được vai trò và tác dụng của các yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài văn học
- Biết kết hợp giữa miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự.

I.CHUẨN BỊ

1.Giáo viên: Sgk, giáo án; bảng phụ; Phương pháp: phát vấn, thảo luận, quy nạp.

2.Học sinh: xem bài ở nhà, ôn lại kiến thức đã học ở THCS

III.TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1.Ôn định lớp: KTSS

2.KTBC:? Trình bày cách chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu cho bài văn tự sự . Hãy chọn những sự việc tiêu biểu trong truyện cổ tích Tấm Cám

3.Bài mới:

Hoạt động của thầy
Hoạt động của trò
Yêu cầu cần đạt

Hướng dẫn HS ôn lại kiến thức đã học ở THCS

? Miêu tả là gì?

? Biểu cảm là gì?

? Theo em, miêu tả, biểu cảm trong văn miêu tả, biểu cảm với miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự có điểm gì giống nhau và khác nhau?

* Chốt ý

*Gọi hs đọc câu hỏi 3/SGK

? Cần căn cứ vào đâu để đánh giá hiệu quả của miêu tả và biểu cảm?

* Chốt ý

Gọi HS đọc câu 4-Sgh tr73,74

* Thảo luận nhóm bàn: 3phút

? Giải thích vì sao đoạn trích đã dẫn rất thành công trong việc sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm?

(Hướng dẫn cách làm cho học sinh: Tìm yếu tố miêu tả và biểu cảm, chỉ ra tác dụng, nhận xét)

* Chốt ý

Hướng dẫn HS ôn tập vai trò của quan sát, liên tưởng, tưởng tượng đv m tả và bcảm trong văn tự sự.

*Gọi hs đọc BT1/75

? Chọn và điền từ thích hợp vào chỗ trống

* Chốt ý

* Dẫn khái niệm về miêu tả

* Gọi Hs đọc lại vbản BT I.4

?Để làm tốt việc miêu tả trong văn tự sự, có phải người làm văn chỉ cần quan sát kĩ càng mà không cần liên tưởng, tưởng tượng không? Vì sao?

(chú ý khi nêu quan điểm phải dựa trên cơ sở của văn bản đã đọc và có dẫn chứng minh họa)

* Chốt ý

* Gọi HS đọc II.3

? Chọn ý không chính xác?

* Chốt ý

? Vai trò của miêu tả, biểu cảm trong vb tự sự?

? Miêu tả và biểu cảm muốn thành công cần phải quan tâm điều gì?

* Gv nhận xét – bổ sung

* Yêu cầu hs khắc sâu kiến thức phần ghi nhớ SGK/76

Hướng dẫn HS luyện tập

* Gọi HS đọc BT1

*Yêu cầu HS giải BT 1b:

? Nhận xét vai trò của yếu tố miêu tả và biểu cảm trong đoạn trích từ truyện “ Lặng quả thông”?

* Chốt ý

àDùng ngôn ngữ để giúp người đọc (nghe) hình dung ra điểm nổi bật của sự vật, hiện tượng, con người

àBiểu cảm: Bày tỏ tư tưởng, tình cảm, thái độ

àSo sánh sự giống và khác nhau miêu tả, biểu cảm trong văn miêu tả, biểu cảm với miêu tả , biểu cảm trong văn tự sự

(ở cách thức tiến hành, cách miêu tả)

* Đọc theo yêu cầu

* Ghi nhận

* thảo luận– trình bày ý kiến

* Ghi nhận

* Đọc theo yêu cầu

à Nhận xét, phân tích.

* Ghi nhận

* Đọc theo yêu cầu, à chọn câu d

* Ghi nhận

-> Hướng vào ghi nhớ sgk- ghi nhận.

* Đọc theo yêu cầu

à Nhận xét theo yêu cầu

* Ghi nhận

I. Miêu tả và biểu cảm trong văn bản tự sự:

1. Miêu tả, biểu cảm:

- Miêu tả: Dùng ngôn ngữ để giúp người đọc (nghe) hình dung ra điểm nổi bật của sự vật, hiện tượng, con người, phong cảnh,...
- Biểu cảm: Bày tỏ tư tưởng, tình cảm, thái độ và sự đánh giá của người viết đối với đối tượng được đề cập

2. Phân biệt miêu tả, biểu cảm trong văn miêu tả, biểu cảm với miêu tả, biểu cảm trong văn tự sự:

- Miêu tả:
 - + Giống: cách thức tiến hành
 - + Khác:
 - Mtả trong văn mtả: mtả chi tiết, cụ thể
 - Mtả trong văn tự sự: mtả khái quát
- Biểu cảm
 - + Giống: cách thức tiến hành
 - + Khác: văn tự sự chỉ là những cảm xúc đan xen có tác động mạnh mẽ về tư tưởng tình cảm người đọc (nghe)

3. Căn cứ để đánh giá hiệu quả của miêu tả và biểu cảm:

- Căn cứ vào sự hấp dẫn qua hình ảnh mtả để liên tưởng đến yếu tố bất ngờ trong truyện
- Căn cứ vào sự truyền cảm qua cách bày tỏ tình cảm của tác giả

4.

*Tìm yếu tố mtả, bcảm trong vb :

- Yếu tố mtả:
 - + “Suối reo [...] cỏ mọc”
 - + “Một lần [...] ánh sáng”
 - + “Người vẫn [...] nhà trời”

-> Yếu tố mtả: mtả không gian yên tĩnh của không gian đầy sao, chỉ có tiếng suối reo cỏ mọc, tiếng kêu của loài côn trùng. Có 2 người cô chủ và chàng trai mục đồng đang ngắm sao

- Yếu tố bcảm:
 - + “Tôi thấy [...] vai tôi”
 - + “Còn tôi [...] cao đẹp”

-> Yếu tố biểu cảm: Nổi bật nổi xao xuyến của chàng trai trước cô chủ nhưng anh vẫn giữ được mình với những ý nghĩa cao đẹp.

***Nhận xét (giải thích)** đoạn trích đã dẫn rất thành công trong việc sử dụng các yếu tố miêu tả và biểu cảm: càng làm tăng vẻ đẹp của thiên nhiên và của lòng người

II. Quan sát, liên tưởng, tưởng tượng đv mtả và bcảm trong văn tự sự:

1. Chọn và điền từ:

- a) **Liên tưởng:** Từ sự việc hiện tượng nào đó mà nghĩ đến sự việc hiện tượng có liên quan
- b) **Quan sát:** xem xét để nhìn rõ, biết rõ sự vật hay hiện tượng
- c) **Tưởng tượng:** tạo ra trong tâm trí hình ảnh của cái không hề có ở trước mắt, hoặc còn chưa hề gặp

3. - Quan sát mục I.4:

-Mtả trong vb tự sự không chỉ có quan sát mà còn phải liên tưởng, tưởng tượng mới tạo được cảm xúc.

-Chẳng hạn:

- + Phải quan sát để nhận ra “Trong đêm [...] không gian”
- + Tưởng tượng [...] cười sáo
- + Liên tưởng “Cuộc [...] cứu lớn”

3. Tìm hiểu cảm:

- d) Không chính xác

III. Ghi nhớ:

SGK/76

IV. LUYỆN TẬP

1b. Đoạn trích truyện ngắn “Lặng quả thông”

-Đoạn trích tự sự.

-Nhưng có nhiều yếu tố miêu tả, biểu cảm: vẽ nên bức tranh tuyệt đẹp về mùa thu vàng trên vùng rừng núi phương Bắc, tình yêu tha thiết của tác giả

-Hiệu quả của yếu tố miêu tả và biểu cảm được tạo nên từ:

+ Sự quan sát, lên tưởng tượng tượng tình tế

+ Tình cảm của nhà văn

4. Củng cố: - Vai trò của miêu tả, biểu cảm trong vb tự sự

- Miêu tả và biểu cảm muốn thành công cần phải quan tâm điều gì?

5. Dặn dò: - Về nhà làm bài LT2 vào giấy, nộp cho GV vào tiết sau

- Soạn bài: “Tam đại con gà”, “Nhưng nó phải bằng hai mày” theo câu hỏi SGK

Tuần: 9 Tiết: 25 NS: 12/10	Đọc văn TAM ĐẠI CON GÀ NHƯNG NÓ PHẢI BẰNG HAI MÀY (Truyện cười)
----------------------------------	---

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT :

Tam đại con gà:

- Thấy được mâu thuẫn trái tự nhiên trong cách ứng phó của nhân vật “Thầy” trong truyện, hiểu được ý nghĩa ph phn của truyện.

- Nắm được những đặc trưng cơ bản của truyện cười trào phúng.

Nhưng nó phải bằng hai mày:

- Thái độ của nhân dân đv bản chất tham nhũng của quan lại địa phương và tình cảnh bi hài của người lao động lâm vào việc kiện tụng trong xã nông thôn VN xưa.

- Nghệ thuật gây cười của truyện

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG

Tam đại con gà:

1. Kiến thức:

- Bản chất của nhân vật “Thầy” qua những việc gây cười và ý nghĩa phê phán của truyện.
- Kết cấu truyện ngắn gọn, chặt chẽ; lối kể truyện tự nhiên, kết thúc truyện bất ngờ; sử dụng hiệu quả nghệ thuật phóng đại, “nhân vật tự bộc lộ”.

2. Kỹ năng:

- Phân tích một truyện cười thuộc loại trào phúng.
- Khi quật hĩa ý nghĩa v những bi học m tc giả gửi gắm.

Nhưng nó phải bằng hai mày:

1. Kiến thức:

- Sự kết hợp giữa lời nói và động tác trong việc thể hiện bản chất tham nhũng của thầy lý v tình cảnh vừa đáng thương vừa đáng trách của người lao động khi lâm vào cảnh kiện tụng.
- Truyện ngắn gọn, chặt chẽ, lối kể truyện tự nhiên, kết thúc bất ngờ. Thủ pháp chơi chữ, kết hợp giữa ngôn ngữ và hành động của các nhân vật.

2. Kỹ năng:

- Phân tích cc tình huống gây cười.
- Khi quật, rt ra ý nghĩa v những bi học m tc giả gửi gắm.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp: KTSS

2. KTBC:? Phân tích cuộc đấu tranh giành hạnh phúc của Tấm

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy
Hoạt động của trò
Yêu cầu cần đạt

Hướng dẫn HS đọc tiểu dẫn

? Truyện cười có mấy loại?

? Truyện cười “TĐCG” “NNPBHM” thuộc loại nào

Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản

*Gọi HS đọc văn bản

? Tìm hiểu những sự việc gây cười ở nhân vật ‘thầy’ trong việc phân tích 3 khía cạnh sau:

- “Thầy” liên tiếp bị đặt vào những tình huống nào?
- “Thầy” giải quyết tình huống đó ra sao?
- Trong quá trình giải quyết tình huống “Thầy” bộc lộ cái dốt như thế nào

*Gv chốt ý

Truyện thành công ở nghệ thuật nào? Phân tích hiệu quả nghệ thuật đó?

? Từ tiếng cười bật lên trong truyện, theo em truyện “ Tam đại con gà” có ý nghĩa gì?

*Gọi HS đọc “NNPBHM”

* Truyện được xây dựng bởi tình huống hài hước

? Tình huống truyện gồm những sự việc nào?

? Khi xử kiện việc gì đã xảy ra

? Hành động của thầy lý có ý là gì

? Nhận xét lời nói của thầy lý – sử dụng nghệ thuật gì?

? Cảm nhận chung của em về cảnh nghệ thuật?

Ý nghĩa của truyện?

* Không tra hỏi sự việc, không suy xét sự tình vị quan sử kiện chỉ biết phán quyết lẽ phải dựa trên số tiền mà Cải và Ngô đút lót. Tiếng cười vì vậy càng có ý nghĩa phê phán sâu sắc

->Truyện cười: 2 loại khôi hài trào phúng

->Truyện cười “TĐCG” “NNPBHM” thuộc loại trào phúng

*Độc văn bản

àThầy gặp chữ “Kê” trong sách “Tam thiện tự” . Không biết, nói liều “Dủ dĩ là con dù dì” -> dốt
 àSợ sai, bảo học trò đọc khẽ -> giấu dốt.
 à Xin đài âm dương -> xin được quẻ, đặc ý -> bảo học trò đọc to -> cái dốt được khuếch đại.
 Đối mặt với chủ nhà, bị lật tẩy nhưng vẫn nguy biện cho sự dốt nát bằng lý sự cùng
 à Nhận xét

à Ý nghĩa của truyện

à Truyện ngắn gọn, kết cấu chặt chẽ,
 à Cch vo truyện tự nhin, cch kết thc truyện rất bất ngờ.

à Thủ pháp “nhân vật tự bộc lộ”:

à Ngôn ngữ truyện giản dị nhưng rất tinh, nhất là ở phần kết, sử dụng yếu tố vần điệu để tăng tính bất ngờ và yếu tố gây cười.

à Ý nghĩa truyện: Bài học nhân sinh rút ra cho mỗi chúng ta là Không nên khoác lát, giấu dốt, phải không ngừng học tập tích lũy kiến thức.

* Độc văn bản

Cải và Ngô đánh nhau -> đi xử kiện (Cải lót 5 đồng, Ngô lót 10 đồng)

+ Khi xử kiện:

. Cải thua: ngạc nhiên rồi “Xoè năm ngón tay” -> nhắc nhở quan đã đưa quan 5 đồng

. Thầy lý cũng “Xoè năm [...] tay mặt” -> ý nói Ngô nhiều hơn đến 2 bàn tay à Ngô thắng

. Lời nói “Mày phải ... nhưng nó lại phải ... bằng hai mày” -> nghệ thuật chơi chữ độc đáo -> gây cười.

à nghệ thuật chơi chữ độc đáo (từ “phải”) à tạo tình huống gây cười-
 à xây dựng những cử chỉ và hành động gây cười như trong kịch câm, mang nhiều nghĩa.

à Rút ra ý nghĩa của truyện.

I. Tiểu dẫn:

- Truyện cười: 2 loại
 - + Khôi hài: giải trí, giáo dục
 - + Trào phúng (phê phán). Đối tượng phê phán của truyện trào phúng là những thói hư tật xấu của các hạng người trong xã hội.
- Truyện cười “TĐCG” “NNPBHM” thuộc loại trào phúng

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Truyện “Tam đại con gà”

a. Nội dung: Thầy không biết chữ mà hay nói chữ để mọi người lầm tưởng là hay chữ nên đón về dạy trẻ

- Sự việc gây cười thứ nhất:Thầy gặp chữ “Kê” trong sách “Tam thiên tự” . Không biết, nói liều “Dủ dĩ là con dù dì” -> dốt
- Sự việc gây cười thứ hai: Sợ sai, bảo học trò đọc khẽ -> giấu dốt.
- Sự việc gây cười thứ ba: Xin đài âm dương -> xin được quẻ, đặc ý -> bảo học trò đọc to -> cái dốt được khuếch đại
- Sự việc gây cười thứ ba: Đối mặt với chủ nhà, bị lật tẩy nhưng vẫn nguy hiểm cho sự dốt nát bằng lý sự cùng:

+Dạy cho cháu biết đến tận tam đại con gà
 +Giải thích về tam đại con gà :” Dủ dĩ...con gà”

-> Tình huống mâu thuẫn trái tự nhiên là cái dốt và sự giấu dốt -> gây cười (nghệ thuật)

b) Tổng kết:

* Nghệ thuật:

- Truyện ngắn gọn, kết cấu chặt chẽ, chỉ xoay quanh một mâu thuẫn gây cười là *dốt – giấu dốt*, mọi chi tiết đều hướng vào mục đích gây cười.
- Cch vo truyện tự nhin, cch kết thc truyện rất bất ngờ.
- Thủ pháp “nhân vật tự bộc lộ”: cái dốt của nhân vật tự hiện ra, tăng dần theo mạch phát triển của truyện cho đến đỉnh điểm là lúc kết thúc.
- Ngôn ngữ truyện giản dị nhưng rất tinh, nhất là ở phần kết, sử dụng yếu tố vần điệu để tăng tính bất ngờ và yếu tố gây cười.

* Ý nghĩa truyện:

Không chỉ nhằm vào một con người cụ thể, truyện *Tam đại con gà* cịn ph phn thĩ dốt hay nĩ chữ, dốt học lm sang, dốt lại bảo thủ, qua đó nhấn nhủ với mọi người phải luôn học hỏi, không nên che giấu cái dốt của mình.

2) Truyện “Nhưng nó phải bằng hai mày”:

a. Nội dung:

-Truyện phê phán cách xử kiện của thầy lý và vạch trần bản chất tham nhũng của quan lại địa phương trong xã hội VN xưa.

+ Cải và Ngô đánh nhau -> đi xử kiện (Cải lót 5 đồng, Ngô lót 10 đồng)

+ Khi xử kiện:

. Cải thua: ngạc nhiên rồi “Xoè năm ngón tay” -> nhắc nhở quan đã đưa quan 5 đồng

. Thầy lý cũng “Xoè năm [...] tay mặt” -> ý nói Ngô nhiều hơn đến 2 bàn tayà Ngô thắng

. Lời nói “Mày phải ... nhưng nó lại phải ... bằng hai mày” -> nghệ thuật chơi chữ độc đáo -> gây cười.

-> Lẽ phải được đo bằng tiền

-Truyện cũng thể hiện thái độ vừa thương, vừa trách của dân gian đối với những người lao động như Cải. Cải vừa là nạn nhân, vừa là thủ phạm; vừa đáng cười, lại vừa đáng thương vừa đáng trách.

b) Tổng kết:

* Nghệ thuật:

- tạo tình huống gây cười: thầy lý xử kiện giỏi. Cải đút lót v yn tm l mình thắng. Nhưng Cải bất ngờ vì bị thua kiện, phải đến phút cuối mới biết Ngô đút tiền cho thầy lý nhiều gấp 2 lần mình.

- Xây dựng những cử chỉ và hành động gây cười như trong kịch câm, mang nhiều nghĩa.

- Kết hợp cử chỉ gây cười và lời nói gây cười, giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cử chỉ.

- Chơi chữ: *phải* là từ chỉ tính chất được dùng kết hợp với từ chỉ số lượng tạo sự vô lý nhưng lại hợp lý.

* Ý nghĩa truyện:

Truyện vạch trần bản chất tham nhũng của hàng ngũ quan lại xưa.

4.Củng cố:

- Những sự việc, chi tiết tiêu biểu và ý nghĩa của 2 truyện cười?

- Truyện cười được xây dựng bằng các tình huống trái lẽ tự nhiên?

5.**Dặn dò:** Soạn “Ca dao than thân yêu thương tình nghĩa” theo hướng dẫn sgk và một số câu hỏi sau:

-Hãy tìm những câu ca dao bắt đầu bằng chữ ‘thân em’, “trèo lên cây”

-

Tuần: 9 Tiết: 26,27 NS: 12/10	Đọc văn
	CA DAO THAN THÂN, YÊU THƯƠNG TÌNH NGHĨA

I.MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT: Giúp học sinh

- Cảm nhận được tiếng hát than thân và lời ca yêu thương tình nghĩa của người bình dân trong xh pkiến qua nghệ thuật đậm đà màu sắc dgian của ca dao
- Trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của người lao động và yêu quý những sáng tác của họ

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

1. Kiến thức:

- Nỗi niềm xót xa, đắng cay và tình cảm yêu thương thủy chung, đầm thắm ân tình của người bình dân trong xã hội cũ.
- Những đặc sắc của nghệ thuật dân gian trong việc thể hiện tâm hồn người lao động.

2. Kỹ năng:

Đọc – hiểu ca dao theo đặc trưng thể loại.

III.TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1.Ổn định lớp: KTSS

2.KTBC: Các sự việc chi tiết tiêu biểu trong truyện “Tam đại con gà “, “Nhưng nó phải bằng hai mày”. Nêu ý nghĩa của truyện

3.Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>Hướng dẫn HS đọc tiểu dẫn</p> <p>*Gọi hs đọc tiểu dẫn SGK</p> <p>? Nội dung của ca dao</p> <p>? Nghệ thuật của ca dao</p> <p>Hướng dẫn HS đọc hiểu văn bản</p> <p>* Gọi hs đọc bài 1,2</p> <p>? Theo em người than thân trong bài ca dao 1,2 là ai?và thân phận họ như thế nào?</p> <p>*Trong lời than có nét tương đồng và khác biệt .</p> <p>?Điểm giống của 2 bài ca dao?</p> <p>Nhận xét – chốt ý</p> <p>? Điểm khác của 2 bài ca dao là gì ?</p> <p>*Giảng bình:</p> <p>-Hai lời than thân đều mở đầu bằng âm điệu xót xa ngậm ngùi. Hình ảnh “Thân em như...” là mô típ quen thuộc của ca dao (...)</p> <p>-Trong tiếng than, niềm đau của họ ta vẫn thấy nét đẹp ẩn chứa, đầy khát vọng yêu thương trân trọngà Tính nhân văn cao cả</p> <p>*Chuyển dẫn đến bài ca số 3</p> <p>* Gọi hs đọc văn bản</p>	<p>*Đọc</p> <p>->Dựa sgk- Trả lời</p> <p>*Đọc</p> <p>àLời than của người phụ nữ trong xã hội phong kiến vì thân phận bị phụ thuộc</p> <p>àTrình bày nét giống nhau của 2 bài ca dao: Bắt đầu bằng “Thân em như...” -> vừa so sánh vừa ẩn dụ -> lời than cho số phận đắng cay</p> <p>*Ghi nhận</p> <p>àBài1:Y thức về phẩm chất và số phận của người phụ nữ</p> <p>àBài2:Khẳng định giá trị đích thực nhưng cũng là nỗi ngậm ngùi về thân phận của người phụ nữ</p>	<p>I. Tìm hiểu chung về ca dao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung: Diễn tả đời sống, tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân - Nghệ thuật: <ul style="list-style-type: none"> + Lời thơ ngắn gọn, hàm súc + Sử dụng thể thơ lục bát + BPTT: so sánh, ẩn dụ <p>II. Đọc hiểu văn bản:</p> <p>1. Bài 1,2: Lời than của người phụ nữ trong xã hội phong kiến vì thân phận bị phụ thuộc</p> <p>* Điểm giống:</p> <p>Bắt đầu bằng “Thân em như..” - > vừa so sánh vừa ẩn dụ -> lời than cho số phận đắng cay</p> <p>* Điểm khác:</p> <p>Hình ảnh so sánh</p> <p>-Bài1:</p> <ul style="list-style-type: none"> + “Tắm lụa đào” :vẻ đẹp thướt tha + “Phất phơ giữa chợ”:số phận lênh đênh <p>-> Xót xavi số phận bị phụ thuộc</p> <p>-Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> + “Củ ấu gai”: ruột trắng, vỏ đen, ngọt bùi -> vẻ đẹp về phẩm chất + “ Ai ơi nếm thử mà xem” -> lời mời gọi thiết tha <p>-> Nỗi xót xa cho giá trị thực (phẩm chất) không ai biết đến</p> <p>2. Bài 3: Lời than lỡ duyên nhưng tình nghĩa vẫn vững bền, thủy chung</p>

<p>một vài bài ca dao có sử dụng hình ảnh giống với bài ca dao số 5?</p> <p>? Điểm độc đáo của bài ca dao là ở chỗ nào? Nhận xét của em về ước muốn của nhân vật trữ tình? Ước muốn đó nói lên điều gì?</p> <p>* Bình: Điểm độc đáo của bài ca dao:</p> <p>- Hình ảnh phi lý nhưng lãng mạn, thi vị, đẹp đẽ xinh xắn phù hợp với cảm xúc bay bổng của tình yêu.</p> <p>- Ước mơ của nhân vật trữ tình thật đáng yêu, thể hiện thú vị. Đó chính là khát vọng, là tấm lòng của cô gái.</p> <p>* Dẫn chuyện Gọi hs đọc bài 6</p> <p>? Bài ca dao có nhắc đến hình ảnh gì? Em có biết đến một bài ca dao nào khác có sử dụng hình ảnh đó?</p> <p>? Hình ảnh mối mặn gừng cay được sử dụng trong bài ca dao biểu trưng cho điều gì?</p> <p>? Bài ca dao có kết cấu đặt biệt ở chỗ nào? Theo em, kết cấu như thế có tác dụng gì?</p> <p>? Qua 6 bài ca dao em hãy cho biết nghệ thuật thường được sử dụng</p> <p>? Đời sống tình cảm của người bình dân thời xưa diễn tả trong ca dao như thế nào? Em hãy nêu ý nghĩa văn bản?</p>	<p>*Độc</p> <p>-> Trả lời: Ước muốn: sông rộng 1 gang. bắc cầu dài yếm</p> <p>-> Ước muốn phi lý nhưng tình rất thật</p> <p>*Độc</p> <p>à Hình ảnh “Muối mặn – gừng cay”...</p> <p>-> Biểu tượng cho sự chung thủy trong tình cảm</p> <p>-> Khẳng định tình yêu son sắt</p> <p>à Công thức mở đầu: “thân em...” . Hình ảnh biểu tượng.</p> <p>Cách so sánh, ẩn dụ, thể thơ lục bát, song thất lục bát</p> <p>à Ngợi ca và khẳng định vẻ đẹp đời sống tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của người bình dân Việt Nam xưa.</p>	<p>- Môtíp “chiếc cầu” -> biểu tượng của tình yêu</p> <p>- Điểm độc đáo -> ước muốn:</p> <p>+ Sông rộng 1 gang</p> <p>+ Bắc cầu dài yếm</p> <p>-> Sự phi lý nhưng tình rất thực -> ước muốn táo bạo mà trữ tình đậm thắm -> tình yêu mãnh liệt</p> <p>5. Bài 6: Ca ngợi lối sống nghĩa tình, thủy chung của người bình dân</p> <p>- Hình ảnh “Muối mặn – gừng cay” -> biểu trưng cho sự gắn bó thủy chung</p> <p>- Lối nói trùng điệp</p> <p>+ Muối – gừng</p> <p>+ Ba năm – chín tháng</p> <p>+ Còn mặn – còn cay</p> <p>+ Nghĩa nặng – tình dày</p> <p>+ Thể STLB biến thể</p> <p>-> Khẳng định tình nghĩa son sắt không bao giờ xa cách.</p> <p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>- Công thức mở đầu: “thân em...”.</p> <p>- Hình ảnh biểu tượng.</p> <p>- Cách so sánh, ẩn dụ, thể thơ lục bát, song thất lục bát.</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản:</p> <p>Ngợi ca và khẳng định vẻ đẹp đời sống tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của người bình dân Việt Nam xưa.</p>
--	---	--

4. Củng cố: - Nỗi niềm chua xót, tình cảm yêu thương chung thủy của người bình dân trong xã hội cũ

- Ngôn ngữ giản dị, giàu hình ảnh so sánh ẩn dụ, lối diễn đạt công thức

5. Dặn dò: - Học thuộc lòng các bài ca dao và bài học, sưu tầm thêm các bài ca dao có cùng chủ đề - Xem trước bài: “Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết”

Tuần: 10 Tiết: 28 NS: 19/10	Tiếng việt ĐẶC ĐIỂM CỦA NGÔN NGỮ NÓI VÀ NGÔN NGỮ VIẾT
-----------------------------------	--

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT: Giúp học sinh

- Nắm được những đặc điểm về tình huống giao tiếp, các phương tiện ngôn ngữ chủ yếu và các phương tiện hỗ trợ của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết,
- Có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thích hợp với đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

1. Kiến thức:

Đặc điểm của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết xét theo các phương diện:

- Phương tiện ngôn ngữ.
- Tình huống giao tiếp.
- Phương tiện phụ trợ.
- Từ, câu, văn bản.

2. Kỹ năng:

- Những kỹ năng thuộc về hoạt động nói và hoạt động nghe trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói.
- Những kỹ năng thuộc về hoạt động viết và hoạt động đọc trong giao tiếp ở dạng ngôn ngữ viết.
- Kỹ năng phân biệt để không sử dụng nhầm lẫn giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết.

III/ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ôn định lớp: KTSS

2. KTBC: VB là gì? Các loại văn bản? Ví dụ.

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
Hướng dẫn HS tìm hiểu về ngôn ngữ nói * Yêu cầu HS chú ý : câu	* thực hiện theo yêu cầu	I. Đặc điểm ngôn ngữ nói: 1. Khái niệm:

<p>chuyện trao ngấn của 2 HS. * Nhấn mạnh: ngôn ngữ sử dụng trong đoạn hội thoại mà 2 bạn vừa thể hiện là ngôn ngữ nói ? Ngôn ngữ nói là gì?</p> <p>? Khi nói, người nói, ngoài việc sử dụng ngôn ngữ nói thì người nói còn sử dụng phương tiện giao tiếp gì?</p> <p>? Theo em, vốn từ ngữ được dùng trong ngôn ngữ nói là gì?</p> <p>? Đặc điểm ngữ pháp của ngôn ngữ nói? Chuyển ý Hướng dẫn HS tìm hiểu về ngôn ngữ viết * Phần bài học các em vừa ghi nhận là ngôn ngữ viết ? Ngôn ngữ viết là gì?</p> <p>? Nếu văn bản nói dấu hiệu đầu tiên được thể hiện trước hết ở ngữ điệu thì ngôn ngữ viết được thể hiện trước hết là ở chỗ nào? ? Từ ngữ của ngôn ngữ viết được sử dụng như thế nào?</p> <p>? Về đặc điểm ngữ pháp?</p> <p>* Lưu ý các trường hợp đặc biệt Hướng dẫn ghi nhớ ? Vì sao khi nói, viết, người tạo lập văn bản phải nói, viết sao cho phù hợp? * Nhấn mạnh ghi nhớ. Hướng dẫn LT *Gọi hs đọc BT1/SGK/88 ? Phân tích đặc điểm ngôn ngữ viết của đoạn văn?</p> <p>*Gọi hs đọc bài 2/SGK</p> <p>? Phân tích những đặc điểm của ngôn ngữ nói? (Từ khẩu ngữ, cử chỉ điệu bộ, sự thay</p>	<p>Sử dụng ngôn ngữ âm thanh trong giao tiếp</p> <p>Giọng nói, ngữ điệu,...</p> <p>Sử dụng từ địa phương, tiếng lóng</p> <p>Câu quá ngắn hoặc quá rườm rà</p> <p>Ngôn ngữ thể hiện bằng chữ viết</p> <p>Hệ thống dấu câu...</p> <p>Từ ngữ lựa chọn</p> <p>Đầy đủ các thành phần...</p> <p>à Nhắc lại đặc điểm điển đạt của ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết</p> <p>Đọc</p> <p>Tìm – trả lời</p>	<p>Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh, là lời nói trong giao tiếp hàng ngày, trao đổi trực tiếp với nhau 2.Đặc điểm điển đạt: - Ngữ điệu: đa dạng và các phương tiện hỗ trợ : cử chỉ, nét mặt, ánh mắt. -Từ ngữ: đa dạng + Lớp từ mang tính khẩu ngữ, +sử dụng từ địa phương tiếng lóng +Các trợ từ, thán từ, các từ ngữ đưa đẩy, chêm xen... - Ngữ pháp: + Thường dùng câu tỉnh lược + Câu quá ngắn, hoặc quá dài. II. Đặc điểm của ngôn ngữ viết: 1. Khái niệm: Ngôn ngữ viết là ngôn ngữ thể hiện bằng chữ viết và được tiếp nhận bằng thị giác. 2. Đặc điểm điển đạt: -Hệ thống dấu câu, kí hiệu, hình ... -Từ ngữ: + Từ ngữ có lựa chọn +Khoa học, chính xác phù hợp với từng p/c -Ngữ pháp: +Đúng ngữ pháp +Các thành phần câu: chặt chẽ, m lạc * Chú ý: 2 trường hợp -Ngôn ngữ nói được ghi = chữ viết -Ngôn ngữ viết được trình bày bằng lời nói miệng III. Ghi nhớ: SGK-Tr88</p> <p>IV. Luyện tập: 1.phân tích đặc điểm ngôn ngữ viết: -Sử dụng nhiều loại dấu câu: hai chấm, ngoặc đơn, ngoặc kép, chấm, phẩy, ba chấm -Thuật ngữ: từ vựng, ngữ pháp, phong cách... -Bố cục trình bày rõ ràng chặt chẽ: phân nhiều đoạn, từ liên kết 2/88 – Phân tích đặc điểm ngôn ngữ nói: -Từ khẩu ngữ, hô ngữ, thán từ:kìa, có khối , mấy giò, đấy, ời, sợ gì.</p>
--	--	---

<p>phiên vai)</p> <p>*Gọi hs đọc BT3 và thực hiện câu a ? Phân tích lỗi và chữa lại câu cho phù hợp với ngôn ngữ viết?</p>	<p>Đọc</p> <p>à Phân tích theo gợi ý</p> <p>Đọc</p> <p>-> Thiếu CN...à thêm CN</p>	<p>-Câu tỉnh lược, câu đơn đặc biệt -Cử chỉ: cong cớn, ton ton, liếc mắt cười tít -Thay phiên :Lướt lời(1): mấy cô gái(bạn thị),lướt lời(2):lời thị, lướt lời(3)lời Trâng, lướt lời(4):lời thị à Trao đổi trực tiếp</p> <p>3/89 – Phân tích lỗi và chữa lại câu sau: a/*Chỗ sai: - Thiếu CN - Sử dụng ngôn ngữ nói: hết ý *Sửa lại câu hoàn chỉnh trong thơ ca VN, ta thấy nhiều bức tranh mùa thu rất đẹp b/c/: về nhà làm</p>
--	---	---

4.Củng cố: Đặc điểm ngôn ngữ nói
Đặc điểm ngôn ngữ viết

5.Dặn dò: soạn bài “ Ca dao hài hước “ theo câu hỏi hướng dẫn sgk, đọc thêm” Lời tiễn dặn”

Tuần: 10 Tiết: 29, 30 NS: 19/10	Đọc văn: CA DAO HÀI HƯỚC Đọc thêm: LỜI TIỄN DẶN
---------------------------------------	--

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

Ở bài ca dao hài hước: - Cảm nhận ý nghĩa tình cảm quan hệ nhân sinh trong xã hội xa;
 - Thấy được nghệ thuật trào lộng minh, mỉa mai trong các bài ca dao hài hước.

Ở bài “Lời tiễn dặn”: - Thấy được nỗi xót thương, đau khổ tuyệt vọng; cảm nhận được khát vọng tự do yêu đương, thủy chung gắn bó của chàng trai và cô gái Thái;

- Hiểu được sự kết hợp giữa yếu tố tự sự và trữ tình, cách diễn tả tâm trạng nhân vật trong truyện thơ dân gian.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

1. Kiến thức:

Ở bài ca dao hài hước: Cảm nhận ý nghĩa tình cảm quan hệ nhân sinh trong xã hội xa;
 - Thấy được nghệ thuật trào lộng minh, mỉa mai.

Ở bài “Lời tiễn dặn”: - Nỗi xót thương của chàng trai và niềm đau khổ tuyệt vọng của cô gái.

- Khát vọng hạnh phúc, tình yêu chung thủy của chàng trai, cô gái.

- Sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình, cách thể hiện tâm trạng nhân vật.

Kỹ năng:

Ở bài ca dao hài hước: Tiếp tục rèn luyện kỹ năng tiếp cận và phân tích ca dao.

Ở bài Lời tiễn dặn: Đọc - hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ôn định lớp: KTSS

2. KTBC: Trình bày phần đọc hiểu 2 bài ca dao than thân yêu thương tình nghĩa mà em thích. Phát biểu cảm nghĩ riêng của em về 1 trong 2 bài ca dao đó.

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
Hướng dẫn HS đọc hiểu bài ca dao hài hước * Gọi 2 HS hát đối đáp bài 1 ? Bài ca dao có kết cấu như thế nào? * Dẫn chứng những bài ca dao sử dụng hình thức đối đáp. ? Lời dẫn cưới có gì khác thường? Theo em, trong lời d/ c có sử dụng nghệ thuật nào? Tác dụng của thủ pháp nghệ thuật đó?	* Hát đối đáp -> kết cấu : đối đáp -Gồm 2 lời: + Lời dẫn cưới của chàng trai (6 dòng đầu) + Lời thách cưới của cô gái (8 dòng cuối) -> Dẫn toàn những lễ vật, không có cho một lễ cưới thông thường, ... -> Phóng đại, đối lập, giảm dần-> Cười về cảnh nghèo, hóm hỉnh	A. Đọc hiểu: CA DAO HÀI HƯỚC 1. Bài 1: Tiếng cười tự trào trong cảnh nghèo; tiếng cười vượt lên cảnh ngộ. * Kết cấu: - Dưới hình thức đối đáp (quen thuộc trong ca dao) -Gồm 2 lời: + Lời dẫn cưới của chàng trai(6 dòng đầu) + Lời thách cưới của cô gái(8 dòng cuối) * Lời dẫn cưới của chàng trai: - Nghệ thuật khoa trương, phóng

<p>? Nhận xét nghệ thuật lập luận của chàng trai trong lời dẫn cưới? Lời d/c tạo nên tiếng cười mang ý nghĩa gì?</p> <p>* Chốt ý</p> <p>? Lời thách cưới có sử dụng nghệ thuật gì? Nhận xét về lời thách cưới và những dự định của cô gái?</p> <p>Tổ chức thảo luận nhóm bàn (2phút): ?Cảm nhận của em về cô gái? * Gọi ý kiến bổ sung hoàn chỉnh</p> <p>? Qua nội dung dẫn cưới và thách cưới, người nông dân tự cười mình về điều gì ? Tiếng cười đó cho thấy tâm hồn họ ra sao?</p> <p>* Bình: Không mặc cảm cho cảnh nghèo, không chê bai cảnh nghèo. Chọn đúng chuyện cưới xin để bộc lộ rõ nhất cảnh nghèo để cười. -Lời dẫn cưới: giàu tính hài hước, nói để vui : bản lĩnh -Lời thách cưới thể hiện rất rõ triết lí nhân sinh của người lao động: tâm hồn thanh cao... -Liên hệ với những bài ca dao dẫn cưới và thách cưới khác về đẹp tâm hồn đáng trân trọng của chàng trai, cô gái. *Hướng dẫn HS đọc hiểu 3 bài ca dao còn lại * Gọi HS đọc văn bản * Cả 3 bài ca dao đều có nội dung hài hước ? Theo em, 3 bài ca dao có điểm chung là gì?(đối tượng,</p>	<p>->Trình bày nhận xét và cảm nhận</p> <p>*Ghi nhận</p> <p>-> Nghệ thuật đối lập, giảm dầnàTrình bày nhận xét về lời thách cưới và những dự định của cô gái</p> <p>* Thảo luận à Trình bày:Cảm nhận về cô gái</p> <p>à Tiếng cười về cảnh nghèoà Yêu đời</p> <p>-> Mục đích: phê phán -> Châm biếm</p> <p>*Đọc àNêu đối tượng, mục đích và thái độ cười - Đối tượng: người dân lao động mắc thói xấu</p>	<p>đại; giảm dần : voi, trâu bò (thú 4 chân-lớn) ; “dẫn con chuột béo”(thú 4 chân-nhỏ) -> chàng trai tưởng tượng ra lễ vật dẫn cưới ban đầu to tác sang trọng nhưng cuối cùng chỉ đơn giản, dễ kiếm</p> <p>-Nghệ thuật đối lập: + Dẫn voi :sợ quốc cấm + Dẫn trâu:sợ họ máu hàn + Dẫn bò:sợ họ nhà nàng co gân” +” Miễn là...mời làng”à hài hước, cười vui cho cảnh nghèo àLập luận khôn khéo, hài hước, có duyênà Tài ăn nói thông minh, khéo léo và tấm lòng khao khát yêu đương của chàng traià tiếng cười lạc quan, yêu đời * Lời thách cưới của cô gái: - Nghệ thuật đối lập: thách lợn gà/ nhà khoai langà vật thách cưới bình dân. - Lối nói giảm dần: +củ to: mời làng +củ nhỏ: họ hàng ăn + củ mẻ: con trẻ ăn + củ rím, củ hà: cho lợn gà ăn à Dự địnhhợp lí-Tính toán chu đáo è Cô gái thách cưới rất vô tư, vừa dí dỏm, đáng yêu , không mặc cảm mà bằng lòng với cảnh nghèoà thông cảm cho hoàn cảnh nghèo của chàng trai, chấp nhận tình cảm của chàng traiàNhân cách cao đẹp: đặt tình nghĩa cao hơn của cải. => Tự cười mình trong cảnh nghèo, bản lĩnh sống, tinh thần lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống.</p> <p>2. Bài 2,3,4: Tiếng cười phê phán</p>
--	---	---

<p>mục đích và thái độ)</p> <p>* Mỗi bài ca dao lại có điểm đặc sắc riêng</p> <p>* Yêu cầu hs đọc bài 2</p> <p>? Tìm nghệ thuật được sử dụng trong bài ca dao? Qua đó tác giả dân gian có ý phê phán loại người nào?</p> <p>? Bài ca dao số 3, sử dụng nghệ thuật gì? phê phán ai?</p> <p>? Nghệ thuật bài số 4 – phê phán loại người nào</p> <p>* Hướng dẫn HS tổng kết</p> <p>? Những nghệ thuật nào thường sử dụng trong ca dao hài hước?</p> <p>? Ý nghĩa văn bản?</p> <p>Hướng dẫn đọc thêm</p> <p>* Gọi HS đọc tiểu dẫn SGK</p> <p>? Nhấn mạnh những nét chính về truyện thơ và cốt truyện”</p> <p>Tiễn dặn người yêu”</p> <p>* Gọi hs đọc đoạn trích</p> <p>* Gv hướng dẫn hs hiểu và làm nổi bật 2 tâm trạng của chàng trai trong đoạn trích</p> <p>? Diễn biến của chàng trai trên đường tiễn người yêu về nhà chồng và tâm trạng của cô gái như thế nào?</p> <p>? Chàng trai đã khẳng định điều gì cùng cô gái?</p> <p>* Chú ý cho HS thấy hình ảnh diễn tả tâm trạng của chàng trai và tâm trạng cô gái chốt ý</p> <p>? Theo em, điểm nghệ thuật đặc sắc sử dụng trong đoạn trích là gì?</p>	<p>- Mục đích: phê phán thói hư tật xấu của họ.</p> <p>- Thái độ cười: châm biếm nhẹ nhàng</p> <p>-> Phóng đại, đối lập : phê phán loại đàn ông yếu đuối</p> <p>-> Nt đối lập : phê phán loại đàn ông ăn bám vợ</p> <p>-> Phóng đại, tương phản: Phê phán loại phụ nữ vô duyên</p> <p>à Phóng đại, đối lập</p> <p>Ghi vào tập</p> <p>à Chú ý những nét chính</p> <p>* Đọc văn bản</p> <p>à Lòng đau xót khôn nguôi</p> <p>à Lòng chung thủy</p> <p>Chàng trai khẳng định tấm lòng chung thủy của mình đối với cô gái</p> <p>à Lặp</p>	<p>trong nội bộ nhân dân, nhằm nhắc nhở nhau tránh những thói hư tật xấu</p> <p>- Bài 2: Nghth phóng đại + đối lập (làm trai – sức trai, tư thế quyết liệt nhưng chỉ gánh nổi 2 hạt vừng)</p> <p>-> phê phán loại đàn ông không đáng sức trai</p> <p>- Bài 3: nghth đối lập (Chồng người... >< chồng em... -> phê phán loại đàn ông lười nhác, vô tích sự.</p> <p>- Bài 4: nghth phóng đại, tương phản -> phê phán loại phụ nữ vô duyên.</p> <p>III. Tổng kết.</p> <p>1. Nghệ thuật chung:</p> <p>- Hư cấu, hình ảnh tài tình, khắc họa nhân vật bằng những nét điển hình.</p> <p>- Phóng đại, đối lập</p> <p>- Ngôn ngữ gần gũi với đời sống hằng ngày.</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản</p> <p>Tâm hồn lạc quan yêu đời và triết lí nhân sinh lành mạnh của người lao động Việt Nam trong ca dao – dân ca.</p> <p>B. Đọc thêm: “ LỜI TIỄN DẶN”</p> <p>(Trích tiễn dặn người yêu”- Truyện thơ của dân tộc Thái)</p> <p>I. Tiểu dẫn:</p> <p>1. Truyện thơ: SGK</p> <p>2. Tóm tắt truyện: SGK/</p> <p>II. Đọc thêm văn bản:</p> <p>1. Nội dung:</p> <p>- Chàng trai cảm nhận được nỗi đau khổ tuyệt vọng của cô gái à Lòng đau xót khôn nguôi</p> <p>- Chàng trai khẳng định tấm lòng chung thủy của mình đối với cô gái à tình yêu tha thiết thủy chung và khát vọng tự do yêu đương của các chàng trai, cô gái Thái</p> <p>2. Nghệ thuật :</p> <p>- Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh thể hiện đặc trưng, gần gũi với đồng</p>
---	--	---

		<p>bào Thái.</p> <p>- Cách miêu tả tâm trạng nhân vật chi tiết, cụ thể qua lời nói đầy cảm động, qua hành động sắc sảo ân cần, qua suy nghĩ, cảm xúc mãnh liệt.</p> <p>3. Ý nghĩa văn bản</p> <p>Đoạn trích thể hiện tâm trạng của chàng trai, cô gái ; tố cáo tập tục hôn nhân ngày xưa, đồng thời là tiếng nói chứa chan tình cảm nhân đạo, đòi quyền yêu đương cho con người.</p>
--	--	---

4.Củng cố: - Tiếng cười trào lộng thông minh và tâm hồn lạc quan yêu đời của người lao động
 -Đặc sắc nội dung và nghệ thuật của đoạn trích” Lời tiễn dặn”.

5.Dặn dò : -Học bài học và sưu tầm thêm ca dao hài hước
 -Xem “ LT viết đoạn văn tự sự”

Tuần: 11 Tiết: 31 NS: 26.10	Làm văn LUYỆN TẬP VIẾT ĐOẠN VĂN TỰ SỰ
-----------------------------------	---

I.MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT: - Hiểu khái niệm về đoạn văn ; nội dung và nhiệm vụ của đoạn văn trong văn bản tự sự.

- Biết viết đoạn văn tự sự.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

1. Kiến thức:

- Đoạn văn, nội dung và nhiệm vụ của đoạn văn trong văn bản tự sự.

- Vị trí của các đoạn văn trong văn bản tự sự.

2. Kỹ năng:

- Viết đoạn văn tự sự kể về một sự việc cho trước hoặc tự mình xác định.

- Sử dụng các phương tiện liên kết câu để đoạn văn được mạch lạc, chặt chẽ.

III.TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ôn định lớp: KTSS

2.KTBC: không

3.Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>Treo bảng phụ – 1 đoạn văn tự sự. Yêu cầu hs đọc bài văn ? Đoạn văn là gì? ? Nhận xét trong đoạn văn câu nào nêu ý chính – ý phụ * Trong thực tế , mỗi văn bản tự sự thường gồm nhiều đoạn. ? Mỗi đoạn văn trong văn bản có nhiệm vụ giống nhau không?</p> <p>*Gọi hs đọc phần 1/97 Thảo luận nhóm bàn 3phút ? Theo em đoạn văn trên có thể hiện đúng dự kiến của tác giả không ? Nội dung và giọng điệu của đoạn mở đầu – kết thúc có gì giống – khác nhau.</p> <p>? Em rút được kinh nghiệm gì ở cách viết đoạn văn của NN? Nhận xét – chốt ý Hướng dẫn hs về nhà làm ? Nêu cách viết đoạn văn trong bài văn tự sự</p> <p>*Chốt ý *Gọi hs đọc phần 1/99 ? Đoạn trích trên thể hiện về sự việc gì, ở phần nào, của vb tự sự nào</p> <p>? Đoạn trích có sai sót về ngôi kể – hãy chỉ ra: sửa lại cho hoàn chỉnh</p>	<p>*Quan sát-Đọc -> Là một bộ phận trong văn bản tự sự</p> <p>àcâu nêu ý chính: câu 1, các câu còn lại nêu ý cụ thể</p> <p>-> mỗi đoạn văn đều có nhiệm vụ khác nhau-> Thể hiện chủ đề, ý nghĩa của vb</p> <p>-> Thảo luận àtrình bày</p> <p>-> Trả lời</p> <p>Nghe – ghi nhận</p> <p>-> Rút ra kết luận về cách viết đoạn văn trong bài văn tự sự</p> <p>*Ghi nhận</p> <p>Đọc -> Trả lời</p>	<p>I. Đặc điểm của đoạn văn trong văn bản tự sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn văn là bộ phận của vb. - Mỗi đoạn thường có câu nêu ý khái quát (câu chủ đề). Các câu khác nêu ý cụ thể nhằm gt, mở rộng, triển khai ý khái quát. - Mỗi văn bản tự sự gồm nhiều loại đoạn văn với nhiệm vụ riêng nhưng có nhiệm vụ chung là thể hiện chủ đề và ý nghĩa của văn bản +Đoạn mở bài: giới thiệu câu chuyện +Đoạn thân bài:kể lại diễn biến các sự việc +Đoạn kết bài:kết thúc câu chuyện tạo ấn tượng đối với cảm xúc suy nghĩ đối với người đọc người nghe. <p>II. Cách viết đoạn văn trong bài văn tự sự:</p> <p>1.Tìm hiểu :câu1/97.</p> <p>a) - Đúng dự kiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn mở – kết + Giống: mở cây xà nu, rừng xà nu. + Khác: + Mở đầu: cuộc sống hiện tại ạ Kết thúc: cuộc sống ở những ngày tháng phía trước (tương lai) <p>b) - Xác định được nội dung cần viết, định ra hướng viết (dự kiến)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mở đầu – Kthúc có chung 1 giọng điệu, cách kể chuyện <p>2 .Cách viết đoạn văn trong bài văn tự sự:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Hình dung sự việc xảy ra -Lần lượt kể lại diễn biến sự việc -Chú ý phương tiện liên kết câu để đoạn văn được mạch lạc chặt chẽ. <p>III. Luyện tập:</p> <p>1/99.</p> <p>a) - Sự việc: phá bom nổ chậm của các cô gái thanh niên xung phong</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ở phần: Thân bài của văn bản

<p>? Rút kinh nghiệm khi viết đoạn văn tự sự trong bài văn tự sự</p>	<p>-> Chỉ ra chỗ sai sót -> sửa lại</p> <p>-> Khi kể phải chú ý đến ngôi kể -> đảm bảo tính thống nhất</p>	<p>“Những ngôi sao xa xôi”</p> <p>b) - Ngôi kể thứ nhất</p> <p>- Người kể sai 5 chỗ</p> <p>+ Da thịt cô gái</p> <p>+ Cô rùng mình</p> <p>+ Phương Định cẩn thận</p> <p>+ Tìm Phương Định</p> <p>- Tất cả thay bằng “Tôi”</p> <p>c) Khi kể (tự kể) đối với trong vb tự sự phải:</p> <p>- Chú ý ngôi kể</p> <p>- Đảm bảo tính thống nhất ngôi kể</p>
--	--	--

4.Củng cố:

- Đặc điểm của đoạn văn
- Cách viết đoạn văn

5.Dặn dò:

- Chuẩn bị ôn tập trước ở nhà phần văn học dân gian
- Soạn bài:”Ôn tập văn học dân gian Việt Nam”

<p>Tuần: 11 Tuần 11,Tiết: 32 NS: 26.10</p>	<h2>ÔN TẬP VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM</h2>
--	---

I.MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT: - Nắm được một cách có hệ thống các tri thức về đặc trưng, thể loại, giá trị của các tác phẩm văn học dân gian qua các tác phẩm đã học ;

- Biết vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu các tác phẩm văn học dân gian cụ thể.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

1. Kiến thức:

Đặc trưng, thể loại, các giá trị cơ bản của văn học dân gian qua hệ thống các tác phẩm vừa học.

2. Kỹ năng:

Nhận biết một cách có ý thức về các tác phẩm văn học dân gian.

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1.Ổn định lớp: KTSS

2.KTBC: Trình bày phần đọc hiểu bài ca dao hài hước mà em thích. Phát biểu cảm nghĩ riêng của em về bài ca dao đó.

3.Bài mới:

Hoạt động thầy	Hoạt động trò	Yêu cầu cần đạt
<p>Hướng dẫn ôn tập kiến thức cơ bản</p> <p>* Đặt hệ thống câu hỏi để HS ôn lại kiến thức đã học</p> <p>? Nêu đặc trưng cơ bản của</p>	<p>-> Nêu 2 đặc trưng</p>	<p>I.Kiến thức cơ bản:</p> <p>1.Khái quát văn học dân gian:</p> <p>a/Đặc trưng cơ bản của vhdg:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyền miệng - Tập thể

<p>vhdg ? Văn học dân gian gồm có những thể loại nào? * 12 thể loại này được gom lại thành 4 loại chính” truyện cổ dân gian, câu nói dân gian, thơ dân gian và sân khấu dân gian</p> <p>?Nhắc lại những sự việc, chi tiết tiêu biểu trong đoạn trích “Chiến thắng Mtao Mxây”(Trích sử thi Đăm Săn của dân tộc Tây Nguyên)</p> <p>? Những nét chính về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?</p> <p>?Nhắc lại những sự việc, chi tiết tiêu biểu trong ADV và MCTT”</p> <p>? Cho biết ý nghĩa các chi tiết hư cấu của truyện?</p> <p>? Những nét chính về nội dung và nghệ thuật của truyện?</p> <p>?Nhắc lại những sự việc, chi tiết tiêu biểu trong “Tấm Cám”</p> <p>? Cho biết ý nghĩa các chi tiết hư cấu của truyện?</p> <p>? Những nét chính về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?</p>	<p>àGồm 12thể loại</p> <p>à Nêu 3 sự việc chính và những chi tiết tiêu biểu</p> <p>àtrình bày phần ghi nhớ</p> <p>à Nêu 3 sự việc chính và những chi tiết tiêu biểu</p> <p>à Ý nghĩa của các chi tiết hư cấu</p> <p>à Nêu các sự việc chính và những chi tiết tiêu biểu</p> <p>à Ý nghĩa của các chi tiết hư cấu</p>	<p>b/Các thể loại vhdg:12 thể loại</p> <p>3 Văn bản văn học dân gian: a. Chiến thắng Mtao Mxây(Trích sử thi Đăm Săn của dân tộc Tây Nguyên) -Những sự việc tiêu biểu: + Diễn biến cuộc chiến(thách chiến, chiến đấu và kết quả) +Đăm Săn thu phục tôi tớ của Mtao Mxây sau chiến thắng +Đăm Săn ăn mừng sau chiến thắng -Nội dung và nghệ thuật cơ bản của đoạn trích: (Ghi nhớ- SGK)</p> <p>b. Truyện An Dương Vương và Mị Châu Trọng Thủy (Truyền thuyết) -Những sự việc tiêu biểu: + Quá trình xây thành chế nỏ +Nguyên nhân mất nước Âu Lạc và cơ đồ đắm bể sâu -Ý nghĩa những chi tiết hư cấu: + Rùa vàng: ông cha đời trước + Nỏ thần: Khát vọng của nhân dân về vũ khí giết giặc +ADV cảm sùng tê 7 tấc rẽ nước xuống biển: sự bất tử và tình cảm yêu quý của ND đối với vua + Hình ảnh ngọc trai giếng nước: minh oan cho MC, sự nhân đạo của tác giả dân gian -Nội dung và nghệ thuật cơ bản của đoạn trích: (Ghi nhớ- SGK)</p> <p>c. Truyện Tấm Cám(cổ tích) -Những sự việc tiêu biểu: + Mâu thuẫn giữa Tấm và mẹ con Cám vì quyền lợi gia đình +Mâu thuẫn giữa Tấm và mẹ con Cám vì quyền lợi xã hội -Ý nghĩa những chi tiết hư cấu: + Bụt: ước mơ về công bằng xã hội + Quá trình biến hoá(...): sức sống mãnh liệt,tinh thần đấu tranh không khoan nhượng đối với kẻ thù, thiện luôn thắng ác -Nội dung và nghệ thuật cơ bản của đoạn trích: (Ghi nhớ- SGK)</p> <p>d. Truyện “Tam đại con gà”, “Nhưng nó phải bằng hai mày”(truyện cười) *Truyện “Tam đại con gà”, -Những sự việc tiêu biểu: 3 tình huống gây cười -Ý nghĩa (Ghi nhớ- SGK) *Truyện“Nhưng nó phải bằng hai mày”</p>
--	--	---

<p>?Nhắc lại những sự việc, chi tiết tiêu biểu và ý nghĩa của truyện cười “Tam đại con gà”, “Những nó phải bằng hai mày”?</p> <p>? Ca dao than thân yêu thương tình nghĩa có những nội dung gì?</p> <p>? Nghệ thuật thường sử dụng?</p> <p>? Ca dao hài hước có những nội dung gì?</p> <p>? Nghệ thuật thường sử dụng của ca dao hài hước là gì?</p> <p>* Chú ý nhắc qua các văn bản văn học dân gian còn lại (e., ê.)</p> <p>Hướng dẫn LT</p> <p>*Yêu cầu hs đọc bài tập 1</p> <p>? Nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng của sử thi là gì</p> <p>? Nhờ những thủ pháp đặc trưng đó, vẻ đẹp người anh hùng của sử thi được lý tưởng hoá như thế nào</p> <p>Gv hướng dẫn hs về nhà làm BT 2sgk</p> <p>*Gọi hs đọc bài tập 3/sgk</p> <p>? Tìm chi tiết yếu đuối, thụ động của Tấm và nhận xét?</p> <p>? Tìm những chi tiết đấu tranh, giành hạnh phúc của Tấm và nhận xét?</p> <p>* Các bài tập còn lại: Hướng dẫn cho hs cách làm bài</p>	<p>à Nêu các sự việc chính, chi tiết tiêu biểu, ý nghĩa của truyện</p> <p>-> Thường là lời của người phụ nữ – họ bị lệ thuộc,...</p> <p>-> So sánh, ẩn dụ (minh họa ví dụ)</p> <p>-> Tự trào: tự cười mình, Phê phán: cười châm biếm, đả kích thói hư tật xấu</p> <p>-> Phóng đại, tương phản</p> <p>*Đọc</p> <p>->Nghệ thuật miêu tả bằng ngòi bút so sánh phóng đại</p> <p>à Chỉ ra và nhận xét các chi tiết thụ động của nhân vật Tấm</p> <p>à Chỉ ra và nhận xét các chi tiết nhân vật Tấm đấu tranh giành lấy hạnh phúc</p> <p>*Chú ý nghe</p>	<p>-Những sự việc tiêu biểu: 2 tình huống gây cười</p> <p>-Ý nghĩa (Ghi nhớ- SGK)</p> <p>đ. Ca dao</p> <p>* Ca dao than thân yêu thương tình nghĩa</p> <p>- Nội dung:</p> <p>+ Số phận bị phụ thuộc, lỡ làng</p> <p>+ Tình yêu nam nữ, tình cảm gia đình</p> <p>-Nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá...</p> <p>*Ca dao hài hước</p> <p>- Nội dung</p> <p>+ Cười tự trào – mang ý nghĩa nhân văn</p> <p>+ Cười phê phán: châm biếm thói hư tật xấu của con người</p> <p>- Nghệ thuật: Phóng đại, tương phản</p> <p>e. Lời tiễn dặn (Trích tiễn dặn người yêu của dân tộc Thái)</p> <p>ê.Văn học nước ngoài: trích sử thi</p> <p>* Uy- lit-xơ trở về (trích sử thi “Ô-đi-xê”- Hi Lạp (ghi nhớ)</p> <p>* Ra-ma buộc tội (trích sử thi “Ra-ma-ya-na”- Ấn Độ (ghi nhớ)</p> <p>III. Luyện tập</p> <p>BT 1/101</p> <p>Nét nổi bật trong nghệ thuật miêu tả nhân vật anh hùng của sử thi là ngòi bút so sánh phóng đại:</p> <p>-miêu tả hành động của người anh hùng Đăm San, Đ.San hiện thân cho sức mạnh cả cộng đồng – VD minh họa</p> <p>-Vẻ đẹp của người anh hùng sử thi lý tưởng mang tầm vóc kỳ vĩ, hoành tráng</p> <p>BT2 :Lập bảng SGK/101(về nhà)</p> <p>BT3:</p> <p>- Chi tiết Tấm yếu đuối, thụ động</p> <p>+ Mất giỏ cá</p> <p>+ Mất cá bống</p> <p>+ Nhật thóc lẫn gạo</p> <p>-> Ôm mặt khócà hiển lành.</p> <p>- Chi tiết đấu tranh giành hạnh phúc, nhiều lần biến hoá -> đấu tranh kiên quyết, mạnh mẽ để giành hạnh phúc.</p> <p>BT 4,5,6(VỀ nhà)</p>
---	--	---

4.Củng cố: đặc trưng cơ bản của VHĐG, nội dung nghệ thuật cơ bản của các văn bản VHĐG đã học

5.Dặn dò

-Ôn tập kỹ phần văn học dân gian, dựa vào từng bài học

-Tiết sau: Trả bài viết số 2 và ra đề bài viết số 3 (về nhà)

Tuần: 11 Tiết: 33 NS: 29/10	<u>Làm văn</u> TRẢ BÀI VIẾT SỐ 2
-----------------------------------	--

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

- Thấy được ưu và nhược điểm trong bài số 2
- Rút kinh nghiệm để khi hoá thân vào nhân vật đạt hiệu quả

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

1. Kiến thức:

Nắm kiến thức tác phẩm

2. Kỹ năng:

Diễn đạt, hoá thân vào nhân vật

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp – KTSS

2. KTBC: không

3. Bài mới

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
Hướng dẫn HS sửa bi viết - Gọi hs đọc đề Yêu cầu HS phân tích đề * Giới thiệu yêu cầu cần đạt về kỹ năng * Hướng dẫn HS tìm ý lập dàn bi: ? Phần mở bài phải giới thiệu được điều gì? ? Phần thân bài em sẽ nêu những nội dung nào? ? Kết bài như thế nào Nhận xét – chốt ý- biểu điểm	-> Đọc, suy nghĩ trả lời theo yêu cầu * Ghi nhận -> Đọc, trả lời à Nhập vai vào ADV giới thiệu khái quát về câu chuyện -> + Nhập vai vào ADV kể về sự việc ADV và quá trình xây thành chế nỏ -> Nhập vai vào ADV kể về nguyên nhân nước mất nhà tan và cơ đồ Au Lạc đắm bể sâu	I. SỬA BÀI VIẾT ĐỀ: Hãy hóa thân vào nhân vật MC kể về truyện: “ ADV và MC TT” a. Yêu cầu về kỹ năng: biết lm bi văn tự sự nhập vai vào nhân vật, văn phong có cảm xúc, bố cục r rng, lập luận chặt chẽ, không mắc lỗi diễn đạt. b. Yêu cầu về kiến thức: Cĩ thể trình bày theo nhiều cch nhưng cần đảm bảo cc ý cơ bản sau: Dàn bài: - Mở bài: Nhập vai vào ADV giới thiệu khái quát về câu chuyện(1đ) - Thân bài: + Nhập vai vào ADV kể về sự việc ADV và quá trình xây thành chế nỏ (3đ) + Nhập vai vào ADV kể về nguyên nhân nước mất nhà tan và cơ đồ Au Lạc đắm bể sâu(5đ) - Kết bài: Nhân vật nhập vai rút ra ý nghĩa của truyện và thể hiện cảm xúc chung(1.đ) II. NHẬN XÉT 1. Trả bi

<p>*HS tự nhận xét ưu điểm, hạn chế của bài làm dựa vào bài chấm. * Giao viên đọc 2 bài ở mỗi lớp, yêu cầu hs lắng nghe tham khảo và sửa chữa</p> <p>*Yêu cầu HS ghi những lỗi trong bài làm của bản thân và thực hiện sửa</p> <p>* Yêu cầu HS tự ghi nhận kinh nghiệm thông qua bài làm của cá nhân –GV kiểm tra</p> <p>Ể Giới thiệu đề bài viết số 3 Ổ Hướng dẫn hs làm bài. Hs hóa thân vào nhân vật người cảm nhận. Yêu cầu bài viết cảm xúc, sáng tạo...</p>	<p>à Ý nghĩa.</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>à Tự rút kinh nghiệm</p> <p>* Ghi nhận</p>	<p>2.Nhận xét chung: *Số liệu: số HS trên TB * Ưu: - Có hiểu được yêu cầu đề bài -Nêu được ý nghĩa của quá trình biến hoá của Tấm - Một số bài thực hiện nhập vai tốt tự cơ bản đảm bảo nội dung, văn phong có cảm xúc -Đa số nắm được cốt lõi của văn bản -Đọc bị 8 điểm * Hạn chế: -Không mô tả quá trình biến hoá của nhân vật Tấm -Khoảng 1/2 HS không biết nhập vai, hoặc nhập vai thiếu tính nhất quán -Nhiều bài thiếu những chi tiết tiêu biểu -Sai nhiều lỗi diễn đạt, trình bày: Chính tả, từ ngữ, ngữ pháp, bố cục -Đọc bị dưới 2 điểm 3.Sửa bài cụ thể: -Ghi điểm số: -Tự Sửa lỗi của cá nhân</p> <p>III. RÚT KINH NGHIỆM</p> <p>IV. ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 3:(về nhà) Đề: Hãy cảm nhận về đẹp chàng trai trong bài ca dao số 3 “ Những câu hát than thân, yêu thương và tình nghĩa” * Lưu ý: tiết đầu tuần sau nộp bài</p>
---	---	---

4.Củng cố :

- Cách làm dạng câu hỏi yêu cầu nhận xét
- Cách làm văn tự sự nhập vai

5. Dặn dji :

Soạn “Khái quát văn học VN từ thế kỉ X đến hết thế kỷ XIX”

Tuần: 12 Tiết: 34,35 NS: 29/10	Văn học sử KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN HẾT THẾ KỶ XIX
--------------------------------------	---

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

- Hiểu được sự hình thành và phát triển của văn học trung đại qua các giai đoạn ;
- Nắm được nội dung và những đặc điểm nghệ thuật cơ bản của văn học thời kì này.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

1. Kiến thức:

- Văn học trung đại bao gồm hầu như mọi văn bản ngôn từ, từ văn nghị luận chính trị, xã hội, sử học, triết học, văn hành chính như chiếu, biểu, hịch, cáo,... cho đến văn nghệ thuật như thơ, phú, truyện, kí,... do tầng lớp trí thức sáng tác.
- Các thành phần, các giai đoạn phát triển, đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn học trung đại.

2. Kỹ năng:

Nhận diện một giai đoạn văn học ; cảm nhận tác phẩm thuộc giai đoạn văn học trung đại.

III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp – KTSS

2. KTBC: không

3. Bài mới

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
Hãy cho biết thời đại lịch sử mà văn học tồn tại ? Văn học viết VN từ thế kỉ X-thế kỉ XIX, gồm có mấy thành phần văn học? *Văn học chữ Hán và văn học chữ Nôm phát triển song song -> bổ sung cho nhau trong quá trình phát triển văn dân tộc ?Nêu những điểm chung và những điểm riêng của 2 thành phần văn học chữ H và chữ N?	-phong kiến Việt Nam ảnh hưởng Phật giáo và Nho giáo - nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, à 2 thành phần văn học... à Đối chiếu chỉ ra	I. Tìm hiểu chung 1. Thời đại và lịch sử - Đây là một thời kì dài, bắt đầu từ khi quốc gia phong kiến Việt Nam được thiết lập đến lúc suy vong. Tư tưởng chủ đạo của thời đại này chịu ảnh hưởng Phật giáo và Nho giáo. - Thời đại này gắn liền với nhiều cuộc chiến tranh chống ngoại xâm, giữ nước vĩ đại nhưng càng về sau, chiến tranh chủ yếu là sự sát phạt, tương tàn lẫn nhau của các tập đoàn phong kiến, giữa giai cấp thống trị với nhân dân. I. Các thành phần của văn từ TK X – TK XIX 1. Văn học chữ Hán: - Sáng tác bằng chữ Hán, có cả văn xuôi và thơ. - Thể loại: chiếu, biểu, lịch cáo, truyền kỳ,... -> Có những thành tựu nghệ thuật to lớn. 2. Văn học chữ Nôm:

<p>* Tổ chức thảo luận tổ- 5phút: ? Dựa vào kiến thức trình bày trong sgk , mỗi tổ cho biết những nét chính về tình hình phát triển của văn học VN thời trung đại (Hoàn cảnh lịch sử, tình hình văn học) * Lưu ý mỗi tổ thực hiện tìm hiểu mỗi giai đoạn ? Cho biết những nét chính về tình hình phát triển của văn học VN giai đoạn từ TK X – TK XV?</p> <p>? Cho biết những nét chính về tình hình phát triển của văn học VN giai đoạn từ TK XV – TK XVI?</p> <p>? Cho biết những nét chính về</p>	<p>* Thảo luận</p> <p>à Tổ 1 trình bày: -Hoàn cảnh lịch sử -Tình hình văn học giai đoạn từ TK X – TK XV</p> <p>à Tổ 2 trình bày: -Hoàn cảnh lịch sử -Tình hình văn học giai đoạn từ TK XV – TK XVI</p>	<p>- Sáng tác bằng chữ Nôm, chủ yếu là thơ. - Thể loại: bên cạnh phú, văn tế, thơ Đường luật, ngâm khúc,...phần lớn là thể thơ dân tộc -> Đạt nhiều thành tựu rực rỡ.</p> <p>II. Các giai đoạn phát triển của văn từ TK X – TK XIX:</p> <p>1. Giai đoạn từ TK X – TK XV:</p> <p>a) Hoàn cảnh lịch sử: - Đất nước giành được độc lập tự chủ vào cuối thế kỷ X. - Chế độ pk VN nhìn chung đang ở thời kỳ phát triển.</p> <p>b) Về văn học: - Văn học viết chính thức ra đời (chữ Hán - Nôm) - VHDG và VH viết cùng phát triển song song - Nội dung: yêu nước với âm hưởng hào hùng. - Tác phẩm, tác giả tiêu biểu: + Vận nước – Pháp thuận + Sông núi nước Nam – LTK + Tơ lòng – Phạm Ngũ Lão,... -> Hào khí Đông Á</p> <p>- Nghệ thuật: Đạt thành tựu về văn chính luận, văn xuôi viết về lịch sử</p> <p>2. Giai đoạn từ TK XV đến hết TK XVI:</p> <p>a. Hoàn cảnh lịch sử: - Chống quân Minh ở đầu TK XV - > chế độ pk VN đạt tới đỉnh cao cực thịnh ở cuối TK XV - TK XVI -> khủng hoảng, nội chiến</p> <p>b) Về văn học - Chữ Nôm phát triển - Nội dung + Yêu nước + Phê phán hiện thực xã pk - Tác phẩm, tác giả tiêu biểu: + Quân trung từ mệnh tập – NT + Bình Ngô Đại Cáo – NT - Tinh thần yêu nước + Thơ NBK + Truyền kỳ mạn lục – ND -> Phê phán xã pk, nhân đạo. - Nghệ thuật: + Chữ Hán phát triển nhiều thể loại, đặc biệt là văn chính luận + Chữ Nôm có sự Việt hoá, sáng</p>
---	--	--

<p>tình hình phát triển của văn học VN giai đoạn từ TK XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX?</p> <p>? Cho biết những nét chính về tình hình phát triển của văn học VN giai đoạn nửa cuối TK XIX?</p> <p>? Văn học từ TK X – TK XIX có đặc gì về nội dung? Hãy phân tích biểu hiện của những nội dung đó *Yêu nước và nhân đạo không thể tách rời mà bổ sung cho nhau. Có yêu nước là nhân đạo, nhân đạo là yêu nước. Những tác phẩm thể hiện tinh thần yêu nước, tinh thần nhân đạo -> phản ánh cuộc sống của con người -> có cảm hứng thế sự</p> <p>? Về đặc điểm nghệ thuật của</p>	<p>à Tổ 3 trình bày: -Hoàn cảnh lịch sử -Tình hình văn học giai đoạn từ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX</p> <p>à Tổ 4 trình bày: -Hoàn cảnh lịch sử -Tình hình văn học giai đoạn nửa cuối TK XIX?</p> <p>Nêu</p> <p>Ghi nhận</p> <p>->Chủ nghĩa yêu nước, Tinh thần nhân đạo, cảm hứng thế sự...</p>	<p>tạo những thể loại văn dân tộc</p> <p>3. Giai đoạn từ TK XVIII – nửa đầu TX XIX:</p> <p>a) Hoàn cảnh lịch sử: - Đất nước có nhiều biến động bởi nội chiến của phong trào nông dân khởi nghĩa. - Đất nước nằm trước hiểm họa xâm lăng của thực dân Pháp</p> <p>b) Về văn học: - Tinh thần nhân đạo đòi quyền sống, hạnh phúc và đấu tranh giải phóng con người, đặc biệt là người phụ nữ. - Tác phẩm, tác giả: + Chinh phụ ngâm – ĐTC + Thơ Hồ Xuân Hương + Truyện Kiều – ND - Nghệ thuật: Vh phát triển mạnh cả văn xuôi và văn vần, chữ Hán lẫn chữ Nôm</p> <p>4. Giai đoạn nửa cuối TK XIX</p> <p>a) Hoàn cảnh lịch sử: - Đất nước rơi vào tay thực dân Pháp - XH PK VN -> XH TND PK</p> <p>b) Về văn học: - Nội dung: yêu nước</p> <p>- Tác phẩm, tác giả: + Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc - NGC + Thơ văn Nguyễn Khuyến, Tú Xương. - Nghệ thuật + Chữ Hán – chữ Nôm giữ vai trò chính + Văn học chữ quốc ngữ xuất hiện.</p> <p>III. Những đặc điểm lớn về nội dung của văn từ TK X – TK XIX</p> <p>1. Chủ nghĩa yêu nước: - Gắn liền với tư tưởng trung quân - Chống giặc ngoại xâm - Ý thức độc lập tự chủ - Tự hào dân tộc.</p> <p>2. Chủ nghĩa nhân đạo: - Những nguyên tắc đạo lý, thái độ ứng xử tốt đẹp giữa người và người. - Đề cao con người, khát vọng chân chính về quyền sống, quyền hạnh phúc, đặc biệt là người phụ</p>
---	--	--

<p>văn học giai đoạn này?</p> <p>? Tính quy phạm là gì? Phá vỡ tính quy phạm là gì? *Khuôn mẫu vốn đã hay, phá vỡ nó để tài thơ nở rộ hơn, thom ngát hơn. ? Tính trang nhã là gì? Thế nào là xu hướng bình dị? *Trong thơ văn xuất hiện nhiều hình ảnh cao quý bên cạnh đó có cả những hình ảnh bình dị : cây chuối, mồng tơi, ...</p> <p>?Tiếp thu và dân tộc hoá văn học nước ngoài như thế nào Chốt ý</p>	<p>à Nêu các đặc điểm nghệ thuật nổi bật -> Theo khuôn mẫu về thể loại, nghệ thuật,... -> Phát triển tài năng, sáng tạo trong sáng tác,...</p> <p>-> Chú ý đến cái hoa mỹ hơn cái đời thường nhưng có lúc xuất hiện những hình ảnh mộc mạc, gần gũi với đời sống của con người</p> <p>-> Trả lời Ghi nhận</p>	<p>nữ.</p> <p>3. Cảm hứng thế sự: Văn học hướng tới phản ánh hiện thực xã hội, cuộc sống đau khổ của nhân dân.</p> <p>IV. Những đặc điểm lớn về nghệ thuật của văn từ TK X – TK XIX:</p> <p>1. Tính quy phạm và sự phá vỡ tính quy phạm - Tính quy phạm: sự quy định chặt chẽ theo khuôn mẫu (quan điểm văn, tư duy nghệ thuật,...) - Phá vỡ tính quy phạm: không theo khuôn mẫu để phát huy cá tính sáng tạo trong nội dung và hình thức thể hiện.</p> <p>2. Khuynh hướng trang nhã – xu hướng bình dị - Tính trang nhã: hướng tới cái cao cả, tao nhã, mỹ lệ, ngôn ngữ cao quý, trau chuốt,... - Xu hướng bình dị: cái đời thường, bình dị, gần gũi với hiện thực, tự nhiên và bình dị.</p> <p>3. Tiếp thu và dân tộc hoá tinh hoa VHVN: - Tiếp thu về ngôn ngữ (chữ Hán), thể loại (Thơ cổ Phg, Đường luật) - Dân tộc hoá hình thức văn học: + Sáng tạo chữ Nôm + Việt hoá thơ Đường</p>
--	---	--

4.Củng cố:

- Có 4 thể phát triển văn
- Đặc điểm lớn về nội dung, nghệ thuật.

5.Dặn dò: Xem trước bài: Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

Tuần: 12 Tiết: 36 NS: 29/10	Tiếng Việt PHONG CÁCH NGÔN NGỮ SINH HOẠT
-----------------------------------	--

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

Nắm được khái niệm ngôn ngữ sinh hoạt, phong cách ngôn ngữ sinh hoạt, các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.

II. TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

1. Kiến thức:

- Khái niệm ngôn ngữ sinh hoạt : lời ăn tiếng nói hàng ngày, dùng để thông tin, trao đổi ý nghĩ, tình cảm, đáp ứng những nhu cầu trong cuộc sống thường nhật.
- Hai dạng ngôn ngữ sinh hoạt : chủ yếu ở dạng nói (khẩu ngữ), đôi khi ở dạng viết (thư từ, nhật kí, nhắn tin,...)
- Ba đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt (tính cụ thể, tính cảm xúc, tính cá thể) và các đặc điểm về phương tiện ngôn ngữ phù hợp với ba đặc trưng.

2. Kỹ năng:

- Lĩnh hội và phân tích ngôn ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt.
- Sử dụng ngôn ngữ thích hợp để giao tiếp trong sinh hoạt hàng ngày.

III/ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

- 1. Ổn định lớp** – KTSS
- 2. KTBC:** không
- 3. Bài mới**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
Hướng dẫn tìm hiểu khái niệm *Yêu cầu hs đọc vd/SGK/113		I. Ngôn ngữ sinh hoạt: 1. Khái niệm: Ngôn ngữ sinh hoạt là lời ăn tiếng nói hàng ngày dùng

<p>? Từ vd trên cho biết thế nào là ngôn ngữ sinh hoạt? Hướng dẫn tìm hiểu các dạng biểu hiện ? Theo em ngôn ngữ sinh hoạt có mấy dạng biểu hiện * Hướng dẫn HS tìm hiểu sâu về lời nói tái hiện: thông qua đoạn trích” Chiến thắng Mtao Mxây” * Treo bảng phụ đoạn trích: * Gọi HS đọc đúng ngữ điệu của lời nói nhân vật ? Phân tích đặc điểm diễn đạt của đoạn trích? Hướng dẫn luyện tập Yêu cầu hs đọc câu (a)/SGK ? Nội dung của những câu thơ đó là gì? *Yêu cầu hs đọc câu (b)/SGK ? Ngôn ngữ sinh hoạt được biểu hiện ở dạng nào ? Nhận xét việc dùng từ ngữ ở đoạn trích?</p>	<p>*Đọc -> là lời ăn tiếng nói hàng ngày ... -> Có 3 dạng: nói, viết, lời nói tái hiện *Đọc -> Phân tích đặc điểm diễn đạt của đoạn trích -> khuyên ta phải suy nghĩ trước khi nói àLời nói bộc lộ phẩm chất của con người à Lời nói tái hiệnà Sử dụng từ ngữ khẩu ngữ</p>	<p>để trao đổi thông tin, ý nghĩ, tình cảm,...đáp ứng nhu cầu trong cuộc sống. Vd: SGK/113 2. Các dạng biểu hiện của ngôn ngữ sinh hoạt: - Dạng nói (đối thoại, độc thoại) - Dạng viết (nhật ký, hồi ức) - Lời nói tái hiện: Mô phỏng ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày (kịch, tuồng, tth). 3. Luyện tập: a) - “Lời nói ... lòng nhau” -> Lời khuyên ta phải suy nghĩ trước khi nói - “Vàng thì ... thử lời” -> Lời nói bộc lộ phẩm chất của con người b) - Lời nói tái hiện. - Sử dụng ngôn ngữ sinh hoạt: từ khẩu ngữ, từ địa phương: ghe xuồng, ngặt, thứ quý quới đó, cực lòng</p>
---	---	---

4.Củng cố:Khái niệm và các dạng biểu hiện

5.Dặn dò:Soạn “Tỏ lòng” (Phạm Ngũ Lão)

Tuần: 13 Tiết: 37 NS: 4/11	Đọc văn TỔ LÒNG (Thuật hoài) – Phạm Ngũ Lão
----------------------------------	--

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

- Cảm nhận được "hào khí Đông A" thể hiện qua vẻ đẹp của con người và thời đại ;
- Nhận thức được bút pháp thơ trung đại thể hiện trong bài thơ.

II - TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

1. Kiến thức

- Vẻ đẹp của con người thời Trần với tầm vóc, tư thế, lí tưởng cao cả ; vẻ đẹp của thời đại với khí thế hào hùng, tinh thần quyết chiến thắng.
- Hình ảnh kì vĩ ; ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm.

2. Kỹ năng

Đọc - hiểu một bài thơ Đường luật.

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp – KTSS

2. KTBC: Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của văn học trung đại?

3. Bài mới

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
Hướng dẫn đọc tiểu dẫn *Gọi hs đọc tiểu dẫn SGK/115 * Giới thiệu chốt lại những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm	*Đọc	I. Tiểu dẫn: 1. Tác giả (1255 - 1320) - Có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên -Võ tướng nhưng thích đọc sách ngâm thơ -> Văn võ song toàn 2. Tác phẩm: - “Tổ lòng” (Thuật hoài) - “Viếng thượng tướng quân công HỒ ĐỖ V” II. Đọc hiểu văn bản:
Hướng dẫn đọc hiểu *Gọi hs đọc diễn cảm bài thơ		

<p>SGK/115,116 ? Thử phân bố cục bài thơ? * Trước hết, đọc hiểu về hình ảnh người trai thời Trần ? Hình tượng người trai thời Trần được miêu tả thông qua những hình ảnh gì? ?Nêu cảm nhận của em về hình ảnh ấy? ? Qua phân tích 2 câu đầu, cảm nhận của em như thế nào về người trai thời Trần? * chốt ý * Bình giảng:Tâm vóc người trai trần giữ đất nước mang vẻ đẹp của sự vững chãi, sừng sững một tâm vóc, hùng hồn khoẻ khoắn một khí thế.Đó cũng là hình ảnh của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh vệ quốc qua hàng ngàn năm chống giặc ngoại xâm *Dẫn chuyển và đọc 2 câu còn lại hướng vào tâm tình của tác giả ? Cho biết quan niệm của tác giả về chí làm trai ? * Chí làm trai mang tinh thần tư tưởng tích cực: lập công, lập danh- lí tưởng sống của nam nhi thời PK. Liên hệ với “Chí làm trai” của NCT, PBC... ? Nhà thơ bày còn tỏ lòng mình ra sao? * Khổng Minh-Gia Cát Lượng- Vũ Hầu người đời Hán –nhân vật trong “Tam quốc” nổi tiếng có tài mưu lược lớn. Sánh với VHầu cảm thấy thẹn là cái thẹn có nhân cách, đáng quý. Đó là cái thẹn đốt lên trong lòng người ngon lửa để vươn tới khát vọng cao cả Hướng dẫn tổng kết ?Quabaif thơ, em cảm nhận nghệ thuật gì?</p>	<p>*Độc diễn cảm à 2phần... -> Hiên ngang, anh dũng, Sức mạnh phi thường. -> vẻ đẹp anh hùng * Ghi nhận *Nghe -> Cố gắng tạo dựng sự nghiệp -> Thẹn với vũ Hầu -Hình ảnh thơ hoành tráng, . - Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, có sự dồn nén cao độ về cảm xúc. àhướng vào nội dung ghi</p>	<p>1. Hình tượng người trai thời Trần: - “Hoành sóc” – cầm ngang ngọn giáo đi bảo vệ non sông đã nhiều năm -> tư thế lên đường, hiên ngang, mang tầm vũ trụ - “Tam quân” được so sánh mạnh như hổ báo “nuốt trôi trâu” --> sức mạnh hào hùng của dân tộc => Vẻ đẹp kỳ vĩ của con người và khí thế hào hùng của thời đại -> hào khí Đông A</p> <p>2. Chí làm trai – tâm tình của t/g: - Quan niệm của tác giả về chí làm trai là phải trả xong nợ công danh -> lập công tạo sự nghiệp, tiếng thơm –Đó cũng chính là nợ nước, sẵn sàng cứu nước cứu dân-> tư tưởng tích cực - Cái tâm “thẹn” khi nghe nhắc đến Vũ Hầu ->Thẹn vãi có tài mưu lược lớn như Vũ Hầu, chưa trả xong nợ nước Nổi thẹn cao cả cái tôi chân thành, khiêm tốn => Nhân cách lớn</p> <p>III. Tổng kết: 1. Nghệ thuật - Hình ảnh thơ hoành tráng, thích hợp với việc tái hiện khí thế hào hùng của thời đại và tâm vóc, chí hướng của người anh hùng. - Ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, có sự dồn nén cao độ về cảm xúc. 2. Ý nghĩa văn bản Thể hiện lí tưởng cao cả của vị danh tướng Phạm Ngũ Lão, khắc</p>
--	---	---

<p>?Qua những lời thơ tỏ lòng của PNL, em thấy trang nam nhi thời Trần mang vẻ đẹp như thế nào? Điều đó có ý nghĩa gì đối với tuổi trẻ hôm nay và ngày mai?</p>	<p>nhớ à Ý nghĩa giáo dục lí tưởng cao đẹp.</p>	<p>ghi dấu ấn đáng tự hào về một thời kì oanh liệt, hào hùng của lịch sử dân tộc.</p>
---	---	---

4.Củng cố:

- NT: Thơ Đường luật ngắn gọn, hàm súc.
- ND: khắc họa vẻ đẹp, con có sức mạnh, tài năng

5.Dặn dò:

Soạn: “Cảnh ngày hè”- NT

NS: 4/11	<h2 style="margin: 0;">CẢNH NGÀY HÈ</h2> <p style="margin: 0;">(Bảo kính cảnh giới – Bài 43) -Nguyễn Trãi</p>
----------	---

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT:

- Cảm nhận được vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên ngày hè và vẻ đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi ;
- Nhận thức được đặc điểm của thơ Nôm Nguyễn Trãi.

II - TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

1. Kiến thức

- Vẻ đẹp của bức tranh cảnh ngày hè được gợi tả một cách sinh động.
- Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi : nhạy cảm với thiên nhiên, với cuộc sống đời thường của nhân dân, luôn hướng về nhân dân với mong muốn "Dân giàu đủ khắp đòi phương".
- Nghệ thuật thơ Nôm độc đáo, những từ láy sinh động và câu thơ lục ngôn tự nhiên.

2. Kỹ năng

Đọc - hiểu một bài thơ Nôm Đường luật theo đặc trưng thể loại.

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp – KTSS

2. KTBC: Đọc phiên âm, dịch thơ bài “Tỏ lòng” của PNL, trình bày phần đọc hiểu 2 câu cuối

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>Hướng dẫn đọc tiểu dẫn</p> <p>*Gọi hs đọc tiểu dẫn SGK/115</p> <p>* Giới thiệu chốt lại những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm</p> <p>Hướng dẫn đọc hiểu văn bản</p> <p>*Gọi hs đọc diễn cảm bài thơ</p> <p>* Định hướng đọc hiểu: 2 nội dung</p> <p>? Bức tranh mùa hè được Nguyễn Trãi miêu tả qua hình ảnh, âm thanh, màu sắc như thế nào?</p> <p>? Tác giả đã cảm nhận mùa hè bằng những giác quan nào</p>	<p>*Đọc</p> <p>*Ghi nhận</p> <p>Đọc</p> <p>-> Trả lời</p>	<p>I. Tiểu dẫn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “QATT” (chữ Nôm) có 254 bài chia làm 3 phần: Vô đề, môn thì lệnh, môn hoa mộc, môn cầm thú. - Nội dung: phản ánh vẻ đẹp con người NTrãi với lý tưởng nhân nghĩa, yêu nước, thương dân, tình yêu thiên nhiên, con người, cuộc sống. - Nghệ thuật: viết hoá thơ Đường (xen vào một số câu lục ngôn). - “Cảnh ngày hè” là bài thơ số 43, mục “BKCG” phần “Vô đề”. <p>II. Đọc hiểu văn bản:</p> <p>1. Vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên mùa hè:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh: xanh của hòe, đỏ của hoa lựu, hồng của sen. - Âm thanh: tiếng ve, lao xao chợ cá - Mùi hương: của hoa sen <p>=> Mùa hè được cảm nhận bằng nhiều giác quan: thị giác, thính giác,</p>

<p>? Tìm những động từ được sử dụng trong những câu thơ này? tác dụng của những động từ ấy trong việc miêu tả cảnh vật?</p> <p>? Cảm nhận của em về bức tranh mùa hè * Giảng : -Vốn từ thuần Nôm mà tác giả sử dụngà GD tinh thần giữ gìn tiếng mẹ đẻ -Tâm hồn trong suốt, sống chan hoà với thiên nhiên và cái nhìn tinh tế nhạy bén của nhà thơ. Gv yêu cầu hs thảo luận (5')</p> <p>? Hãy tìm những chi tiết trong bài thơ để thấy vẻ đẹp tâm hồn Ntrãi ? *Nhận xét – chốt ý</p> <p>* Giảng: liên hệ với cuộc đời, con người và thơ văn của NT để làm bật thêm tấm lòng ái quốc yêu dân của nhà thơ.</p> <p>Hướng dẫn hs tổng kết</p> <p>?Bài thơ thành công ở nghệ thuật nào?</p> <p>? Qua bài thơ, em nhận thấy gì về tâm hồn của NT? * Yêu cầu HS ghi nhận ghi nhớ sgk</p>	<p>-> Thị giác, thính giác, khứu giác</p> <p>-> Đùn đùn, giương, phun</p> <p>-> Mát mẻ, sinh động</p> <p>Nghe giảng</p> <p>Thảo luận</p> <p>-> Trình bày</p> <p>*Ghi nhận</p> <p>- Hệ thống ngôn từ giản dị, tinh tế xen lẫn từ Hán và điển tích. - Sử dụng từ láy độc đáo : <i>đùn đùn, lao xao, dăng dỏi,...</i></p> <p>à Tâm hồn yêu thiên nhiên, yêu đời, yêu dân, yêu nước</p>	<p>khứu giác</p> <p>- Động từ “đùn đùn”, “giương”, “phun” -> sự sống được thổi thúc từ bên trong vươn ra mạnh mẽ èBức tranh mùa hè mát mẻ, sinh động tràn đầy sức sống -> sự giao cảm tinh tế của nhà thơ đối với thiên nhiên.</p> <p>2. Vẻ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi:</p> <p>- Tình yêu thiên nhiên thiết tha: “Rồi hóng mát [...] trờng” -> Thời gian hiếm hoi để tác giả làm thơ, say cảnh đẹp - Tấm lòng ưu ái đối với dân với nước + “Lao xao [...] tịch dương” -> Lắng nghe âm thanh cuộc sống + “Đẽ có [...] đôi phương” -> Nhà thơ ước có cây đàn của vua Thuần -> gây khúc hát nam phong ca ngợi cảnh thái bình, mong cho dân được ấm no hạnh phúc. è Tấm lòng yêu nước thương dân tha thiết</p> <p>III. Tổng kết:</p> <p>1.Nghệ thuật - Hệ thống ngôn từ giản dị, tinh tế xen lẫn từ Hán và điển tích. - Sử dụng từ láy độc đáo : <i>đùn đùn, lao xao, dăng dỏi,...</i></p> <p>2.Ý nghĩa văn bản Tư tưởng lớn xuyên suốt sự nghiệp trước tác của Nguyễn Trãi - tư tưởng nhân nghĩa yêu nước thương dân - được thể hiện qua những rung động trữ tình dạt dào trước cảnh thiên nhiên ngày hè.</p>
--	---	---

4.Củng cố:

- Vẻ đẹp bức tranh thiên nhiên
- Vẻ đẹp tâm hồn tác giả

5.Dặn dò:

Chuẩn bị:Tóm tắt văn bản tự sự

Tuần: 13 Tiết: 39 NS: 4/11	<p><u>Làm văn</u></p> <p>TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ</p>
----------------------------------	---

I - MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT

Biết tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính.

II - TRỌNG TÂM KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

1. Kiến thức

- Mục đích, yêu cầu của việc tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính.
- Cách thức tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính

2. Kỹ năng

- Tóm tắt các văn bản tự sự đã học ở lớp 10 (truyện dân gian, truyện trung đại) theo nhân vật chính.
- Trình bày văn bản tóm tắt trước tập thể.

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp – KTSS

2. KTBC: Trình bày cách viết đoạn văn tự sự?

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>*Gọi hs đọc phần 1/SGK/120 ? Mục đích tóm tắt văn bản dựa theo nhân vật chính?</p> <p>? Khi tóm tắt phải đáp ứng những yêu cầu nào?</p>	<p>*Đọc</p> <p>-> Nắm vững tính cách và số phận của nhân vật.</p> <p>-> Trung thành văn bản gốc, sự việc chính</p>	<p>I. Mục đích, yêu cầu tóm tắt văn bản dựa theo nhân vật chính:</p> <p>1. Mục đích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững tính cách và số phận của nhân vật - Đi sâu tìm hiểu và đánh giá tác phẩm <p>2. Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thành với văn bản gốc - Đầy đủ nội dung chính
<p>*Gọi hs đọc bt SGK/120 Yêu cầu hs thảo luận nhóm bàn (3phút)</p> <p>? Tóm tắt truyện “ADV và MC - TT” dựa theo nhân vật ADV</p> <p>*Yêu cầu trình bày</p> <p>*Nhận xét – chốt ý</p>	<p>*Đọc</p> <p>*Thực hiện thảo luận</p> <p>àTrình bày</p> <p>*Ghi nhận</p>	<p>II. Cách tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính:</p> <p>1. Tìm hiểu: tóm tắt truyện ADV và MC – TT dựa theo nhân vật ADV:</p> <ul style="list-style-type: none"> - ADV là vua nước Âu Lạc - Xây thành – chế nô - Chủ quan gả MC cho TT - Nước mất -> chém đầu MC - Rẻ nước xuống biển
<p>? Từ việc tóm tắt trên, hãy cho biết cách tóm tắt truyện tự sự dựa theo nhân vật chính</p> <p>*Nhận xét – chốt ý</p>	<p>-> Viết hoặc kể lại 1 cách ngắn gọn những sự việc cơ bản xảy ra đối với nhân vật đó</p>	<p>2. Cách tóm tắt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết hoặc kể lại 1 cách ngắn gọn những sự việc cơ bản xảy ra đối với nhân vật đó. - Trung thành với văn bản gốc - Khi tóm tắt cần: + Đọc kỹ văn bản, xác định nhân vật chính. + Chọn sự việc chính + Tóm tắt hành động, lời nói, tâm trạng nhân vật theo diễn biến của các sự việc.
<p>*Yêu cầu hs đọc bài 1/SGK ? Xác định phần tóm tắt văn bản “Chuyện người con gái Nam Xương”</p>	<p>*Đọc</p>	<p>III. Luyện tập:</p> <p>1. BT1/12</p> <p>a) - Xác định phần tóm tắt vb (2) “Chàng Trương [...] không kịp nữa”</p>
<p>? Cách tóm tắt văn bản (1) và (2) có gì khác nhau</p>	<p>-> Từ “Chàng trông [...] kịp nữa”</p>	
<p>? Mục đích tóm tắt văn bản (1) và (2) khác nhau như thế</p>	<p>-> Vb (1): toàn bộ câu</p>	

<p>nào – vì sao?</p> <p>Hướng dẫn hs về nhà làm bài tập còn lại</p>	<p>chuyện Vb (2): một phần câu chuyện</p> <p>* Ghi nhận-Thực hiện</p>	<p>- Mục đích tóm tắt vb 1 và 2 khác nhau: + Vb (1):toàn bộ câu chuyện + Vb (2): một phần câu chuyện</p> <p>b) Cách tóm tắt vb(1) và (2) + Vb(1): đầy đủ câu chuyện -> người đọc hiểu và nhớ văn bản + Vb(2): lựa chọn một số sự việc, chi tiết tiêu biểu -> Sáng tỏ một ý kiến.</p> <p>2.BT2,3 : thực hiện giống như tóm tắt truyện dựa theo nhân vật ADV</p>
---	---	---

4.Củng cố:Cách tóm tắt văn bản tự sự

5.Dặn dò: Chuẩn bị:soạn bài “Nhàn”

<p>Tuần: 14 Tiết: 41 NS: 9/11</p>	<p><u>Đọc văn:</u></p> <p style="text-align: center;">NHÀN</p> <p style="text-align: right;">Nguyễn Bỉnh Khiêm</p>
---	---

I.MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT: -Hiểu đúng quan niệm sống nhàn và cảm nhận được vẻ đẹp nhân cách của NBK qua bài thơ

-Biết cách đọc 1 bài thơ kết hợp giữa trữ tình và triết lý có cách nói ẩn ý, thâm trầm và sâu sắc.

II.CHUẨN BỊ

1 *Giáo viên:* SGK, SGV, Giáo án

2 *Học sinh:* SGK, bài soạn

III.TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp: KTSS

2. KTBC: Vẽ đẹp bức tranh thiên nhiên và vẻ đẹp tâm hồn tác giả trong bài “ Cảnh ngày hè”

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG1: Hướng dẫn đọc tiểu dẫn</p> <p>*Gọi hs đọc tiểu dẫn SGK</p> <p>* Giới thiệu chốt lại những nét cơ bản về tác giả, tác phẩm</p>	<p>* Đọc</p> <p>* Ghi nhận</p>	<p>I. Tiểu dẫn:</p> <p>1. Tác giả (1491 - 1585)</p> <p>- Quê: Trung An – Lí Học – Vĩnh Bảo – Hải Phòng</p> <p>- 1535 đỗ Trạng Nguyên -> làm quan dưới triều Mạc</p> <p>- Cáo quan về quê dạy học</p> <p>- Học vấn uyên thâm</p> <p>-> Phong tước Trình Truyên hầu –</p>

<p>? Cho biết xuất xứ bài thơ</p> <p>HOẠT ĐỘNG 2: Hướng dẫn đọc hiểu văn bản: *Gọi hs đọc diễn cảm bài thơ * Định hướng đọc hiểu: 2 nội dung Nội dung 1: Chú ý câu 1,2 và 5,6 ? Cách dùng số từ, danh từ, đại từ và từ láy và nhịp điệu của 2 câu đầu có gì đáng chú ý? Hai câu thơ ấy cho ta biết gì về tâm trạng và cảnh sống của tác giả? * Dẫn- Đọc câu 5,6. ?Các sản vật và khung cảnh sinh hoạt trong 2 câu 5,6 có gì đngs chú ý? Hai câu thơ cho thấy cuộc sống của NBK như thế nào? *Với nhịp thơ 1/3/1/2 -> nhấn mạnh các mùa trong năm. Ăn, tắm đều thích thú, mùa nào thức ấy.</p> <p>? Qua phân tích 4 câu thơ, em cảm nhận cuộc sống của NBK như thế nào? * Chuyển đến vẻ đẹp tâm hồn NBK *Gọi hs đọc câu 3,4 và 7,8 ? Câu 3,4 sử dụng nghệ thuật gì? Em hiểu thế nào là nơi vắng vẻ chốn lao xao ?Quan điểm của tác giả về “dại” “khôn” như thế nào? Tác dụng biểu đạt ý của nghệ thuật đối ở 2 câu 3,4? *Vắng vẻ: không phải là xa lánh cuộc đời mà tìm nơi thích thú để sống thoải mái, an toàn Lao xao: chốn vụ lợi, sát phạt -> NBK xa lánh. Khi ông cho rằng “Ta dại” -> nhà thơ rất</p>	<p>-Trong tác phẩm “BVQNT”</p> <p>* Đọc diễn cảm bài thơ</p> <p>*Chú ý</p> <p>-> Số từ + liệt kê -> cuộc sống bình dị</p> <p>*Nghe</p> <p>-> Các sản vật và khung cảnh sinh hoạt đậm chất dân dã Cuộc sống đạm bạc, giản dị</p> <p>-> Cảm nhận</p> <p>*Đọc -> Nghệ thuật đối lập -> NBK lựa chọn 1 lẽ sống àNghĩa ngược...</p>	<p>Trình Quốc công – Trạng Trình. 2. Tác phẩm: - Tập thơ chữ Hán “BAVTT” (khoảng 700 bài) - Tập thơ chữ Nôm “BVQNT” (khoảng 150 bài) -> Nhà thơ lớn của dân tộc. 3.. Xuất xứ: Trích “Bạch vân quốc ngữ thi” – NBK II. Đọc hiểu văn bản:</p> <p>1. Vẻ đẹp cuộc sống của NBK: (câu 1,2 và 5,6)</p> <p>- Câu 1,2: + Số từ “Một” + liệt kê “mai”, “cuốc”, “cần câu”, nhịp thơ 2/2/3 : cuộc sống thuần hậu, bình dị + C2: đại từ “ai” + từ láy “thơ thẩn” -> tâm trạng thảnh thơi, ung dung - Câu 5,6: Đối + C5: Mùa thu ăn măng trúc Mùa đông ăn giá -> Món ăn đạm bạc + C6 : Xuân tắm hồ sen Hạ tắm ao -> Sinh hoạt dân dã.</p> <p>=> Cuộc sống đạm bạc mà thanh cao hoà hợp với tự nhiên, không màng danh lợi -> cuộc sống NHÀN.</p> <p>3. Vẻ đẹp tâm hồn NBK - Câu 3,4: Nghệ thuật đối + Nơi “Vắng vẻ”(yên bình, thanh vắng) – lao xao (Ồn ào, ganh đua, vụ lợi, sát phạt) + Ta dại : tìm nơi vắng vẻ Người khôn: đến chốn lao xao -> NBK tỉnh táo trong cách chọn lựa lẽ sống (Sống nhàn)à Cách nói ngược: dại thực chất là khôn, mà khôn lại hoá ra dại</p> <p>- Câu 7,8: Mượn điển tích Tuần</p>
--	--	--

<p>kiêu ngạo với đời, thực chất là khôn à Quan niệm sống tích cực ? Câu 7,8 – nhà thơ mượn điển tích để khẳng định điều gì? ? Vẻ đẹp tâm hồn của NBK như thế nào HOẠT ĐỘNG 3: Hướng dẫn tổng kết ? Qua bài thơ “Nhàn”, hãy cho biết quan niệm sống và vẻ đẹp tâm hồn của NBK? * Giáo dục HS hướng đến lối sống thanh cao và tình yêu TV</p>	<p>-> Khẳng định sự giàu sang là giấc chiêm bao phù du -> Tâm hồn thanh cao, không màng danh lợi à Sống trở về với tự nhiên, vượt lên trên danh lợi</p>	<p>Vu Phần, nhà thơ khẳng định phú quý chỉ là giấc chiêm bao -> coi thường danh lợi. => Vẻ đẹp tâm hồn thanh cao, nhân cách lớn III. Tổng kết: Ghi nhớ SGK/130</p>
---	---	--

4. Củng cố: Hiểu đúng cuộc sống “Nhàn” à Tâm hồn thanh cao vượt lên danh lợi

5. Dặn dò: Cảm nhận sau khi học bài thơ “Nhàn”

Chuẩn bị: soạn “Độc tiểu thanh ki” – Nguyễn Du.

<p>Tuần: 14 Tiết: 42 NS: 9/11</p>	<p><u>Độc văn</u></p> <p>ĐỘC TIỂU THANH KI (Độc tiểu thanh ki) – Nguyễn Du</p>
---	--

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT: -Hiểu được Tiểu Thanh thuộc kiểu người phụ nữ tài sắc, bất hạnh mà Nguyễn Du đặc biệt quan tâm trong sáng tác của mình
 -Hiểu sự đồng cảm của Nguyễn Du với số phận nàng Tiểu Thanh có tài văn chương mà bất hạnh II/CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: SGK, SGV, Giáo án

2. Học sinh: SGK, bài soạn

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ôn định lớp : KTSS

2. KTBC: ? Đọc bài thơ “Nhàn”, phân tích vẻ đẹp tâm hồn NBK

3. Bài mới

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG 1: ? Dựa vào tiểu dẫn, nêu vài nét chính về Tiểu Thanh *Đây là một trong những cơ sở giúp ta hiểu bài thơ ? Vì đâu ND viết bài thơ? HOẠT ĐỘNG 2: *Gọi hs đọc diễn cảm phần phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ * Định hướng đọc hiểu: theo</p>	<p>-> Dựa vào Td nêu những nét chính về Tiểu Thanh -> Xót thương TT</p>	<p>I. Tiểu dẫn: 1. Vài nét về Tiểu Thanh: -Là người con gái TQ tài sắc, sống đầu đời Minh -Cuộc đời bất hạnh; 16 tuổi lấy lẽ bị người vợ cả ghen ghét nên bị đẩy lên núi Cô Sơn cạnh Tây Hồ. Vì đau buồn cô đã sinh bệnh và chết ở tuổi 18 2 Văn bản: -Nhan đề bài thơ: hiểu theo 2 cách + Đọc tập thơ của nàng Tiểu Thanh + Đọc Tiểu Thanh truyện =>ND thương xót cho số phận nàng Tiểu Thanh ND viết bài thơ II. Đọc hiểu văn bản</p>

<p>kết cấu thể loại ? Ở hai câu đề tác giả giới thiệu về hình ảnh gì? Hình ảnh ấy gợi cho em cảm nhận ra sao? ? So với phiên âm, phần dịch thơ dịch có sát nghĩa? Từ “tấn” “Độc điếu” – “Nhất chỉ thư” gợi cho em suy nghĩ gì? ? Tâm trạng của nhà thơ</p> <p>*Chuyển ý: ? Câu 3,4 sử dụng nghệ thuật gì ? Nội dung như thế nào?</p> <p>? Nhà thơ khóc cho ai? Tiếng khóc như thế nào? * Hướng đến người phụ nữ tài hoa bạc mệnh là phong cách sáng tác của ND. Khóc TT- người phụ nữ sống cách ông đến 300 năm, lại ở TQ thì xem ra lòng nhân đạo của ND rất đổi bao la ? Nghệ thuật câu 5 và 6? Ở 2 câu luận này tác giả luận bàn điều gì? * Nỗi hờn: tại sao người tài hoa thì bạc mệnh – không lý giải được -> uất nghẹn – nhà thơ tự trả lời rằng hễ ai mà có tài, sắc thì đều có chung một số phận -> căm giận xh bất công ? Hai câu kết nhà thơ sử dụng hình thức câu gì? Qua đó, tác giả bày tỏ điều gì? ? Như vậy đến 2 câu kết, nhà thơ khóc cho ai? Vì sao? * Giảng: Liên hệ với cuộc đời ND để lí giải thêm HOẠT ĐỘNG 3:Hướng dẫn học sinh tổng kết ? ND đồng cảm thương xót với người phụ nữ có tài văn chương mà bất hạnh. Điều đó</p>	<p>-> Cảnh Tây Hồ ngày xưa tươi đẹp, nay thành gò hoang</p> <p>-> Sự cô độc của người viếng và người mất</p> <p>-> Tiếc cho cảnh, cho người</p> <p>-> Phép đối -> nàng Tiểu Thanh đẹp mà bất hạnh</p> <p>-> Khóc cho nàng Tiểu Thanh</p> <p>-> Phép đối -> thái độ căm ghét của Nguyễn Du đối với xh</p> <p>-> Khóc cho mình</p> <p>à Nhân đạo</p>	<p>1. Hai câu đề: - C1: cảnh Tây Hồ xưa đẹp nay thành gò hoang . Từ “tấn”: tận, mất, không còn ->Cái đẹp đã biến mất theo cuộc đời dâu bể . - C2 “độc điếu” – một mình viếng nàng qua một tập sách “nhất chỉ thư” còn sót lại bên cửa sổ-> Người viếng cô đơn, người mất cũng cô đơn->sự đồng cảm giữa nhà thơ với nàng Tiểu Thanh ==> Tiếng khóc chân thành mang nỗi ngậm ngùi, luyến tiếc, xót thương cho cái đẹp, cái tài bị huỷ diệt</p> <p>2. Hai câu thực: -Ẩn dụ:”Son phấn” (sắc đẹp) “Văn chương” (tài năng)->Nàng TT tài sắc vẹn toàn -Phép đối: +Son phấn có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết +Văn chương không có số mệnh cũng bị đốt đi -> Tả thực cuộc đời bất hạnh của TT: tài sắc bị huỷ diệt là mối hận => Tiếng khóc thống thiết cho cuộc đời oan trái của TT.</p> <p>3. Hai câu luận: Phép đối -Nỗi hờn từ xưa -> nay đến ông trời không trả lời được -Ta tự coi nhưng người cùng hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nét phong nhã ->Tiếng khóc căm phẫn vì những nghịch lý của xã hội.</p> <p>4. Hai câu kết: Sử dụng câu hỏi tu từ: -Ba trăm năm lẻ nữa ai cùng Tố Như khóc cho TT-> khát khao tri âm -Ba trăm năm lẻ nữa ai là người khóc cho Tố Như ? -> khát khao giao cảm với đời => Khóc cho mình</p> <p>III. Tổng kết: Ghi nhớ SGK</p>
--	---	--

nói lên tấm lòng gì của ông? * Giáo dục lòng nhân đạo ý thức trân trọng giá trị tinh thần		
--	--	--

Củng cố: Chủ nghĩa nhân đạo sâu sắc: xót xa cho những giá trị tinh thần bị chà đạp

Đặt đề: Học “Độc Tiểu Thanh Kí”: phiên âm, dịch thơ, bài học- Xem “ PCNN sinh hoạt” phần t/t

Tuần: 14 Tiết: 40 NS: 9/11	<u>Tiếng Việt</u>
PHONG CÁCH NGÔN NGỮ SINH HOẠT(tt)	

I. MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT: -Nắm được các khái niệm ngôn ngữ sinh hoạt, phong cách ngôn ngữ sinh hoạt với những đặc trưng cơ bản của nó

-Nâng cao kỹ năng phân tích và sử dụng ngôn ngữ theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt

II/CHUẨN BỊ

1. Giáo viên: SGK, SGV, Giáo án

2. Học sinh: SGK, bài đã xem

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. **Ổn định lớp** – KTSS

2. **KTBC**: Thế nào là ngôn ngữ sinh hoạt? Các dạng ngôn ngữ sinh hoạt? VD

3. **Bài mới**:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG 1:</p> <p>* Treo bảng phụ: vd/SGK/113</p> <p>*Yêu cầu HS đọc</p> <p>*Tổ chức thảo luận nhóm bàn-5 phút:</p> <p>?Khảo sát, phân tích các nhân tố của hoạt động giao tiếp trong đoạn hội thoại?</p> <p>* Nhận xét, chỉnh sửa, hoàn chỉnh</p> <p>Từ kết quả khảo sát trên, em hãy cho biết những đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ sinh hoạt?</p> <p>?Tại sao nói phong cách ngôn ngữ sinh hoạt mang tính cụ thể</p> <p>?Tại sao nói phong cách ngôn ngữ sinh hoạt mang tính cảm xúc?</p>	<p>* Quan sát</p> <p>* Đọc</p> <p>à Thảo luận</p> <p>à Một nhóm trình bày kết quả và các nhóm còn lại nhận xét</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>-> Thái độ, tình cảm bộc lộ qua ngôn ngữ</p> <p>à Nêu 3 đặc trưng</p> <p>à Thông qua ngôn ngữ sinh hoạt ta có thể biết cụ thể về các nhân tố giao tiếp</p> <p>à ngôn ngữ sinh hoạt luôn chứa đựng cảm xúc biểu</p>	<p>I. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt:</p> <p>1. Tìm hiểu: Phân tích đoạn hội thoại đã dẫn sgk tr113</p> <p>-Địa điểm, thời gian cụ thể: buổi trưa, tại khu tập thể</p> <p>a) Nhân vật giao tiếp: Lan. Hùng Hương, mẹ Hương, ông hàng xóm</p> <p>-Mục đích giao tiếp: Lan Hùng gọi Hương đi học, người đàn ông trách Lan Hùng nói to, mẹ Hương khuyên Lan Hùng nói khẽ...</p> <p>Cách thức diễn đạt dùng từ khẩu ngữ có kèm theo giọng điệu phù hợp: từ hô gọi”ơi”, từ tình thái:”khẽ chứ”, “làm gì mà”, “góm”, “làm gì mà”, twf khẩu ngữ “Chậm như rùa”, “lạch bà lạch bạchà Thái độ thân mật, yêu thương, trách móc, bực bội.</p> <p>2 Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt a/Tính cụ thể:</p> <p>Ngôn ngữ sinh hoạt có tính cụ thể về hoàn cảnh, về con người, về cách nói năng, về từ ngữ diễn đạt</p> <p>b/Tính cảm xúc:</p> <p>Ngôn ngữ sinh hoạt có tính cảm xúc biểu hiện qua giọng điệu, từ ngữ có tính khẩu ngữ và những</p>

<p>* Không lời nói nào là không mang tính cảm xúc. Chính vì vậy mà phải nói sao cho vừa lòng người và để hiểu đươc ý tưởng, tình cảm của một con người có thể dựa lời nói ?Tại sao nói phong cách ngôn ngữ sinh hoạt mang tính cá thể</p> <p>*Lời nói là về mặt thứ 2 của con người để phân biệt người này với người khác</p> <p>HOẠT ĐỘNG 2: *Yêu cầu hs đọc BT1/127 Tổ chức thảo luận nhóm bàn 3phút: ?Phân tích tính cụ thể, cảm xúc, cá thể trong đoạn nhật ký *Yêu cầu trình bày kết quả</p> <p>*Nhận xét – chốt ý</p> <p>*Yêu cầu hs đọc BT2/127</p> <p>? Phân tích dấu ấn ngôn ngữ sinh hoạt trong hai bài ca dao ?</p> <p>* Nhận xét -chốt ý</p>	<p>hiện ở giọng điệu, từ ngữ có tính khẩu ngữ và những kiểu câu giàu sắc thái biểu cảm</p> <p>-> Mỗi người có giọng nói riêng cách dùng từ riêng</p> <p>* Đọc</p> <p>à Thảo luận</p> <p>à Một nhóm trình bày kết quả và các nhóm còn lại nhận xét</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>à Đặc điểm sử dụng từ ngữ...</p> <p>* Ghi nhận</p>	<p>kiểu câu giàu sắc thái biểu cảm (câu cầu khiến, cảm thán)</p> <p>c/ Tính cá thể: Ngôn ngữ sinh hoạt có tính cá thể biểu hiện ở giọng nói riêng, vốn từ ngữ cách nói quen dùng</p> <p>III. Luyện tập: 1. BT1/127 a) - Tính cụ thể: + Giữa khuya trở về + Về phòng thao thức ngủ + Không gian rừng im lặng - Tính cảm xúc: + Sống giữa tình thương... + Cảnh chia ly, cảnh đau buồn... - Tính cá thể: + Những câu văn thể hiện cách ghi nhật ký. + Kiểu diễn đạt: nói với riêng mình.</p> <p>2. BT 2/127 Trong hai bài ca dao dấu ấn ngôn ngữ sinh hoạt thể hiện ở : - Từ xưng hô:mình- ta, cô-anh -Ngôn ngữ đối thoại:”...có nhớ ta chăng”, “hỡi cô yếm trắng...” -Lời nói hàng ngày: “ mình về...”, “ ta về ...”,”Lại đây...”</p>
---	--	--

4.Củng cố: Đặc trưng của ngôn ngữ sinh hoạt.

5.Dặn dò:Học bài. Chuẩn bị bài mới: Đọc và soạn các bài đọc thêm:

- Vận nước
- Cáo bệnh, bảo mọi người
- Hứng trở về

<p>Tuần: 15 Tiết: 43 NS: 12/11</p>	<p><u>Đọc thêm</u></p> <p>VẬN NƯỚC-Đỗ Pháp Thuận CÁO BỆNH, BẢO MỌI NGƯỜI- Mãn Giác</p>
--	--

HỨNG TRỞ VỀ-Nguyễn Trung Ngạn

I/MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

-Nắm được nội dung tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc của các bài thơ

II/CHUẨN BỊ

1.Giáo viên: SGK, SGV, Giáo án

2.Học sinh: SGK, bài đã xem

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. **Ổn định lớp** – KTSS

2. **KTBC:** Đọc bài thơ “ Đọc Tiểu Thanh kí” phần phiên âm và dịch thơ và cho biết cảm nhận của em về tiếng khóc của Ng thể hiện qua bài thơ?

3. **Bài mới:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG 1:</p> <p>* Gọi HS đọc tiểu dẫn</p> <p>* Bài thơ ra đời sau nhiều năm chiến tranh loạn lạc do nội chiến , do chiến tranh xâm lược. Khi được nhà vua tin tưởng hỏi về vận nước , Pháp Thuận đã trả lời bằng bài thơ ngắn gọn</p> <p>* Gọi HS đọc bài thơ “Vận nước”</p> <p>? Thông qua bản dịch nghĩa, với những hình ảnh thơ và giọng điệu bài thơ cùng hai chữ “vô vi”, theo em bài thơ đề cập đến những nội dung gì?</p> <p>?Điểm đặc sắc nghệ thuật của bài thơ? (chú ý hình thức? hình ảnh?)</p> <p>HOẠT ĐỘNG 2:</p> <p>* Gọi HS đọc tiểu dẫn</p> <p>* Gọi HS đọc bài thơ “Cáo bệnh, bảo mọi người”</p> <p>? Bài thơ đề cập đến những nội dung gì?</p> <p>* Cảm nhận sự hiện hữu của cuộc đời để làm sao cho cuộc đời có ý nghĩa, nhìn sự vật theo chiều hướng phát triển và nhìn cuộc đời với niềm tin</p>	<p>* Đọc</p> <p>àNiềm lạc quan trước cảnh đất nước, đường lối trị nước->Khát vọng hoà bình dân tộc VN</p> <p>àNgắn gọn, hình ảnh thơ giàu sức gợi</p> <p>* Đọc tiểu dẫn</p> <p>* Đọc diễn cảm</p> <p>àQuy luật tự nhiên và triết lí của nhà phật chứa chan niềm yêu đời</p>	<p>I. Vận nước (Quốc tộ)- Pháp Thuận</p> <p>1. Tiểu dẫn: SGK</p> <p>2. Đọc thêm văn bản:</p> <p>a.Nội dung:</p> <p>- Hai câu đầu tác giả mượn hình ảnh dây leo để nói về vận nước thịnh vượng.</p> <p>-Hai câu cuối nói về đường lối trị nước, cô đọng trong hai chữ “vô vi”(vua dùng đức trị thì nhân dân sẽ tin phục và đất nước sẽ trị bình)</p> <p>=>Ý thức trách nhiệm và niềm lạc quan tin tưởng vào tương lai của đất nước->Khát vọng hoà bình của con người thời đại bấy giờ và truyền thống yêu chuộng hoà bình của dân tộc VN</p> <p>b. Nghệ thuật: Lời thơ ngắn gọn hàm súc, hình ảnh thơ giàu sức gợi</p> <p>II. Cáo bệnh, bảo mọi người (Cáo tật thị chúng) – Mãn Giác</p> <p>1. Tiểu dẫn: SGK</p> <p>2. Đọc thêm văn bản:</p> <p>a.Nội dung:</p> <p>-Bốn câu thơ đầu nói về qui luật hoá sinh của tự nhiên và con người: Không bao giờ đứng yên</p> <p>-Hai câu cuối: thể hiện triết lí nhà phật, khi con người đắc đạo sẽ trở về với bản thể vĩnh hằng, không sinh, không diệt</p> <p>=>Bài thơ toát lên quan niệm nhân sinh cao đẹp, chứa chan niềm</p>

<p>tướng lạc quan</p> <p>?Nghệ thuật đặc sắc của bài thơ? (thể loại? hình ảnh?)</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3:</p> <p>* Gọi HS đọc tiểu dẫn</p> <p>* Gọi HS đọc bài thơ “Hướng trở về”</p> <p>? Thông qua bản dịch nghĩa, với những hình ảnh thơ được miêu tả, cho biết bài thơ thể hiện nội dung gì?</p> <p>?Điểm đặc sắc nghệ thuật của bài thơ? (Cách thể hiện? hình ảnh?)</p> <p>* Bài thơ thể hiện thật cảm động về tình yêu quê hương, là bài thơ chữ Hán ngưng lại mang hơi thở dân gian, gợi nhớ bài ca dao quen thuộc “Anh đi...hôm nao”</p> <p>* Giáo dục HS tình yêu đất nước, quê hương và niềm lạc quan yêu đời</p>	<p>àkệ</p> <p>* Đọc</p> <p>* Đọc diễn cảm văn bản thơ</p> <p>àNhớ quê hương</p> <p>àHình ảnh thơ dân dã- là những cây dâu, nong tằm, hương lúa, cua đồng</p>	<p>yêu đời</p> <p>b. Nghệ thuật: lời kệ giàu tính triết lí</p> <p>III.Hướng trở về (Quy hứng) - Nguyễn Trung Ngạn</p> <p>1. Tiểu dẫn: SGK</p> <p>2. Đọc thêm văn bản:</p> <p>a.Nội dung:</p> <p>-Nỗi nhớ quê hương, gắn bó tha thiết với cuộc sống bình dị ở quê nhà: cây dâu, nong tằm, hương lúa, cua đồng</p> <p>-Yêu mến tự hào quê hương: nghèo vật chất nhưng giàu ở tấm lòng. Đất khách quê người tuy sung sướng nhưng chẳng bằng quê nhà.</p> <p>=> Tình yêu quê hương sâu nặng</p> <p>b. Nghệ thuật:</p> <p>-Hình ảnh bình dị</p> <p>-Cách nói mộc mạc chân tình</p> <p>-Kiểu câu khẳng định, nghệ thuật đối</p>
---	--	---

4.Củng cố: Nội dung nghệ thuật cơ bản của 3 bài đọc thêm

5.Dặn dò:Học bài. Chuẩn bị bài mới: Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi QL

<p>Tuần: 16 Tiết: 47 NS: 19/11</p>	<p><u>Đọc văn</u></p> <p>TẠI LẦU HOÀNG HẠC TIỄN MẠNH HẠO NHIÊN ĐI QUẢNG LÃNG</p> <p>Lí Bạch</p>
--	--

I/MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

-Nắm được tình cảm chân thật trong sáng của Lí Bạch đối với bạn

-Hiểu được 1 đặc điểm cơ bản của thơ Đường thể hiện ở bài thơ này: ý ở ngoài lời

II/CHUẨN BỊ

1.Giáo viên: SGK, SGV, Giáo án

2.Học sinh: SGK, bài đã xem

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. **Ôn định lớp – KTSS**

2. **KTBC:** Đọc 1 trong 3 bài đọc thêm và trình bày nội dung nghệ thuật cơ bản của bài thơ đó.

3. **Bài mới:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG 1: Hướng dẫn đọc tiểu dẫn</p> <p>*Gọi học sinh đọc tiểu dẫn</p> <p>?Hãy nêu vài nét về tác giả Lí Bạch?</p> <p>*Thơ Lí Bạch hiện còn trên 100 bài. Phong cách thơ Lí Bạch rất hào phóng bay bổng lại rất tự nhiên, tinh tế và giản dị. Đặc trưng cơ bản của thơ Lí Bạch là sự kết hợp giữa cái cao cả và cái đẹp.</p> <p>?Nội dung thơ Lí Bạch? Phong cách thơ Lí Bạch?</p> <p>*Thơ Lí Bạch: tình yêu thiên nhiên, đất nước, ca ngợi tình người, phản ánh hiện thực nói lên nỗi bất bình, phẫn nộ trước những bất công của xã hội và bày tỏ niềm cảm thông với những nỗi khổ đau của nhân dân lao động</p> <p>* Về đặc điểm Thơ Đường</p> <p>HOẠT ĐỘNG 2: Hướng dẫn đọc hiểu</p> <p>*Yêu cầu học sinh đọc bài thơ(giọng buồn, chậm rãi)</p> <p>* Giới thiệu định hướng đọc hiểu</p> <p>?Hai câu thơ đầu tác giả miêu tả điều gì??Cảnh đưa tiễn bạn diễn ra ở không gian và thời gian như thế nào?</p> <p>?Từ ngữ nào trong câu thơ cho thấy mối quan hệ giữa người đi kẻ ở?đó là quan hệ gì?</p> <p>?Khung cảnh chia li và tâm tình người đưa tiễn như thế nào? *Thời tiết đẹp, phong cảnh càng đẹp càng khiến cho nỗi buồn chia li thêm thấm</p>	<p>*Đọc</p> <p>àNét chính về tác giả Lí Bạch</p> <p>àƯớc mơ vươn tới lí tưởng cao cả...phong cách hào hùng, bay bổng, hồn nhiên, giản dị</p> <p>* Đọc diễn cảm bài thơ</p> <p>à cảnh</p> <p>àKhông gian và thời gian</p> <p>Điểm xuất phát : lầu Hoàng Hạc, điểm đến: Dương Châu. Thời gian : tháng ba hoa khôi</p> <p>à từ “ cố nhân”:Mối quan hệ gắn bó mật thiết</p> <p>àKhung cảnh chia li buồn đẹp, tình người trong sáng, sâu lắng.</p>	<p>I. Tiểu dẫn</p> <p>ã Lí Bạch (701-762) tự Thái Bạch, quê Lũng Tây – Cam Túc _ Trung Quốc</p> <p>ố Nhà thơ lãng mạn vĩ đại của Trung Quốc. Tính cách khoáng đạt, thơ hay nói đến cõi tiên ® gọi là “thi tiên”</p> <p>t Nội dung thơ rất phong phú : ước mơ vươn tới lí tưởng cao cả, khát vọng giải phóng cá tính, bất bình với hiện thực tầm thường thể hiện tình cảm phong phú mãnh liệt.</p> <p>- Phong cách thơ lãng mạn hào hùng, tinh tế, bay bổng, hồn nhiên giản dị.</p> <p>à được mệnh danh là “ Thi tiên”</p> <p>II. Đọc hiểu văn bản</p> <p>1. Hai câu đầu: Cảnh đưa tiễn</p> <p>-Không gian: +Điểm xuất phát: Lầu Hoàng Hạc(phía Tây) : cảnh thần tiên + Điểm đến: Dương Châu (phía Đông _ nơi phồn hoa đô hội) ® khoảng không gian rộng lớn , xa xôi</p> <p>-Thời gian: Tháng ba_ mùa hoa khôi, thời tiết rất đẹp</p> <p>- “Cố nhân”: bạn cũ® quan hệ gắn bó mật thiết từ lâu: bạn thân thiết</p> <p>è Khung cảnh chia li đẹp và buồn, bảng lảng khói sương và như phản</p>

<p>thía, người bạn cũ như 1 cánh chim hoàng hạc ra đi làm tan cả niềm vui sum họp ® cảnh man mác u buồn tình người li biệt</p> <p>* Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm bàn 3phút:</p> <p>?Hình ảnh thơ trong 2 câu cuối nói lên điều gì? Vì sao em lại có cảm nhận như thế?</p> <p>- Gv nhận xét và bổ sung hoàn chỉnh</p> <p>? Cho biết cảm nhận của em về tình bạn của LB thể hiện ở 2 câu cuối?</p> <p>* Bình: ánh nhìn của thi sĩ về cánh buồm...và liên hệ với 2 câu thơ của NB...</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3: Hướng dẫn ghi nhớ</p> <p>? Nhận xét của em về ngôn ngữ và nội dung của bài thơ?</p> <p>* Giáo dục HS: t bạn cao đẹp</p>	<p>àThảo luận nhóm Đại diện nhóm trình bày</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>à chân thành tha thiết</p> <p>à Ngôn ngữ giản dị, hình ảnh gợi cảm</p>	<p>phất nổi niềm u hoài giữ người đi kẻ ở</p> <p>2. Hai câu cuối: Nỗi lòng đưa tiễn</p> <p>- Hình ảnh: “cô phàm” cánh buồm lẻ loi mờ dần, xa dần(viễn cảnh), đến khi cánh buồm mất hút vào khoảng trời nước xanh thăm bao la(bích không tận)-> Tâm trạng buồn lưu luyến lúc chia xa</p> <p>-“Trông theo chỉ thấy dòng sông bên trời”-> bạn đã đi vào khoảng trời nước xaxôi để lại một mình Lí Bạch cô đơn trong nỗi buồn li biệt</p> <p>èTình bạn chân thành tha thiết</p> <p>III.Tổng kết: Với ngôn ngữ giản dị hình ảnh gợi cảm, bài thơ thể hiện tình bạn sâu sắc, chân thành của 2 nhà thơ lớn thời Thịnh Đường. Thời đại nào tình bạn cũng rất trân trọng.</p>
---	--	--

4.Củng cố: Tình bạn của LB và MHN

5.Dặn dò: Học bài. Chuẩn bị bài mới: Thực hành phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ

<p>Tuần: 16 Tiết: 47 NS: 19/11</p>	<p>Tiếng Việt</p> <p>THỰC HÀNH</p> <p>PHÉP TU TỪ ẨN DỤ VÀ HOÁN DỤ</p>
--	---

I/MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh:

-Củng cố và nâng cao kiến thức và 2 phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ

-Có kĩ năng phân biệt, phân tích và sử dụng 2 phép tu từ nói trên

-Bồi dưỡng cảm xúc, thẩm mỹ qua bài thực hành ở lớp

II/CHUẨN BỊ

1.Giáo viên: SGK, SGV, Giáo án. Phương pháp: phát vấn, thảo luận

2.Học sinh: SGK, bài đã xem

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. Ổn định lớp – KTSS

2. KTBC: Thế nào là ngôn ngữ sinh hoạt? Đặc trưng của ngôn ngữ sinh hoạt? VD

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
HOẠT ĐỘNG 1:		I/ An dụ

<p>*Yêu cầu học sinh nhắc lại kiến thức cũ đã học</p> <p>?Thế nào là ẩn dụ? Nhắc lại các kiểu ẩn dụ?</p> <p>?Làm thế nào để phân biệt ẩn dụ ngôn ngữ và ẩn dụ nghệ thuật?</p> <p>*Yêu cầu học sinh đọc bài tập 1 về ẩn dụ?</p> <p>?Những từ thuyền, bến không chỉ là thuyền bến mà còn mang nội dung ý nghĩa gì?</p> <p>?Gọi học sinh đọc bài tập 2</p> <p>?Hình ảnh ‘lửa lựu lập lòe’ ẩn dụ điều gì?</p> <p>? “Thứ văn nghệ ngon ngọt, tình cảm gây go” là ẩn dụ chuyển đổi cảm giác để chỉ điều gì?</p> <p>*Gọi học sinh làm bài tập 3</p> <p>?Tìm nghĩa ẩn dụ của hình ảnh “từng giọt long lanh rơi”, “con chim chiền chiện”, “hót”, “hứng”?</p>	<p>à Trả lời lại kiến thức cũ đã học</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Định nghĩa ẩn dụ 2. Các kiểu ẩn dụ 3. Phân biệt ẩn dụ ngôn ngữ và ẩn dụ nghệ thuật <p>*Đọc bài tập và trả lời câu hỏi sgk/135</p> <p>à Thuyền di chuyển: ý chỉ người con trai ra đi rồi sẽ trở lại. Bến: cố định: ý chỉ người con gái ở lại chờ đợi</p> <p>*Đọc bài tập 2</p> <p>® chỉ mùa hè</p> <p>® ẩn dụ cảm giác: thứ văn chương thoát li, vô bổ và thứ tình cảm cá nhân nhỏ bé, ích kỉ</p> <p>*Đọc bài tập 3</p> <p>à “con chim chiền chiện” : cuộc sống mới; “hót” : tiếng reo vui của con người”</p> <p>à “Từng giọt long lanh rơi” : âm thanh, sức sống của mùa xuân</p> <p>à hứng: ẩn dụ: Thừa hưởng một cách trân trọng thành quả cách mạng</p>	<p>1/Bài tập 1</p> <p>“Thuyền ơi có nhớ...đợi thuyền”</p> <p>®Người con trai ra đi, người con gái ở lại chờ đợi</p> <p>2/ Bài tập 2</p> <p>-Hình ảnh ‘lửa lựu lập lòe’ ẩn dụ mùa hè</p> <p>-Thứ văn nghệ ngon ngọt, tình cảm gây go” là ẩn dụ thứ văn chương thoát li, vô bổ và thứ tình cảm cá nhân nhỏ bé, ích kỉ</p> <p>3/ Bài tập 3</p> <p>Ẩn dụ của hình ảnh “từng giọt long lanh rơi”, “con chim chiền chiện”, “hót”, “hứng” là cuộc sống mới; tiếng reo vui của con người, âm thanh, sức sống của mùa xuân, thừa hưởng một cách trân trọng thành quả cách mạng</p>
<p>HOẠT ĐỘNG 2</p> <p>*Yêu cầu học sinh nhắc lại kiến thức về phép hoán dụ(hoán dụ là gì?, các kiểu hoán dụ, phân biệt hoán dụ ngôn ngữ và hoán dụ nghệ thuật ra sao?)</p> <p>* Gọi Hs đọc BT 1II</p> <p>? Dùng những cụm từ “đầu xanh”, ‘má hồng”. Nhà thơ muốn nói điều gì và ám chỉ nhân vật nào?</p> <p>?Dùng những cụm từ “áo nâu, áo xanh”, Tố Hữu muốn chỉ lớp người nào trong xã hội?</p> <p>* Gọi HS đọc BT2II</p>	<p>à Nhắc lại kiến thức THCS:Định nghĩa.Các kiểu hoán dụ. Phân biệt hoán dụ ngôn ngữ và hoán dụ nghệ thuật</p> <p>à “đầu xanh” : người trẻ tuổi, “má hồng” ; Người con gái trẻ đẹp: nàng Thúy Kiều</p> <p>à lớp người nông dân và công nhân</p> <p>* Đọc BT</p>	<p>II. Hoán dụ</p> <p>1/Bài tập 1</p> <p>-Cụm từ “đầu xanh”:trẻ , “má hồng”:Người con gái đẹp</p> <p>àNàng Kiều.</p> <p>- Cụm từ “áo nâu: nông dân, “áo xanh”: công nhân</p> <p>2/ Bài tập 2</p> <p>a/-Phép hoán dụ : Thôn Đoài, thôn</p>

<p>? Phân biệt phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ trong hai câu thơ?</p> <p>? So sánh câu “Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông” khác với câu ca dao “Thuyền ơi có nhớ bến trăng...thuyền” ở điểm nào?</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3:</p> <p>?Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ</p>	<p>à Phép hoán dụ : Thôn Đoài, thôn Đông: Người thôn Đoài, người thôn Đông Phép ẩn dụ : cau trầu: lúa đôi phải lòng nhau. à Thuyền, bến : so sánh ngầm với người con trai và người con gái là ẩn dụ Thôn Đoài, thôn Đông là hoán dụ : lấy địa danh nơi ở để chỉ con người</p> <p>àPhân biệt ẩn dụ và hoán dụ: nêu khái niệm</p>	<p>Đông ® Người thôn Đoài, người thôn Đông -Ẩn dụ: Cau – trầu-->đôi lứa đang yêu b/ -Thôn Đoài, thôn Đông: chỉ người thôn Đoài và người thôn Đông -Thuyền, bến: những người đang yêu</p> <p>III. Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ 1. An dụ : dựa trên sự liên tưởng giống nhau của 2 đối tượng bằng sự so sánh ngầm 2. Hoán dụ : dựa trên sự liên tưởng gần gũi của 2 đối tượng mà không so sánh .</p>
---	--	--

4.Củng cố: Phân biệt giữa ẩn dụ và hoán dụ?

5.Dặn dò:Học bài. Tiết sau trả bài viết số 3 .

<p>Tuần: 16 Tiết: 46 NS: 19/11</p>	<p><u>Làm văn</u></p> <p>TRẢ BÀI VIẾT SỐ 3</p>
--	---

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh:

Thấy được ưu và nhược điểm trong bài số 3

Rút kinh nghiệm để khi hoá thân vào nhân vật đạt hiệu quả

II.CHUẨN BỊ

1.Giáo viên:Bi chấm đáp án, biểu điểm.

2.Học sinh: Đề bài

III.TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :

1. Ổn định lớp – KTSS

2. KTBC: không

3. Bài mới

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG 1:Hướng dẫn HS sửa bi viết</p> <p>-Yêu cầu hs đọc cu 1</p> <p>?Trình bày ý nghĩa của quá trình biến hoá của nhân vật Tấm trong truyện cổ tích Tấm cám?</p> <p>*Nhận xét – chốt ý-nu biểu điểm</p> <p>-Gọi hs đọc câu 2 (8đ)</p> <p>Yêu cầu HS phân tích đề</p> <p>*Giới thiệu yu cầu cần đạt về kỹ năng</p> <p>* Hướng dẫn HS tìm ý lập dn bi:</p>	<p>-> Đọc, suy nghĩ trả lời theo yêu cầu</p> <p>* Ghi nhận</p> <p>-> Đọc, trả lời</p> <p>à Nhập vai vào ADV giới</p>	<p>I. SỬA BÀI VIẾT</p> <p>Đề: Tôi tớ Mtao Mxây kể về Đăm Săn trong “Thăng Mtao Mxây”</p> <p>a.Yêu cầu về kỹ năng:biết lm bi văn tự sự nhập vai vào nhân vật, văn phong có cảm xúc, bố cục r rng, lập luận chặt chẽ, không mắc lỗi diễn đạt.</p> <p>b.Yu cầu về kiến thức: Cĩ thể trình by theo nhiều cch nhưng cần đảm bảo cc ý cơ bản sau:</p> <p>Dàn bài:</p> <p>- Mở bài : Nhập vai vào tôi tớ của Mtao Mxây giới thiệu khái quát về câu chuyện(1đ)</p>

<p>? Phần mở bài phải giới thiệu được điều gì?</p> <p>? Phần thân bài em sẽ nêu những nội dung nào?</p> <p>? Kết bài như thế nào</p> <p>Nhận xét – chốt ý-biểu điểm HOẠT ĐỘNG 2: * Phát bài</p> <p>* Yêu cầu HS tự nhận xét ưu điểm, hạn chế của bài làm dựa vào bài chấm.</p> <p>*Yêu cầu HS ghi những lỗi trong bi lm của bản thn v thực hiện sửa</p> <p>* Yêu cầu HS tự ghi nhận KQ và rút kinh nghiệm thông qua bi lm của c nhn – GV kiểm tra</p>	<p>thiệu khái quát về câu chuyện</p> <p>-> + Nhập vai vào ADV kể về sự việc ADV và quá trình xây thành chế nỏ -> Nhập vai vào ADV kể về nguyên nhân nước mất nhà tan và cơ đồ Au Lạc đắm bể sâu</p> <p>à Ý nghĩa. * Ghi nhận</p> <p>* Nhận bài</p> <p>* Ghi nhận kết quả</p> <p>à Tự rt kinh nghiệm</p>	<p>- Thân bài: + Nhập vai vào Mtao Mxây kể về nguyên nhân của cuộc chiến(2đ) +Nhập vai vào Mtao Mxây kể về diễn biến của cuộc chiến(3đ) +Nhập vai vào Mtao Mxây kể về sự việc ĐS thu phục tôi tớ của Mtao Mxây sau chiến thắng (1,5đ) +Nhập vai vào Mtao Mxây kể về cảnh ăn mừng sau chiến thắng (1,5đ) - Kết bài: Nhân vật nhập vai rút ra ý nghĩa của đoạn trích và thể hiện cảm xúc chung(1.đ)</p> <p>II. NHẬN XÉT 1.Trả bi 2.Nhận xt chung: *Số liệu: 26/43 số HS trn TB * Ưu: -Tỏ ra hiểu đề bài -Đa số nắm được sự việc cốt lõi của văn bản - Một số bài thực hiện nhập vai tốt tự cơ bản đảm bảo nội dung, văn phong có cảm xúc -Đọc bi 8,5 điểm * Hạn chế: - 10 HS không biết nhập vai, hoặc nhập vai thiếu tính nhất quán -Nhiều bài nêu được sự việc nhưng một vài sự việc thiếu những chi tiết tiêu biểu -Sai nhiều lỗi diễn đạt:Chính tả, từ ngữ , ngữ pháp, bố cục -Một vài bài chưa biết cách tạo lời, chỉ tạo ý, đặc biệt sử dụng nhiều kí hiệu trong bài làm -Đọc bi 2 điểm 3.Sửa bi cụ thể: -Ghi điểm số: -Tự Sửa lỗi của c nhn</p> <p>III. RT KINH NGHIỆM</p>
--	---	---

4.Củng cố :Cách làm văn tự sự nhập vai

5. Dặn dị : Soạn : Cảm xúc mùa thu-Đỗ Phủ

Tuần: 16 Tiết: 47 NS: 19/11	Đọc văn CẢM XÚC MÙA THU- Đỗ Phủ
-----------------------------------	---

I/MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh

- Cảm thông với tấm lòng của Đỗ Phủ . Trong bài này, Đỗ Phủ đã thể hiện nỗi lo âu cho đất nước, nỗi buồn nhớ quê hương và nỗi ngậm ngùi cho thân phận mình
- Đặc điểm nghệ thuật của thơ Đường ; đối cảnh sinh tình.

II/CHUẨN BỊ

- 1.Giáo viên: SGK, SGV, Giáo án
- 2.Học sinh: SGK, bài đã xem

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. **Ổn định lớp** – KTSS

2. **KTBC:** Đọc bài thơ “Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng” (phiên âm, dịch thơ) và nêu cảm nhận của em về tình bạn của Lí Bạch và MHN?

3. **Bài mới:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG 1: :Hướng dẫn HS đọc tiểu dẫn</p> <p>?Hãy nêu vài nét về tác giả Đỗ Phủ?</p> <p>* Cuộc đời nghèo khổ, lưu lạc, chí lớn phò vua giúp nước không thành, chết trong bệnh tật</p> <p>?Sự nghiệp thơ ca của Đỗ Phủ có đặc điểm gì?</p> <p>*Giảng: Bài “Bình xa hành” để phê phán chính sách mở rộng biên cương của vua Đường, chàm thơ “Tam lại” tố cáo thái độ vô trách nhiệm, chính sách bắt phu, bắt lính bừa bãi của triều đình,...</p> <p>?Hãy nêu HCST của bài thơ?</p>	<p>àDựa vào tiểu dẫn trả lời Là nhà thơ hiện thực hiện đại của TQ</p> <p>à đặc điểm sáng tác</p> <p>àSáng tác năm 766, khi nhà</p>	<p>I/ TIỂU DẪN:</p> <p>1) Tác giả:</p> <p>-ĐP (712 – 770) tự Tử Mĩ, quê ở Huyện Củng – Hà Nam – TQ</p> <p>-Nhà thơ hiện thực vĩ đại của TQ, là danh nhân văn hóa của thế giới.</p> <p>-Để lại khoảng 1500bài</p> <p>+ Niềm đồng cảm với nội dung trong khổ nạn, chứa chan tình yêu nước và tinh thần nhân đạo.</p> <p>+Giọng thơ trầm uất, nghẹn ngào – sd tất cả các thể thơ – đặc biệt là “luật thi”</p> <p>®Được mệnh danh là “Thi thánh”</p> <p>2) Hoàn cảnh sáng tác:</p> <p>-“Cảm xúc mùa thu” được ĐP</p>

<p>HOẠT ĐỘNG 2:Hướng dẫn đọc hiểu văn bản</p> <p>*Yêu cầu hs đọc bài thơ (phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ)</p> <p>*Định hướng đọc hiểu: hai ý.</p> <p>?Rừng phong vào mùa thu có đặc điểm ntn? Đặc điểm đó làm rừng phong ra sao?</p> <p>?Ngàn non vào thu được nhà thơ miêu tả có đặc điểm gì ?</p> <p>*Giải : phần dịch thơ không tải hết tinh thần phiên âm : Sương móc trắng xóa làm tiêu rừng phong thì không thể lác đác mà là đầy đặc sương móc thì mới đủ sức làm điều thương cả rừng phong.</p> <p>? Trong bức họa mùa thu của ĐP.Ngoài nét vẽ mùa thu rừng núi tác giả còn vẽ lên hình ảnh nào ?</p> <p>? Nghệ thuật được sd ở 2 câu thực?(3-4) Với những động từ mạnh được dùng (vọt,sa sầm) em có ấn tượng ntn về cảnh thiên nhiên ?</p> <p>* Tầm nhìn chuyển từ cảnh tĩnh nơi núi rừng sang cảnh động trên sông, mây trên ải khiến cho bức tranh mùa thu thêm phong phú,sinh động.</p> <p>-Yêu cầu hs thảo luận nhóm bàn 2 phút :</p> <p>?Qua những nét vẽ trên, em hãy nêu cảm nhận chung của mình về cảnh thu và tâm trạng của người họa cảnh ?</p> <p>®GV nhận xét – bổ sung hoàn chỉnh.</p> <p>*Chuyển ý : Qua cảnh thu ta đã phần nào tiên đón nỗi lòng của con người + đến 4 câu cuối ta mới cảm nhận đầy đủ</p>	<p>thơ đang cư ngụ ở Quỳ Châu</p> <p>*Đọc diễn cảm bài thơ</p> <p>àLác đác hạt móc sa xuống rừng phong® tiêu điều, điêu thương àNúi vu, kẽm vu hơi thu hiu hắt, mịt mù</p> <p>à Sóng nước, mây trời mùa thu</p> <p>àNghệ thuật đối : Cảnh thiên nhiên chuyển động dữ dội</p> <p>àThảo luận nhóm</p> <p>àĐại diện nhóm trình bày</p>	<p>sáng tác 766 khi nhà thơ đang cư ngụ ở Quỳ Châu</p> <p>- Là bài thơ thứ nhất trong chùm thơ “Thu hứng” (gồm 8 bài thơ)</p> <p> . Đọc hiểu văn bản:</p> <p>1.Cảnh thu (4 câu đầu)</p> <p>- Hình ảnh rừng núi mùa thu: +Rừng phong bị phủ 1 lớp sương trắng xóa ® tiêu điều,xơ xác</p> <p>+ Ngàn non (Vu sơn,Vu Giáp ® địa điểm hiểm trở) : hơi thu hiu hắt, mịt mù</p> <p>® Cảnh thu hùng vĩ – nhuộm màu sắc tàn tạ,âm u</p> <p>-Sóng nước mây trời mùa thu: nghệ thuật đối lập: +Giữa lòng sông sóng vọt lên tận lưng trời + Trên cửa ải mây sa sầm giáp mặt đất</p> <p>®Cảnh thiên nhiên chuyển động dữ dội</p> <p>==>Cảnh thu hoành tráng,dữ dội nhưng tiêu điều,u ám – lòng người trầm uất buồn lo</p>
---	---	--

<p>hơn về tình thu.</p> <p>?Ở câu 5,6 tác giả miêu tả hình ảnh gì? Nghệ thuật nào sử dụng ở đây?</p> <p>-Giảng: Cúc nở hoa 2 lần: Kể từ khi nhà thơ từ thành đô xuôi thuyền về Quỳ châu. Nay đã 2 năm xa quê đau buồn rời nước mắt, giọt nước mắt của người xa xứ. Hình ảnh con thuyền lẻ loi, đơn cô cũng là hình ảnh cuộc đời lẻ loi đơn độc của nhà thơ trong ngày cuối đời. Con thuyền buộc chặt cuộc đời ông và buộc chặt nỗi nhớ quê hương với vợi của ông. Nỗi lòng tha phương bật trào ở 2 câu cuối.</p> <p>?Hai câu cuối miêu tả cảnh gì? Cảnh ấy hiện lên ntn?</p> <p>*Những âm thanh tác dụng gợi cảm đặc biệt chúng không làm cho khách tha phương vui mà chỉ càng thêm não lòng với người viễn xứ.</p> <p>?Chính những hạnh ấy quen thuộc ấy đã gợi lên nỗi niềm nhà thơ ra sao?</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3: Hướng dẫn ghi nhớ</p> <p>?Cảm nhận chung của em về tình quê của nhà thơ?</p>	<p>à Khóm cúc, con thuyền và sd nghệ thuật đối lập</p> <p>à Cảnh sinh hoạt đời thường Mọi người may áo rét chuẩn bị mùa đông, tiếng chày đập áo dồn dập vào lòng người</p> <p>® Nỗi nhớ quê hương cuộn trào trong nhà thơ</p> <p>® Tình quê da diết, mãnh liệt</p>	<p>2) Tình thu (4 câu sau)</p> <p>- Hoa thu, con thuyền vào : Nghệ thuật đối lập: + Khóm cúc nở hoa đã 2 lần tuôn rơi nước mắt + Con thuyền lẻ loi buộc mãi tấm lòng nhớ nơi vườn cũ ® Nỗi niềm buồn thương xót xa</p> <p>- Cảnh sinh hoạt đời thường + Mọi người may áo rét chuẩn bị mùa đông: rộn rịp, náo nức + Âm thanh: tiếng chày đập áo dồn dập vào lòng người ® Cảnh quen thuộc – nỗi nhớ cuộn trào ==> Tình quê da diết, mãnh liệt</p> <p>III Tổng kết: Bài thơ là nỗi lòng riêng tư của ĐP nhưng cũng chứa chan tâm sự yêu nước yêu đời. Nghệ thuật thơ Đường ở đây đã đạt tới trình độ mẫu mực</p>
---	--	--

4. Ứng cố: Tình quê da diết, mãnh liệt của nhà thơ

5. Dặn dò: Học bài. Chuẩn bị bài mới: đọc thêm 3 bài thơ

- Lầu Hoàng Hạc

- Nỗi oán của người phòng khuê

- Khe chim kêu

<p>Tuần: 16 Tiết: 48 NS: 19/11</p>
--

Đọc thêm:

TẠI LẬU HOÀNG HẠC-Thôi Hiệu
NỖI OAN CỦA NGƯỜI PHÒNG KHUÊ -Vương Xương Linh
KHE CHIM KÊU -Vương Duy

I/MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh:

Nắm được nội dung tư tưởng và nghệ thuật đặc sắc của các bài thơ

II/CHUẨN BỊ

1.Giáo viên: SGK, SGV, Giáo án. Phương pháp: phát vấn

2.Học sinh: SGK, bài đã xem

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. **Ổn định lớp** – KTSS

2. **KTBC**: Đọc bài thơ “Cảm xúc mùa thu” phần phiên âm, dịch thơ và phân tích 4 câu cuối.

3. **Bài mới**:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG 1: Hướng dẫn đọc thêm bài 1</p> <ul style="list-style-type: none"> *Gọi HS đọc tiểu dẫn *Lưu ý những nét chính yêu cầu HS về nhà học ở sgk * Gọi HS đọc diễn cảm bài thơ <p>? Ở bài thơ, tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì để thể hiện tư tưởng tình cảm của mình?</p> <p>? Thông qua những nghệ thuật đã phát hiện , em hãy cho biết bài thơ thể hiện nội dung gì?</p> <p>* HHL là một trong những bài thơ đường hay nhất...</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Đọc tiểu dẫn sgk * Gạch chân những nét chính ở tiểu dẫn ở sgk *Đọc diễn cảm bài thơ <p>àNghệ thuật : đối lập, câu hỏi tu từ</p> <p>àtâm trạng sầu nhớ của nhà thơ trước cảnh đẹp của lầu HH (sầu vì thân phận con người ngắn ngủi , nhớ quê hương)</p>	<p>I. Bài thơ “Lầu Hoàng Hạc” - Thôi Hiệu</p> <p>1. Tiểu dẫn: sgk</p> <p>2.Đọc thêm văn bản</p> <p>-Nghệ thuật : đối lập, câu hỏi tu từ</p> <p>-Nội dung: + Thời gian 1 đi không trở lại Đời người là hữu hạn vũ trụ là vô hạn: Sự suy tư triết lí + Cảnh lầu Hoàng Hạc đẹp nhưng khiến người buồn nhớ quê hương ĐBao trùm bài thơ là một nỗi sầu : sầu vì thân phận con người ngắn ngủi trước vũ trụ vô hạn trên hết vẫn là nỗi sầu nhớ quê hương</p>
<p>HOẠT ĐỘNG 2: Hướng dẫn đọc thêm bài 2</p> <ul style="list-style-type: none"> *Gọi HS đọc tiểu dẫn *Lưu ý những nét chính yêu cầu HS về nhà học ở sgk * Gọi HS đọc diễn cảm bài thơ <p>? Điểm độc đáo ở phương diện nghệ thuật của bài thơ là gì?</p> <p>? Bài thơ thể hiện diễn biến tâm trạng của người phụ nữ? Hãy phân tích ngắn gọn để thấy sự diễn biến tâm trạng của nàng?</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Đọc tiểu dẫn sgk * Gạch chân những nét chính ở tiểu dẫn ở sgk *Đọc diễn cảm bài thơ <p>à phép đối</p> <p>àvui vẻ, yêu đời... chuyển sang sầu muộn...</p>	<p>II. Bài thơ “Nỗi oán của người phòng khuê” - Vương Xương Linh</p> <p>1. Tiểu dẫn:(sgk)</p> <p>2.Đọc thêm văn bản</p> <p>-Nghệ thuật: Cấu tứ đặc biệt , pháp đối</p> <p>-Nội dung: Sự chuyển biến tâm trạng của người khuê phụ +Người thiếu phụ vui tươi không biết buồn +Khi nhìn thấy “màu dương liễu” nhận ra tuổi xuân ngắn ngủi,cái già đến với nàng-cô đơn, sầu hận vì</p>

<p>* Hình ảnh người chinh phụ có chồng đi chinh chiến được thể hiện rất xúc động trong rất nhiều tác phẩm văn chương...</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3:Hướng dẫn đọc thêm bài 3</p> <p>*Gọi HS đọc tiểu dẫn</p> <p>*Lưu ý những nét chính yêu cầu HS về nhà học ở sgk</p> <p>* Gọi HS đọc diễn cảm bài thơ</p> <p>?Điểm nghệ thuật đặc sắc của bài thơ là gì?</p> <p>? Bài thơ tả cảnh như thế nào? Qua đó em biết gì về tâm trạng và cái nhìn của nhà thơ trước cảnh vật?</p> <p>* Sự cảm nhận nhạy bén của một tâm hồn sống chan hoà với hoa cỏ chim muông.</p>	<p>* Đọc tiểu dẫn sgk</p> <p>* Gạch chân những nét chính ở tiểu dẫn ở sgk</p> <p>*Đọc diễn cảm bài thơ</p> <p>àĐiểm nghệ thuật đặc sắc</p> <p>àCảnh tĩnh, lòng người thư thái...</p>	<p>chồng đi kiểm phong hầu ® lên án chiến tranh phi nghĩa</p> <p>III. Bài thơ “Khe chim kêu”- Vương Duy</p> <p>1.Tiểu dẫn(sgk)</p> <p>2.Đọc thêm văn bản</p> <p>-Nghệ thuật:lấy động tả tĩnh</p> <p>-Nội dung:</p> <p>+Cảnh thanh trong, tĩnh lặng</p> <p>+Tâm trạng con người : nhàn nhã, thư thái, lắng nghe sự vận động tinh vi của tạo vật®sự cảm nhận tinh tế</p> <p>Đ Sự giao cảm giữa thiên nhiên và con người</p>
--	--	--

4.Củng cố: Đặc sắc của các bài thơ.

5.Dặn dò: Về nhà ôn tập học kì I từ tuần 1- tuần 16

<p>Tuần: 17 Tiết: NS: 29/11</p>	<p>ÔN TẬP THI HỌC KÌ I</p>
---	-----------------------------------

(Từ tuần 1 - tuần 16)

I/MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh
 -Nắm được kiến thức cơ bản của TV, VH
 -Rèn kĩ năng làm bài tập TV và làm văn

II/CHUẨN BỊ

1.Giáo viên: SGK, SGV, Giáo án. Phương pháp phát vấn

2.Học sinh: SGK, bài đã xem

III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

1. **Ổn định lớp** – KTSS

2. **KTBC:**

3. **Bài mới:**

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	Yêu cầu cần đạt
<p>HOẠT ĐỘNG 1: Hướng dẫn ôn tập TV * Gồm 4 bài- Chỉ ôn những kiến thức cơ bản ? Nhắc lại những nét kiến thức cơ bản của bài Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ? ? Nhắc lại những nét kiến thức cơ bản của bài văn bản ? ? Nhắc lại những nét kiến thức cơ bản của bài đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết? ? Nhắc lại những nét kiến thức cơ bản của bài phong cách ngôn ngữ sinh hoạt?</p>		<p>A. PHẦN TIẾNG VIỆT I Kiến thức cơ bản 1.Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ -Hoạt động giao tiếp: là hoạt động trao đổi thông tin bằng ngôn ngữ... -Các nhân tố của hoạt động giao tiếp: +nhân vật giao tiếp, + hoàn cảnh giao tiếp, + nội dung giao tiếp, +mục đích giao tiếp, +phương tiện và cách thức giao tiếp. 2. Văn bản: -Khái niệm văn bản: là sản phẩm của quá trình giao tiếp = ngôn ngữ -Đặc điểm văn bản: +Tập trung thể hiện chủ đề +Các câu liên kết chặt chẽ, m. lạc +Tính hoàn chỉnh +Có mục đích giao tiếp -Loại: 6loại 3. Đặc điểm ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết -Ngôn Ngữ nói: + Là ngôn ngữ âm thanh.... + Đặc điểm diễn đạt: ngữ điệu, lớp từ khẩu ngữ, câu tỉnh lược -Ngôn Ngữ viết: + Là ngôn ngữ chữ viết.... + Đặc điểm diễn đạt: dấu câu,từ ngữ gọt giũa, câu đúng NP 4.Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt -Ngôn ngữ sinh hoạt: +Khái niệm +Các dạng:nói, viết, lời nói tái hiện -Phong cách ngôn ngữ SH: +Tính cụ thể +Tính cảm xúc +Tính cá thể II. Thực hành</p>

<p>* Giới thiệu BT thực hành 1 * Gọi HS đọc lại bài tập thực hành * Yêu cầu thảo luận nhóm bàn bài tập 1- thời gian 3 phút</p> <p>* Giới thiệu BT thực hành 2 * Gọi HS đọc lại bài tập thực hành * Yêu cầu thảo luận nhóm bàn bài tập 2- thời gian 3 phút</p> <p>* Giới thiệu BT thực hành 3 * Gọi HS đọc lại bài tập thực hành * Yêu cầu thảo luận nhóm bàn bài tập 3- thời gian 3 phút</p> <p>HOẠT ĐỘNG 2: Hướng dẫn ôn tập VH- phần văn học dân gian * Trước khi ôn tập VHĐG, là ôn bài Tổng quan văn học VN.</p>	<p>1. Phân tích các nhân tố trong hoạt động giao tiếp trong văn bản sau: Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu -Nhân vật giao tiếp: tác giả dân gian nói với người nông dân -Nội dung : khuyên nhủ mọi người đừng bỏ ruộng hoang -Mục đích:khuyên nhủ kêu gọi mọi người chịu khó làm việc đừng bỏ phí đất đai -Cách nói: chân tình(từ hô gọi “ ai ơi”)</p> <p>2. So sánh 2 văn bản sau: a/ Sen (d) Cây mọc dưới nước, lá to tròn, hoa màu hồng hay trắng, nhị vàng, hương thơm nhẹ, hạt dùng để ăn. b/ Trong đầm...mùi bùn -Về cách thức: + Văn bản a là văn xuôi +văn bản b là văn vần -Về mục đích: + Văn bản a cung cấp những hiểu biết về cây sen +văn bản b qua hình tượng hoa sen để ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người -Về từ ngữ: + Văn bản a dùng từ một nghĩa +văn bản b dùng từ ngữ đa nghĩa ==> VB a:thuộc phong cách KH, VBb thuộc phong cách văn chương</p> <p>3.Phân tích những dấu hiệu đặc trưng của ngôn ngữ sinh hoạt trong đoạn văn sau và cho biết đoạn văn thuộc dạng ngôn ngữ sinh hoạt nào? Đằm Sắn:-Ơ tất cả dân làng này, các người có đi với ta không? Tù trưởng các người đã chết, lúa các người đã mục. Ai chằng ngựa hãy đi dắt ngựa! Ai giữ voi hãy đi bắt voi! Ai giữ trâu hãy lừa trâu về! - Dấu hiệu đặc trưng: +Nhân vật giao tiếp: Đằm Sắn và tôi tớ của Mtao Mxây (trực tiếp) +Dùng từ tình thái: Ơ, này -Lời nói được sắp xếp theo kiểu phép điệp, phép đối tạo nên âm điệu hùng tráng Dạng lời nói mô phỏng</p> <p>B. PHÂN VĂN HỌC I Tổng quan văn học VN 1. Các thành phần: văn học dân gian, văn học viết. 2. Quá trình phát triển của văn học viết: 3 thời kì</p>
--	--

<p>? Nhắc lại các thành phần văn học, quá trình phát triển và con người VN qua văn học?</p> <p>*Ôn tập VHĐG</p> <p>? Cho biết đặc trưng cơ bản, các thể loại và giá trị của văn học dân gian?</p> <p>?Đoạn trích “Chiến thắng Mta Mxây có những sự việc tiêu biểu nào?</p> <p>? Nhắc lại những nét chính về nội dung và nghệ thuật của đoạn trích?</p> <p>?Cho biết những sự việc tiêu biểu của văn bản Truyện An Dương Vương và Mị Châu Trọng Thủy</p> <p>? Ý nghĩa của các chi tiết hư cấu?</p> <p>? Nhắc lại những nét chính về nội dung và nghệ thuật của văn bản?</p> <p>?Cho biết những sự việc tiêu biểu của văn bản Truyện Tấm Cám</p> <p>? Ý nghĩa của các chi tiết hư cấu?</p>		<p>-Văn học trung đại: Hán, Nôm... -Văn học hiện đại: chữ quốc ngữ...</p> <p>3. Con người văn học</p> <p>II. Văn học dân gian</p> <p>1.Khái quát văn học dân gian: a/Đặc trưng cơ bản của vhdg: - Truyền miệng - Tập thể b/Các thể loại vhdg:12 thể loại c/Giá trị văn học: nhận thức, giáo dục, thẩm mỹ.</p> <p>2. Văn bản văn học dân gian: a Chiến thắng Mtao Mxây (Trích sử thi Đăm Săn của dân tộc Tây Nguyên) -Những sự việc tiêu biểu: + Diễn biến cuộc chiến(thách chiến, chiến đấu và kết quả) +Đăm Săn thu phục tôi tớ của Mtao Mxây sau chiến thắng +Đăm Săn ăn mừng sau chiến thắng -Nội dung và nghệ thuật cơ bản của đoạn trích: (Ghi nhớ- SGK) b Truyện An Dương Vương và Mị Châu Trọng Thủy (Truyền thuyết) -Những sự việc tiêu biểu: + Quá trình xây thành chế nỏ +Nguyên nhân mất nước Âu Lạc và cơ đồ đắm bể sâu -Ý nghĩa những chi tiết hư cấu: + Rùa vàng: ông cha đời trước + Nỏ thần: Khát vọng của nhân dân về vũ khí giết giặc +ADV cầm sừng tê 7 tấc rẽ nước xuống biển: sự bất tử và tình cảm yêu quý của ND đối với vua + Hình ảnh ngọc trai giếng nước: minh oan cho MC, sự nhân đạo của tác giả dân gian -Nội dung và nghệ thuật cơ bản của đoạn trích: (Ghi nhớ- SGK) c.Truyện Tấm Cám(cổ tích) -Những sự việc tiêu biểu: + Mâu thuẫn giữa Tấm và mẹ con Cám vì quyền lợi gia đình(Hoàn cảnh Tấm, yếm đỏ, nuôi cá bống, xem hội, thử giày) +Mâu thuẫn giữa Tấm và mẹ con Cám vì quyền lợi xã hội (Tấm thanh hoàng hậu, mẹ con Cám hãm hại gắn với quá trình biến hóa của Tấm -Ý nghĩa những chi tiết hư cấu: + Bụt: ước mơ về công bằng xã hội + Quá trình biến hóa:(...): sức sống</p>
--	--	---

<p>? Nhắc lại những nét chính về nội dung và nghệ thuật của văn bản?</p> <p>? Cho biết những sự việc tiêu biểu của văn bản Truyện “Tam đại con gà”, “Nhưng nó phải bằng hai mày”</p> <p>? Ý nghĩa của văn bản?</p> <p>? Những nét chính về nội dung và nghệ thuật của các bài ca dao than thân yêu thương tình nghĩa?</p> <p>? Những nét chính về nội dung và nghệ thuật của các bài ca dao than hài hước?</p> <p>? Những nét chính về nội dung và nghệ thuật của “Lời tiễn dặn”?</p> <p>? Những nét chính về nội dung và nghệ thuật của “Uy- lit-xơ trở về”? “Ra-ma buộc tội”?</p>	<p>mãnh liệt, tinh thần đấu tranh không khoan nhượng đối với kẻ thù, thiện luôn thắng ác</p> <p>- Nội dung và nghệ thuật cơ bản của đoạn trích: (Ghi nhớ- SGK)</p> <p>d. Truyện “Tam đại con gà”, “Nhưng nó phải bằng hai mày” (truyện cười)</p> <p>- Truyện “Tam đại con gà”,</p> <p>+ Những sự việc tiêu biểu: 3 tình huống gây cười</p> <p>+ Ý nghĩa (Ghi nhớ- SGK)</p> <p>- Truyện “Nhưng nó phải bằng hai mày”</p> <p>+ Những sự việc tiêu biểu: 2 tình huống gây cười</p> <p>+ Ý nghĩa (Ghi nhớ- SGK)</p> <p>đ. Ca dao</p> <p>- Thuộc văn bản</p> <p>- Ca dao than thân yêu thương tình nghĩa</p> <p>+ Nội dung:</p> <p>o Số phận bị phụ thuộc, lỡ làng</p> <p>o Tình yêu nam nữ, tình cảm gia đình</p> <p>+ Nghệ thuật: so sánh, ẩn dụ, nhân hoá...</p> <p>- Ca dao hài hước</p> <p>+ Nội dung</p> <p>o Cười tự trào – mang ý nghĩa nhân văn</p> <p>v Cười phê phán: châm biếm thói hư tật xấu của con người</p> <p>+ Nghệ thuật: Phóng đại, tương phản</p> <p>e. Lời tiễn dặn (Trích tiễn dặn người yêu của dân tộc Thái)</p> <p>ê. Văn học nước ngoài: trích sử thi</p> <p>- Uy- lit-xơ trở về (trích sử thi “Ô-đi-xê”- Hi Lạp (ghi nhớ)</p> <p>- Ra-ma buộc tội (trích sử thi “Ra-ma-ya-na”- Ấn Độ (ghi nhớ)</p> <p>III. Văn học trung đại</p> <p>1. Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết TK XIX</p> <p>2. Tổ lòng- Phạm Ngũ Lão</p> <p>- Hình ảnh người trai thời Trần: vẻ đẹp hiên ngang, khí thế, tâm vóc kì vĩ trong cuộc vệ quốc ở Hào khí Đông A</p> <p>- Nỗi lòng PNL: phải trả xong nợ công danh, nỗi thẹn khi nghe chuyện Vũ Hầu và Vẻ đẹp của nhân cách</p> <p>- Ghi nhớ- SGK</p> <p>3. Nhân- Nguyễn Bình Khiêm</p> <p>- Cuộc sống “ nhân”: hoà hợp trở về với tự nhiên</p> <p>- Tâm hồn “ nhân”: quan niệm về khôn</p>
---	--

	<p>dại và vượt lên trên danh lợi -Ghi nhớ-sgk</p> <p>4. Đọc Tiểu Thanh kí-ND -Khóc cho TT -Khóc cho người “ phong vận” -Khóc cho mình -Ghi nhớ-sgk</p> <p>5. Đọc thêm: Vận nước(Quốc Tộ), Cáo bệnh, bảo mọi người (Mãn Giác) , Hứng trở về (Nguyễn Trung Ngạn)</p> <p>6. Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng- Lí Bạch -Cảnh lúc tiễn đưa -Tình lúc tiễn đưa -Ghi nhớ-sgk</p> <p>7. Cảm xúc mùa thu- Đỗ Phủ -Cảnh thu -Tình thu -Ghi nhớ-sgk</p> <p>8. Đọc thêm:Lầu Hoàng Hạc (Thôi Hiệu), Nỗi oán của người phòng khuê (Vương Xương Linh), Khe chim kêu (Vương Duy)</p> <p>C. PHÂN LÀM VĂN</p> <p>I. Văn tự sự: -Mở bài: giới thiệu câu chuyện -Thân bài: lần lượt trình bày những sự việc và chi tiết chính theo diễn biến câu chuyện -Kết bài: kết thúc câu chuyện: nêu ý nghĩa của nhân vật hoặc một chi tiết đặc sắc ý nghĩa</p> <p>II. Thực hành</p> <p>1. Đề: (1) Cây lau chứng kiến việc Vũ Nương tự vẫn. Kể lại câu chuyện đó theo ngôi kể thứ nhất(mở rộng tác phẩm “Người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ”) (2) Mtao Mxây kể về Đăm Săn. (3) Hoá thành châu ngọc, Mị Châu tâm tình.(Truyện ADV và MC TT) (4) Tấm tự kể về mình.</p> <p>2. Dàn ý: (1) Cây lau chứng kiến việc Vũ Nương tự vẫn. Kể lại câu chuyện đó -Mở bài: cây lau xưng tôi và tự giới thiệu -Thân bài: +Đang ngã nghiêng vui đùa theo ngọn gió, tôi bỗng thấy người đàn bà thần thờ từ trong làng đi ra, rồi ngồi xuống bờ sông sát cạnh tôi +Nhìn khuôn mặt tôi nhận ra Vũ Nương-</p>
--	--

		<p>người thường ra sông gánh nước và giặt giũ trong những ngày xa chồng, chợt tôi nghe nàng than thở...</p> <p>+Than thở một lúc, người thiếu phụ ấy đứng lên rồi lao xuống sông. Tôi giặt mình hoảng sợ cố vươn ngọn lá để níu chân nàng lại, nhưng không được</p> <p>-Kết bài: trước tình cảnh ấy lòng tôi tê tái đành cố vươn mình mượn ngọn gió cất tiếng vi vu than khóc...</p> <p>(2) Mtao Mxây kể về Đăm Săn.</p> <p>-Mở bài: Nhân vật tự giới thiệu</p> <p>-Thân bài:</p> <p>-Kết bài:</p> <p>(3) Hoá thành châu ngọc, Mị Châu tâm tình. (Truyện ADV và MC TT)</p> <p>-Mở bài: Nhân vật tự giới thiệu</p> <p>-Thân bài:</p> <p>-Kết bài:</p> <p>(4) Tấm tự kể về mình.</p> <p>-Mở bài: Tấm tự giới thiệu</p> <p>-Thân bài:</p> <p>-Kết bài:</p>
--	--	---

4. Củng cố: -Kiến thức trọng tâm và kĩ năng trọng tâm từ tuần 1- tuần 16

5. Dặn dò: Học bài. Chuẩn bị bài mới: Thực hành phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ

Tuần: 17 Tiết: 49,50 NS: 29/11	<u>Làm Văn</u> BÀI VIẾT SỐ 4 (Kiểm tra thi HKI)
I/ MỤC ĐÍCH YÊU CẦU: -Củng cố lại kiến thức đã học ở HKI (tuần 1® 14) -Rèn luyện cho hs kỹ năng viết bài văn tự sự II/ CHUẨN BỊ CỦA GV & HS: -Giáo viên: HD hs ôn tập, thực hành -Học sinh: +On lại những kiến thức đã học từ tuần 1® 14	

<p>Tuần: 18 Tiết:51 NS: 6/12</p>	<p><u>Làm văn:</u> TRÌNH BÀY MỘT VẤN ĐỀ</p>	
<p>I/MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh -Nắm được yêu cầu và cách thức trình bày một vấn đề -Mạnh dạn, bình tĩnh và tự tin khi trình bày một vấn đề.</p>		
<p>II/CHUẨN BỊ</p> <p>1.<u>Giáo viên</u>: SGK, SGV, Giáo án. Phương pháp: diễn giảng, quy nạp 2.<u>Học sinh</u>: SGK, bài đã xem</p>		
<p>III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC</p> <p>1. Ổn định lớp – KTSS 2. KTBC: không 3. Bài mới:</p>		
<p>HOẠT ĐỘNG CỦA GV</p>	<p>HOẠT ĐỘNG CỦA HS</p>	<p>YÊU CẦU CẦN ĐẠT</p>

<p>HOẠT ĐỘNG 1: *Giáo viên diễn giảng *Ai cũng có thể nói đúng, hay nếu có quyết tâm học tập, rèn luyện để trở thành một người “lập ngôn”</p> <p>HOẠT ĐỘNG 2: ?Công việc để chuẩn bị trình bày một vấn đề gồm những công việc nào ? ?Khi chọn vấn đề cần trình bày ta cần lưu ý gì ? Sau khi chọn vấn đề trình bày ,ta tiến hành lập dàn ý</p> <p>*Dàn ý trình bày một vấn đề cũng như dàn ý của một bài văn.Vậy dàn ý của một bài trình bày gồm có mấy phần ? ?Ở phần mở bài ta cần giải thích những gì ? ?Ở phần thân bài ta cần làm những gì ?</p> <p>? ở phần kết bài ta cần nhấn mạnh những điều gì ?</p> <p>HOẠT ĐỘNG 3: *Sau khi chuẩn bị xong ta bắt đầu trình bày vấn đề .? Khi bắt đầu trình bày ta cần tạo cho mình một tâm thế như thế nào ? ?Khi trình bày vấn đề ta cần phải trình bày như thế nào ?</p>	<p>-> Chọn vấn đề trình bày lập dàn ý trình bày . ->bản thân phải hiểu biết vấn đề đó,phải phù hợp với người nghe dự kiến những vấn đề cần trình bày .</p> <p>-> ba phần</p> <p>-> giải thích vấn đề cần trình bày -> triển khai vấn đề bằng những ý chính ,ý nhỏ ,sắp xếp các ý chuẩn bị trước những câu chào hỏi , kết thúc , chuyển ý và điều khiển giọng nói , cử chỉ</p> <p>->tóm tắt nhấn mạnh những ý chính</p> <p>-> bình tĩnh tự tin</p> <p>->trình bày đầy đủ những nội dung đã trình bày , chú ý người nghe -> điều chỉnh cho phù hợp</p>	<p>I.Tầm quan trọng của việc trình bày một vấn đề: Trình bày một vấn đề là một nhu cầu tất yếu trong cuộc sống.Đây là hình thức giúp ta có thể bày tỏ những suy nghĩ tình cảm của thuyết phục người nghe đồng tình với mình .</p> <p>II.Công việc chuẩn bị : 1.Chọn vấn đề trình bày -Hiểu biết của bản thân và vấn đề trình bày . -Phù hợp với người nghe (tuổi tác, trình độ,giới tính ,nghề nghiệp ..) -Dự kiến sẽ trình bày vấn đề nào</p> <p>2.Lập dàn ý cho bài trình bày a) Mở bài : Giới thiệu chung về vấn đề trình bày (vấn đề gì, lí do chọn vấn đề đó)</p> <p>b) Thân bài : -Làm sáng tỏ vấn đề được lựa chọn bằng ý chính -Triển khai ý chính thành những ý nhỏ -Sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí -Chuẩn bị trước cho các câu chào hỏi, kết thúc, chuyển ý và điều khiển giọng nói, cử chỉ .</p> <p>c)Kết bài : -Nhấn mạnh những ý chính đã trình bày -Kết thúc vấn đề trình bày bằng những câu chào ,cám ơn .</p> <p>III.Trình bày : 1.Bắt đầu trình bày : -Không vội vàng hấp tấp (bình tĩnh, tự tin). -Chào hỏi mọi người và tự giới thiệu bản thân .</p> <p>2.Trình bày nội dung chính : -Trình bày đầy đủ những nội dung đã chuẩn bị .</p>
---	---	--

		<p>việc của nhiều người .</p> <p>-Làm thế nào để lập lại trật tự an toàn giao thông .</p> <p>+Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông</p> <p>+Nâng cao chất lượng phương tiện giao thông .</p> <p>+ Nâng cao ý thức chấp hành luật lệ an toàn giao thông .</p> <p>c) Kết bài :</p> <p>-Nhấn mạnh “an toàn giao thông là hạnh phúc của mỗi người “</p> <p>-Trách nhiệm của bản thân khi tham gia giao thôn</p>
--	--	--

4.Củng cố : Trình bày một vấn đề

5.Dặn dò :

Chọn đề tài cho mình tự lập dàn ý

Chuẩn bị bài “Lập kế hoạch cá nhân ”thử lập một kế hoạch ôn tập cho môn học cho cá nhân

Tuần: 17 Tiết: 52 NS: 6/12	<u>Làm văn</u> LẬP KẾ HOẠCH CÁ NHÂN	
I/MỤC TIÊU CẦN ĐẠT : Giúp học sinh -Nắm yêu cầu của một bản kế hoạch cá nhân -Có thói quen và kĩ năng lập kế hoạch cá nhân		
II/CHUẨN BỊ 1. <u>Giáo viên</u> : SGK, SGV, Giáo án. Phương pháp :phát vấn, thảo luận 2. <u>Học sinh</u> : SGK, bài đã xem +Chuẩn bị trước ở nhà với bản kế hoạch cá nhân		
III/TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC 1. Ổn định lớp – KTSS 2. KTBC: 3. Bài mới:		
HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	YÊU CẦU CẦN ĐẠT

<p>HOẠT ĐỘNG 1: ? Lập kế hoạch cá nhân là gì? ? Khi tiến hành lập kế hoạch cá nhân em thấy có những thuận lợi gì ?</p> <p>HOẠT ĐỘNG 2: Yêu cầu học sinh tìm hiểu mục II trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi ?Các bước tiến hành xây dựng bảng kế hoạch cá nhân ? ?Các phần và nội dung của mỗi phần trong bảng kế hoạch cá nhân ? ?Đặc điểm ngôn ngữ của bảng kế hoạch cá nhân ?</p> <p>Thảo luận nhóm bàn 5phút: ?Xây dựng kế hoạch ôn tập môn ngữ văn học kì I: Giáo viên điều chỉnh cho học sinh tham khảo kế hoạch đã chuẩn bị sẵn . *Cách thức tiến hành . 1.Nhìn vào mục lục sách giáo khoa ngữ văn 10 tập một 2.Hệ thống hóa phần văn ,tiếng việt , làm văn. 3.Tóm tắt kiến thức đã học bằng cách hiểu và lời văn của mình . 4.Đối chiếu với bài giảng của thầy cô giáo . 5.Đối chiếu các mục ghi nhớ sách giáo khoa để kiểm tra *Thời gian . Tuần 1/12 :Hoàn thành mục (1) (2) Tuần 2/12:Hoàn thành mục (3) Tuần 3/12:Hoàn thành mục (4) Tuần 4/12:Hoàn thành mục (5)</p>	<p>->cá nhân trả lời theo suy nghĩ của mình</p> <p>->xác định yêu cầu nội dung quỹ thời gian của công việc , xây dựng kế hoạch cụ thể ->nội dung công việc cách thức thực hiện thời gian thực hiện</p> <p>-Ngắn rõ ràng</p> <p>* Thảo luận bàn à trình bày</p>	<p>I Sự cần thiết của việc lập kế hoạch cá nhân . -Kế hoạch cá nhân là bản dự kiến nội dung , cách thức hành động và phân bố thời gian để hoàn thành một công việc nhất định . -Kế hoạch cá nhân giúp ta chủ động trong công việc để đạt hiệu quả cao. -Có thói quen lập kế hoạch cá nhân là thể hiện một phong cách làm việc khoa học .</p> <p>II.Cách lập kế hoạch cá nhân : -Các bước tiến hành +Xác định yêu cầu nội dung ,quỹ thời gian của công việc . +Xây dựng kế hoạch cụ thể .Bản kế hoạch cụ thể +Nội dung công việc +Cách thức thực hiện +Thời gian thực hiện -Lưu ý :Ngôn ngữ ngắn gọn rõ ràng VD: Xây dựng kế hoạch ôn tập môn ngữ văn học kì I Mẫu tham khảo Kế hoạch ôn tập môn ngữ văn Họ và tên : Lớp 1.Mục tiêu cần đạt a.Về kiến thức : b.Về kĩ năng 2.Nội dung và kế hoạch ôn tập a.Nội dung :Trong phạm vi sách giáo khoa Ngữ văn 10 tập 1 b.Kế hoạch :Hoàn thành trước tháng 1 năm 2008 Nội dung ôn tập Cách thức tiến hành Thời gian</p>
--	--	---

<p>HOẠT ĐỘNG 3: ?Bảng lập kế hoạch cá nhân gồm có những gì? ?Ngôn ngữ * Điều chỉnh</p> <p>HOẠT ĐỘNG 4: Yêu cầu học sinh đọc bài tập 1 và trả lời câu hỏi *GV nhận xét chốt ý</p> <p>?Nhận xét bảng kế hoạch ở bài 2 GV nhận xét chốt ý Gv hướng dẫn học sinh tự lập bảng kế hoạch cá nhân đủ các mục yêu cầu .</p>	<p>àtiêu đề, họ tênđịa chỉ, nội dung công việc thời gian địa điểm thực hiện và kết quả...</p> <p>àBản kế hoạch cá nhân đơn giản ghi</p> <p>à Nhận xét</p>	<p>1.VH 2.T V 3.LV </p> <p>III.Ghi nhớ : -Tiêu đề -Phần I : họ tên, địa chỉ (nếu làm kế hoạch riêng cho mình thì không có phần này). -Phần II: nội dung công việc cần làm ,thời gian địa điểm và kết quả * Lưu ý:Lời văn cần ngắn gọn ,có thể kẻ bảng .</p> <p>IV.Luyện tập : BT1:Đây là bản kế hoạch cá nhân đơn giản ghi lại những công việc hằng ngày có tính chất lặp lại chưa có phần ,mục tiêu phần đầu ,kế hoạch thực hiện ,dự kiến kết quả đạt được BT2.Bảng kế hoạch có đủ các phần nhưng chưa cụ thể</p>
---	---	---

4.Củng cố :Cách lập kế hoạch cá nhân

5.Dặn dò:Về nhà tự hoàn chỉnh bảng kế hoạch +Chuẩn bị bài đọc thêm “ Thơ Hai –Cư của Ba sô “